

LƯỢC THUẬT HÀNH TRẠNG HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM

Dịch giả: Ni Chứng Tự Viện Vĩnh Minh Lâm Đồng
Hiệu Đính: GS. Phạm Phú Thành, ĐĐ: Thích Giải Hiền

MỤC LỤC

Nhân duyên in sách
Thư ủy quyền (bản tiếng Hoa)
Thư ủy quyền (Bản dịch tiếng Việt)
Biên tập thuyết minh

1. Lược thuật Hành trạng Hòa thượng Quảng Khâm. Lâm Giác Phi
2. Những lời khai thị của Hòa thượng Quảng Khâm. Lâm Giác Phi
3. Tôi có nhân duyên với Hòa thượng Quảng Khâm. Lâm Giác Phi
4. Một đoạn nhân duyên giữa tôi và Bồ - Tát Quảng Khâm. Chu Tuyên Đức
5. Đối thoại giữa Ngài Quảng Khâm và Pháp sư Tuyên Hóa. Giang Khải Siêu
6. Bái kiến và phỏng vấn Hòa thượng Quảng Khâm. Chương Khắc Phạm
7. “Pháp sư trái cây” không nơi nào không tự tại. Vân Lâm
8. Hòa thượng Quảng Khâm niệm Phật tam- muội. Vân Lâm
9. Hồi ký về Hòa thượng Quảng Khâm. Chương Khắc Phạm
10. Hòa thượng Quảng Khâm đã nói như vậy... Thủ Như
11. Hòa thượng khai đàn truyền giới, Đại chúng nao nức vui mừng. Huỳnh Kiến Hưng
12. Ngọn đèn mãi mãi chiếu sáng. Xã luận của Tuần san Từ Ân
13. Tưởng niệm các bậc Thiện tri thức. Cảm thán Hòa thượng Quảng Khâm Niết-bàn. Thích Khai Chứng
14. TÁN (xướng vào lúc cử hành đại lễ)
15. Niệm Nam- mô A-Di-Đà Phật là “Tổng tụng”. Quách Huệ Trân
16. THÂN DỊ THIÊN: Pháp thân Hòa thượng Quảng Khâm thị hiện linh hiển. Phùng Phùng
17. Xá – lợi linh thiêng của Hòa thượng Quảng Khâm. Đại Hoang

** Chú thích các hình ảnh tư liệu**

NHÂN DUYÊN IN SÁCH

Chùa Thừa Thiên Thiền Tự ở Thành Phố Thổ Thành, huyện Đài Bắc cùng với tên tuổi của Ngài Quảng Khâm từ lâu đã đi vào lòng người Phật tử và trở thành niềm tự hào của Phật giáo Đài Loan.

Ngài Quảng Khâm xuất gia tu học tại chùa Thừa Thiên, Tuyên Châu, Phúc Kiến, Trung Quốc: Sau đó, Ngài đến Đài Loan hoằng pháp và xây dựng chùa Thừa Thiên Thiền Tự. Ngài được tôn như Quốc Sư của Đài Loan, tổng thống Tưởng Kinh Quốc mỗi khi gặp việc lớn của quốc gia thường đến cầu thỉnh ý Ngài. Ngài nổi tiếng về hạnh tu đầu đà, sáu mươi năm Ngài không ăn đồ nấu, toàn ăn hoa quả và không hề đặt lưng xuống giường thường ngồi thiền tọa. Ngài viên tịch trong tư thế thiền tọa.

Chùa Thừa Thiên Thiền Tự cho đến nay vẫn giữ hạnh tu đầu đà, chư tăng ni ở chùa sống cuộc sống thanh bần, mặc dầu Phật tử và du khách đến chùa rất đông, nguồn thu nhập rất lớn nhưng cuộc sống đầu đà của chư tăng vẫn không thay đổi. Sau khi Ngài Quảng Khâm viên tịch đệ tử Ngài là Hòa thượng Tuyên Hối lên kế thế. Trong thời gian Ngài Tuyên Hối kế thế trụ trì Ngài đã đem số tiền mà thập phương thiện tín cúng dường cho chùa Thừa Thiên Thiền Tự đi giúp xây dựng các Phật học viện và cơ sở hoằng pháp khác ở Đài Loan mà đặc biệt là những cơ sở này không phải của Ngài và không thuộc hệ thống của Thừa Thiên Thiền Tự, chỉ cần những nơi ấy yêu cầu là Ngài đều sẵn lòng giúp tất cả nguồn tài chánh, điều này giúp chúng ta thấy được tâm hạnh Bồ tát của Ngài. Trước khi Ngài viên tịch, Ngài bảo đệ tử tổng kết số tiền mà trong mấy chục năm Ngài làm trụ trì thập phương Phật tử cúng riêng cho Ngài tất cả được năm trăm triệu Đài tệ (khoảng hai mươi tỷ đồng Việt Nam) Ngài phân làm năm phần cúng dường cho bốn cơ sở Phật giáo là: Trường đại học Phật Quang của Ngài Tinh Vân Phật Quang Sơn, trường đại học Pháp Cổ Sơn của Ngài Liễu Trung và công trình hy vọng xây dựng sáu mươi ngôi trường trung tiểu học do hội Từ Tế của Ni Sư Chứng Nghiêm đảm trách mỗi đơn vị một trăm Đài tệ, còn lại một trăm triệu Đài tệ Ngài cúng cho năm tổ chức từ thiện của chính phủ và các tôn giáo khác.

Sau khi Ngài Tuyên Hối viên tịch đệ tử là Thượng Tọa Đạo Cầu lên kế vị trụ trì, vẫn tuân giữ đạo phong và thanh quy của chùa tiếp tục tu hạnh đầu đà. Mặc dầu là trụ trì một chùa lớn Thượng Tọa Đạo Cầu vẫn rất giản dị mộc mạc và Ngài không bao giờ bỏ thời khóa tụng kinh ở chùa, khi tiếp khách dù là vị khách như thế nào cứ đến 3h45 chiều là Ngài nói với khách hoan hỷ ra về hay lên chùa làm lễ vì sắp đến giờ Ngài phải đi công phu chiều

với đại chúng rồi. Việc tuân thủ giờ giấc của thời khóa tu tập hằng ngày của Thượng Tọa trụ trì như vậy cũng đủ cho chúng ta thấy được đạo phong của chùa Thừa Thiên Thiên Tự như thế nào.

Trong thời gian du học ở Đài Loan, tôi được quen Phật tử Triệu Sâm Phát và vợ là Lữ Tá Trí. Hai vị là hộ pháp của chùa Thừa Thiên Thiên Tự. Mọi giấy tờ nhà đất của chùa đều do vợ chồng Phật tử Triệu Sâm Phát đứng ra giải quyết. Trong chùa mỗi khi có việc quan trọng điều gọi và giao cho vợ chồng Phật tử đứng ra lo liệu. Khi Ngài Truyền Hối Sắp viên tịch Ngài cho gọi hai vợ chồng Phật tử Triệu Sâm Phát thay Ngài chuyển số tiền của Ngài cúng dường đến hội Từ Tế nên vợ chồng Phật tử rất được chùa tin cậy.

Trong một lần về Việt Nam nghỉ hè và lo trai đàn Chẩn tế ở chùa Linh Ân, các chư Ni của Vĩnh Minh Tự Viện có thưa với tôi việc dịch quyển (Quảng Công Hành Trạng) và muốn in nhưng không có kinh phí nhờ tôi tìm cách giúp cho quý vị đạt thành sở nguyện tôi liền nghĩ ngay đến vợ chồng Phật tử Triệu Sâm Phát và Lữ Tá Trí mà tôi quen, nên nói quý vị viết liền cho tôi ít chữ đề khi xong lễ sang lại Đài Loan tôi sẽ tìm cách giúp quý vị.

Sau khi về lại Đài Loan tôi đã nhờ Phật tử Triệu Sâm Phát đưa đến chùa Thừa Thiên Thiên Tự tổng cộng ba lần để dành lễ Thượng Tọa Đạo Cầu cùng ban quản trị của chùa để xin phép cho quý cô được dịch và in quyển sách trên ra Việt văn, Thượng Tọa Đạo Cầu rất hoan hỷ và xin ban quản trị ủng hộ kinh phí một trăm năm mươi lăm ngàn Đài tệ để in sách. Được phép và được tiền rồi tôi cùng thầy Phạm Phú Thành nỗ lực sửa bản dịch (theo khả năng của chúng tôi) để không phụ lòng của Thượng Tọa Đạo Cầu, ban quản trị của chùa cùng quý Phật tử Triệu Sâm Phát và Lữ Tá Trí đã dốc lòng giúp đỡ.

Nay công việc in sách sắp đi vào giai đoạn cuối. Tôi kính ghi đôi dòng nhân duyên này để tỏ lòng tri ân cùng chư Tôn đức, quý Phật tử và cần cầu chư Tôn thức giả chỉ giáo nhiều cho lần tái bản sau.

Đà Lạt, ngày Vu Lan năm 2003
Thích Giải Hiền kẻ thù

THƯ ỦY QUYỀN

Về việc: Dịch ra Việt văn và Ấn tổng sách “Quảng Công Thượng Nhân Sự Tích”

1. Nay chấp nhận cho Đại Đức Thích Giải Hiền cùng quý sư cô (tất cả 5 vị) được toàn quyền phiên dịch “Quảng Công Thượng Nhân Sự Tích” (phụ khai thị lục hành trì ngữ lục) do Thừa Thiên Thiên Tự ấn bản ra Việt văn.
2. Nay chấp nhận cho Đại Đức Thích Giải Hiền cùng quý sư cô (tất cả 5 vị) ấn tổng 5.000 quyển “Quảng Công Thượng Nhân Sự Tích” bằng Việt văn. Đồng thời hoan nghênh việc phiên dịch ấn tổng lưu truyền sách trên.
3. Kinh phí ấn tổng 5.000 quyển bản Việt văn là 30 Đài tệ/1 cuốn. Tổng cộng 150.000 Đài tệ (một trăm năm mươi nghìn Đài tệ) do Thừa Thiên Thiên Tự cúng dường.

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 91
Ngày 28 tháng 10 năm 2002

Bên được ủy quyền
Việt Nam Minh Đức Tự Thiện
Sự Nghiệp Cơ Kim Hội
THÍCH GIẢI HIỀN
(Đã ký)

Bên lập thư ủy quyền
Phật Giáo Tài Đoàn Pháp Nhân
Thừa Thiên Thiên Tự Trụ Trì
THÍCH ĐẠO CẦU
(Đã ký và đóng dấu)

Biên tập thuyết minh

Vào năm 1997, khi chỉnh lý các bài ghi chép cũ, chúng tôi tìm thấy một số bài ghi lại lời giảng của Ngài Quảng Khâm tại Pháp Hội tháng 7 năm 1974. Cùng thời gian này, thấy xuất hiện một phần tư liệu do một vị đệ tử của Ngài lưu giữ. Hai nhóm tư liệu được đem kết tập thành cuốn “Quảng Khâm Thượng Nhân khai thị” (Những lời giảng dạy của Ngài Quảng Khâm). Xét về thời gian thì phần tư liệu chúng tôi đọc thấy sau lại có trước, nhưng lúc bấy giờ nhân duyên chưa hội đủ để có thể phổ biến đến các vị độc giả. Nay xin theo thứ tự thời gian, đưa phần tư liệu này lên phía trước của ấn bản đầu tiên, và sách trở thành “Bản có bổ sung”.

Tập sách viết về cuộc đời của Ngài Quảng Khâm xuất bản lần đầu tiên vào tháng 5 năm 1986 sau khi Ngài viên tịch ít lâu. Tập sách này tập hợp những bài viết về Ngài được đăng tải trên các báo và tạp chí, lúc đó ấn tống 5000 bản. Sau khi xuất bản phát hiện thấy nhiều sai sót, nên khi tái bản đã cho đính chính và sửa chữa những sai sót ấy.

Sau lần xuất bản đầu tiên chưa đầy vài tháng, độc giả đã nhanh chóng thính hết; vì vậy vào tháng 9 năm đó sách lại được tái bản 5000 cuốn. Lần đầu và lần thứ hai xuất bản, sách đều gồm 32 bài viết; lần thứ ba sửa còn 25 bài. Nội dung và văn chương của lần xuất bản đầu và lần thứ hai hoàn toàn giống nhau; nhưng lần thứ hai, ngoài việc sửa chữa một số sai sót của lần đầu, các bài viết còn được sắp xếp theo thứ tự thời gian; đến lần xuất bản thứ ba mới thêm vào phần đối thoại giữa Hòa Thượng Quảng Khâm và Hòa Thượng Tuyên Hóa, và thiên cuối sách nói về “Những điều linh hiển”.

Về những hình ảnh tư liệu, có thêm ảnh chụp điện Tam Thánh của chùa Thừa Thiên trước khi trùng tu và ảnh nhà kỷ niệm Ngài Quảng Khâm. Lại có các ảnh cũ về đời sống sinh hoạt của Ngài, cùng một số hình ảnh hai ngày trước khi Ngài viên tịch.

Tháng 2 năm 1992, sách lại thêm bài “Niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tức là Tổng tụng”.

Tập sách viết về hành trạng (tiểu sử) này đã được xuất bản 3 lần, mỗi lần ấn tống 5000 cuốn, đều được độc giả thính hết.

Đến lần xuất bản thứ tư này, có người đề nghị nên có lời giải thích về những điều sửa đổi của ba lần xuất bản trước cho độc giả hiểu nhưng vì lúc đó công việc ở chùa quá bận rộn nên không kịp cải chính. Do vậy mà nay chúng tôi đặc biệt xin có đôi lời thuyết minh giải bày ở đây.

Ban biên tập cần chí

LƯỢC THUẬT HÀNH TRẠNG HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM

Hòa thượng sinh ngày 26 tháng 10, năm Quang Tự thứ 18, cuối đời Nhà Thanh. Ngài là con gia đình họ Hoàng ở huyện Huệ An, tỉnh Phúc Kiến. Năm lên bốn tuổi, vì gia đình nghèo khó, anh của Ngài không có tiền cưới vợ, cha mẹ đem Ngài bán cho một gia đình họ Lý ở ngoại thành phía Nam thuộc huyện Tấn Giang để làm con nuôi,

Cha nuôi ngài tên Lý Thọ, mẹ nuôi tên Lâm Thái. Từ thuở nhỏ Ngài yếu đuối và nhiều bệnh tật, nhưng huệ căn đầy đủ, theo mẹ tin Phật, ăn chay.

Khi Ngài vừa lớn lên cha mẹ nuôi lần lượt qua đời để lại ruộng vườn, bà con rắp tâm chiếm đoạt. Ngài cảm nhận sâu sắc cuộc đời là vô thường khởi tâm xuất gia, đem ruộng đất chia cho bà con, rồi đến xin vào tu trong chùa Thừa Thiên ở Tuyên Châu.

Vị trụ trì chùa Thừa Thiên là Hòa Thượng thượng Chuyển hạ Trần bảo Ngài quy y tu khổ hạnh với Pháp sư thượng Thụy hạ Phương. Pháp sư giao Ngài làm các công việc bên ngoài như: nhổ cỏ, trồng rau... Sau đó, do nhận duyên đặc biệt Ngài có đến Nam Dương (Indônêxia) ở nhiều năm. Khi trở về chùa Thừa Thiên Ngài đã 36 tuổi, lúc bấy giờ mới được Pháp sư thượng Thụy hạ Phương xuống tóc, đặt Pháp danh là Chiêu Kính, tự là Quảng Khâm. Sau khi xuất gia, Ngài chuyên tâm tu khổ hạnh, ăn những món mà người khó ăn, làm những việc người khó làm, thường ngồi không nằm, nhất tâm niệm Phật. Năm 1933, Ngài đến chùa Từ Thọ Thiền Tự ở Nang Sơn, huyện Bồ Điền yết kiến Hòa thượng Diệu Nghĩa để cầu giới, lúc ấy Ngài đã 42 tuổi. Sau khi thọ giới trở về, Ngài quyết chí tinh tấn ần tu. Được sự đồng ý của Hòa Thượng thượng Chuyển hạ Trần. Ngài chỉ mang theo áo quần, vật dụng đơn sơ và hơn 10 cân gạo (một cân = 600 gam) đến núi Thanh Nguyên phía Bắc thành Tuyên Châu, tìm một động đá giữa sườn núi làm chỗ trú thân, ở trong động tọa thiền niệm Phật. Khi lương thực mang theo cạn hết, Ngài ăn củ rễ cây và trái rừng cho đỡ đói. Trong núi có nhiều cọp và khi, lâu ngày người và thú sống với nhau không còn sợ sệt, lại có vợ chồng cọp đực cái, cọp đực đến quy y. Từ đó mỹ hiệu “Phục hổ sư” (Thầy hàng phục cọp) lan truyền khắp nơi.

Ngài thường nhập định có khi đến vài tháng không ăn, không cử động, thậm chí hơi thở cũng không còn. Mọi người lầm tưởng Ngài đã viên tịch, nhiều lần xin hòa thượng trụ trì chuẩn bị hỏa táng Ngài.

Lúc bấy giờ Ngài Hoàng Nhất Đại Sư – một vị cao tăng Luật tông - ở chùa Phổ Tuế huyện Vĩnh Xuân, nghe tin vội vàng đến chùa Thừa Thiên, rồi cùng với Đại lão Hòa thượng thượng Chuyển hạ Trần và vài người nữa lên

núi xem xét, đến nơi mới biết Ngài còn ở trong Định, mọi người vô cùng tán thán. Đại sư Hoảng Nhất búng ngón tay ba lần thỉnh Ngài xuất định.

Ngày tháng trôi mau, thâm thoát đã 13 năm. Vào năm Ất Dậu (1945), Ngài xuống núi trở về chùa Thừa Thiên; mùa thu năm sau Ngài đến Nam Phổ Đà – Hạ Môn, vào ở trong động đá nơi núi phía sau để ngày đêm lễ Phật. Năm Đinh Hợi (1947) Ngài 56 tuổi, ngày rằm tháng sáu, Ngài từ Hạ Môn lên tàu Anh vượt biển sang Đài Loan, trưa ngày 16 cập bến Cơ Long.

Lúc đầu Ngài ở tạm trong các chùa Cực Lạc. Linh Tuyền, Tỏi Thắng, đầu tháng 7 dời sang động núi Chi Sơn ở Đài Bắc. Sau Trung Thu Ngài lại đến tạm trú trong một ngôi nhà trống xây theo kiểu Nhật Bản nằm giữa sườn núi bờ nam thuộc Điều Kiêu – Tân Điểm. Lúc bấy giờ Ngài cũng thường lui tới chùa Pháp Hoa – Đài Bắc, nơi đây Ngài đã siêu độ hồn ma người Nhật. Mùa xuân năm Mậu Tý (1948) Ngài khoét một động đá nơi vách núi phía sau đường Tân Điểm và gọi nó là hang núi Quảng Minh (chùa Quảng Minh ngày nay). Đến năm Tân Mão (1951) Ngài tạc tượng Phật A-Di-Đà lớn trên vách đá phía bên phải động, mở đầu cho phong cách tạc tượng Phật trên đá, ở Đài Loan.

Tháng 11 cùng năm (1951), nghe nói có động cổ thiên nhiên trên núi Thành Phước nằm giữa Thổ Thành và Tam Hiệp, Ngài liền dẫn bốn đệ tử, bám dây rừng leo lên. Quả nhiên gặp một thạch động rất lớn, cao hơn hai trượng, rộng vài trượng, sâu khoảng hai trượng. Ngài ở một mình trong động ngay đêm ấy. Động quay về hướng đông, mặt trời mặt trăng khi mới mọc đều chiếu ánh sáng vào động, do vậy Ngài đặt tên là động Nhật Nguyệt. Trên đỉnh động có dòng suối, nước rất trong, uống vào thấy ngọc ngào, tinh thần sáng khoái.

Từ đó Ngài trở lại cuộc sống ẩn cư.

Tháng 5 năm sau (1952), Ngài cất thêm ba gian nhà ván, bên ngoài động thờ tượng Bồ-Tát Địa Tạng. Ngài ở đó được 3 năm, đồng thời lại cất thêm một gian nhà tranh trên đỉnh động để đệ tử cùng tu. Tháng 2 năm 1953, Ngài lại lên đỉnh núi cất một am tranh nhỏ trước một tảng đá lớn để ở.

Tháng ba năm Ất Mùi (1955), Phật tử ở Bản Kiêu mua vùng đất núi Hóa Sơn ở Thổ Thành huyện Đài Bắc cúng cho Ngài. Nay chính là chùa Thừa Thiên núi Thanh Nguyên, Thành phố Thổ Thành, huyện Đài Bắc – Đài Loan).

Vùng đất này, trước khi vốn là rừng tre ít người lui tới. Ngài cùng đệ tử đốn tre làm giường, trái cỏ mịn lên trên để ngồi thiền. Ngài nói với các đệ tử: “Thầy ngồi đây rất tốt, các con về được rồi”. Đến giữa tháng 5 năm ấy, Ngài xây một gian nhà ngói để thờ Phật. Năm sau Ngài trở về chùa Quảng Chiếu ở Tân Điểm.

Cuối năm 1958 (năm Mậu Tuất), Ngài trở về Hóa Sơn, năm sau (năm Kỷ Hợi) lại cất thêm vài gian nhà tranh. Đến tháng 4 năm 1960 (năm Canh Tý) mới xây dựng Đại Hùng Bảo Điện để nhớ về Tổ đình (ở Trung Quốc) Ngài đặt tên là Thừa Thiên Thiền Tự. Núi Hóa Sơn thì gọi là núi Thanh Nguyên. Năm 1962 Ngài xây dựng Điện Tam Thánh.

Năm 1963 (Năm Quý Mão), Ngài 72 tuổi, theo lời mời của Phật tử, Ngài đến Thiên Tường – Hoa Liên ở vài tháng giúp xây chùa Tường Đức (nay là tháp Thiên Phong, tức là am tranh mà Ngài ngồi thiền xưa kia). Sau lại chấp nhận lời thỉnh cầu của những đệ tử ở miền trung thỉnh Ngài đến Nam Liêu núi Long Tinh-Đài Trung sáng lập chùa Quảng Long. Năm 1964 (năm Giáp Thìn) Ngài trở về chùa Thừa Thiên ở Thổ Thành, cuối năm đó Ngài dựng công chùa, sửa lều tranh lại thành phương trượng xây bằng bê-tông, kế tiếp vào tháng 9 năm 1965 xây trai đường và nhà trù... Chùa Thừa Thiên, bước đầu kể như được hoàn tất.

Ban đầu chùa Thừa Thiên làm bằng gạch ngói, nhưng xây cất vội vàng cho xong, lâu ngày nền đất lún xuống, tường vách bị nứt nẻ, do vậy mà vào mùa xuân năm 1976 bắt đầu xây cất lại. Đầu tiên liêu phòng của chúng nữ trước điện Tam Thánh được xây lại thành lầu hai tầng bằng bê-tông cốt sắt. Mùa thu năm sau, mở núi ban đất, tháo dỡ các công trình xây dựng cũ: điện Tam Thánh, trai đường, nhà bếp, Đại Hùng Bảo Điện, liêu phòng chúng nam và phương trượng. Mùa xuân năm 1978, trên nền Đại Hùng Bảo Điện cũ xây điện Tam Thánh và liêu phòng hai tầng, rồi dựa theo thể đất núi xây Tô Đường; chỗ trai đường cũ cất lại trai đường hai tầng và nhà bếp. Năm 1979 bắt đầu kiến thiết Đại Điện mới. Năm 1983, đặt móng Lầu Đại Bi bên triền núi phải, hiện nay cấu trúc Lầu Đại Bi sắp hoàn thành. Năm 1969 Ngài lại xây dựng chùa động Quảng Thừa ở bên phải phía sau nhà hành chánh thị trấn Thổ Thành.

Năm 1978, tại nơi đây xây tháp Hoa Tạng, kể đến là Đại Hùng Bảo Điện, hai dãy thiền phòng, tầng hầm dưới mặt đất, tàng kinh các, điện La Hán, giảng đường, thiền phòng trên và dưới lầu lần lượt được hoàn thành. Sau lại lợp lại Điện Địa Tạng hoàn thành mới như ngày nay. Công trình thi công kiến trúc chùa động Quảng Thừa do Pháp sư Truyền Bản chủ trì.

Tháng 9 năm 1982, Ngài phái người đệ tử từng theo Ngài trên dưới 10 năm là pháp sư Truyền Văn đến thôn Bảo Lai, hương Lục Quy huyện Cao Hùng xây dựng chùa Diệu Thông. Đến nay Đại Hùng Bảo Điện, Ngũ Quán đường, Niệm Phật đường, liêu phòng chúng nữ đều đã cất xong. “Linh sơn bảo tháp” sau này thờ linh cốt Ngài cũng đang bắt đầu thi công. Tháng 7 năm 1984 Ngài đến chùa này, sang tháng 10 năm 1985 mở Đại Giới Đàn, giới tử khắp nơi quy tụ về rất đông, trên mấy ngàn người; đồng thời Ngài mở Pháp Hội “Thủy Lục” phổ độ chúng sanh, trang nghiêm chưa từng thấy.

Ngài có nếp sống mộc mạc, bình dị, khiêm cung hòa ái, tuy đã gần trăm tuổi mà đi không dùng gậy, không cần người dìu đỡ, thân thể nhẹ nhàng rắn chắc. Ngài thường ngồi mà không nằm, có khi ngồi thoải mái, giữa trời hoặc dưới mái hiên. Từ năm 78 tuổi Ngài đôi dùng thức ăn lỏng.

Cuối năm 1985, Ngài lấy lý do, trông coi công việc xây lầu Đại Bi chùa Thừa Thiên nên ngài muốn trở về Đài Bắc. Ngày 25 tháng 12 âm lịch, pháp sư Truyền Hối xuống miền Nam. Ngày 26 thỉnh Ngài về chùa Thừa Thiên. Các phật tử miền Bắc nghe tin, từng đoàn đến thăm viếng Ngài.

Sáng sớm mùng một Tết, Ngài triệu tập các đệ tử có trọng trách ở các phân viện cùng đại chúng chùa Thừa Thiên đến để dặn dò cẩn thận, đồng thời nói về việc hỏa táng sau khi Ngài viên tịch: linh cốt sẽ chia làm ba phần, để tại các chùa Thừa Thiên, chùa Diệu Thông và chùa Quảng Thừa. Cơm sáng xong, Ngài tỏ ý muốn trở về chùa Diệu Thông, đại chúng thấy ý Ngài đã quyết không dám giữ lại, liền đưa Ngài về miền Nam.

Về đến chùa Diệu Thông, Ngài niệm Phật liên tục cả đêm lẫn ngày, có khi tự gõ mõ và dạy đệ tử cùng niệm. Đến ngày mùng 5, mắt Ngài trong sáng, định tĩnh an tường, không có vẻ gì khác lạ. Khoảng hai giờ chiều, bất chợt Ngài nói với đại chúng: “không đến cũng không đi, chẳng có việc gì”. Ngài quay sang các đệ tử, gật đầu mỉm cười rồi an tọa nhắm mắt. Một lát sau mọi người thấy Ngài bất động, đến xem kỹ mới hay Ngài đã an lành viên tịch trong tiếng niệm Phật của đại chúng.

Cả một đời Ngài ân tu khổ hạnh, an bản lạc đạo, ý chí kiên cường, tâm hồn chất phác, trí tuệ khai thông, cuối cùng Ngài đã giác ngộ hoàn toàn. Khi đến Đài Loan, Ngài rộng độ cả hai cõi âm dương, cảm thú quy phục, an vui với thiên, không dùng thức ăn nấu chín. Trải qua nửa đời người, Ngài là bậc mô phạm thể hiện công đức tu hành, thực hành đúng khuôn mẫu của những bậc tu khổ hạnh đầu đà, thật đáng tán tụng như các bậc Cổ Đức. Tiếc rằng chúng sanh phước mỏng nghiệp dày, chưa được hưởng những lời dạy dỗ của Ngài mà Ngài đã ra đi. Biết bao nhiêu người đốt hương khẩn nguyện cầu mong Ngài không xả ly bi nguyện, trở lại lèo lái thuyền từ, rộng độ quần mê, đưa chúng sanh sang bờ giải thoát, đồng thành tựu Chánh Giác.

Quảng Khâm Lão Hòa Thượng Viên Tịch Tán Tụng Ủy Viên Hội

(Ban tang lễ, lễ tang Đại Lão Hòa Thượng thượng Quảng hạ Khâm)

Trung Hoa Dân Quốc năm 75, ngày 28 tháng 2

Hòa Thượng trụ tại chùa Thừa Thiên Thiện Tự từ tháng ba năm 1955 đến tháng bảy năm 1984 thì về ở tại chùa Diệu Thông tổng cộng hơn 30 năm. Mùa xuân năm 1984 chùa Diệu Thông bắt đầu được xây dựng, sau khi dự Pháp Hội Đại Bi tháng 2 âm lịch xong, Ngài liền về chùa Diệu Thông, trước khi đi Ngài cho biết cứ mỗi tháng vào dịp Pháp Hội Đại Bi Ngài sẽ trở về. Như thế là mỗi tháng Ngài đều chân tích giữa hai miền Bắc Nam Đài Bắc và Cao Hùng. Đến kỳ Pháp Hội Đại Bi tháng năm, khi Ngài trở về gặp lúc miền Bắc Đài Loan bị nạn lụt “Ngày 03 tháng 6” rất lớn đường lên chùa Thừa Thiên ngập nước đến hông, xe cộ không lưu thông được, tin chúng tham gia Pháp hội Đại Bi chỉ có sáu bảy người; từ đó về sau Pháp Hội Đại Bi chùa Thừa Thiên Ngài không về dự nữa. Tháng bảy âm lịch năm ấy, chùa Thừa Thiên lần đầu tổ chức Pháp hội Địa Tạng, Ngài lại trở về núi Thanh Nguyên, nhưng chưa kịp đợi đến ngày Pháp Hội hoàn mãn thì vào trung tuần tháng ấy Ngài lại phải trở về chùa Diệu Thông. Cho mãi đến tháng 10, nhân dịp Sinh nhật 93 tuổi của Ngài, Ngài lại trở về chùa Thừa Thiên dự Lễ Chúc Thọ, trong tuần Phật thất chúc thọ Ngài tuyên bố với chúng đệ tử rằng năm tới địa điểm tổ chức truyền giới dời về chùa Diệu Thông.

(Phụ lục của ban biên tập)

NHỮNG LỜI KHAI THỊ CỦA HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM

Ngày 6 tháng 2 năm 1973, khi đến viếng chùa Đại Tiên, chúng tôi ghi lại cuộc pháp đàm giữa Hòa thượng Quảng Khâm [lời in chữ nghiêng] và Hòa thượng Khai Sâm.

Hòa thượng Khai Sâm:

“Thiện sanh thọ hạ văn thủy âm
Cổ kim thắng cảnh hiện mục tiền
Đắc ý vong ưu vô giá bảo
Bốn thân phi Phật diệt phi Tâm”

Tạm dịch ý:

“Lành thay sống chốn lâm tuyền,
Suối reo thông gọi cõi thiên là đây.
Cổ kim thắng cảnh nơi này,
Hiện ra trước mắt vẻ đầy thiên nhiên.
Bảo vật vô giá hiện tiền,
Thỏa lòng vứt bỏ ưu phiền nơi đây.
Bảo vật vốn chẳng phơi bày,
Chẳng tâm chẳng Phật, vật này vốn không”.

Hòa thượng Quảng Khâm:

- Không cần tiền mới có tiền.
- Làm người không nhiễm trần.
- Ăn, mặc, ở phải buông bỏ mới thoát ly sanh tử.
- Ý khởi là sanh tử,

Tha hương gặp cổ nhân.

Đa tạ Pháp sư lời vàng tiếng ngọc.

- Hoan hỷ khổ hạnh.
- Hoan hỷ lạc hạnh. Mặc cho nó đi, mặc tình nó đến....

Thân tâm đều xuất gia, thân xuất gia tâm không xuất gia, thân không xuất gia tâm xuất gia.

Ngồi trên đá nói Pháp

Hòa thượng Khai Sâm:

- Cây nào vỏ cũng màu xanh,

Đơm bông kết trái hai cái phân biệt rõ.

Ba bước thiền Sư có thể độ Sư.

Minh tâm kiến tánh, không sát sanh tức thái bình.

Tu lợi, tu lợi; tu không cầu lợi mới thoát sanh tử.

Cơm nhạt trong bụng no, mọi việc đều tùy duyên.

Sư Tâm Giác hỏi:

- Trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn “phi huyễn... diệt phi...”.

Sư phụ đáp:

- Sáu căn phân biệt, liền có sanh tử, phàm cái gì có tiếp xúc sáu căn thì có sanh diệt, trở thành đời ác ngũ trược.

- Phân biệt tức là giặc, đúng hay không?
- Đúng hay không đúng cũng là phân biệt.

- “Lấy giặc đánh giặc”, trong Chỉ nguyệt lục có ghi công án:

Một vị tăng hỏi Triệu Châu “con chó có Phật tánh chăng?”

- Có hay không cũng không đúng, vì khởi vô minh. Nếu không vô minh thì hai người đều đúng, cũng đều không đúng.

- Buổi sáng Triệu Châu đáp KHÔNG để phá chấp CÓ của tăng, buổi chiều Triệu Châu đáp CÓ để phá chấp KHÔNG của tăng.

Pháp sư Sâm Nghĩa, người quốc tịch Úc hỏi:

- Sư phụ từ đâu đến?

Sư phụ đáp:

- Từ không chỗ trụ mà đến.

Pháp sư nghe, lấy làm thú vị nói rằng:

“Ấy là ngôn ngữ của bậc hiền thánh”.

Sư phụ hỏi:

- Hôm nay ông đến đây, vậy ông đến hay là ai đến?

- Con đến.

- Vậy lại có một cái “ta” đến, cũng chưa đúng. Có một tướng tới lui thì có sanh diệt, đều là huyễn hóa. Bản tánh không đến không đi không sanh không diệt, không mình không người. Nói không cần suy nghĩ, chuẩn bị; khi có người hỏi thì lập tức trả lời, thế mới là không có đến có đi. Chúng ta nói chuyện phải qua suy nghĩ, vậy là có đến có đi, Phật Pháp không thể nghĩ bàn, không thể dùng miệng mà nói được,

Pháp sư nói:

- Xin sư phụ chỉ dạy cho con phương pháp tu hành.

Sư phụ:

- Thọ giới là thọ nhẫn nhục, tai nghe người khác mắng ông, kích bác ông, mà ông không quan tâm đến những điều đó thì gọi là giới.

- Tu hành rất khó, giữ được hạnh nhẫn nhục lại còn khó hơn; như nhẫn một tuần, hai tuần, một tháng cho đến một năm, ba năm thì dễ. Nhưng nhẫn cả đời thì không phải là việc giản đơn.

- Vô minh của người xuất gia như lửa, vô minh của người tại gia như khói.

Có vị pháp sư nói:

- Căn phòng đóng kín của tôi rất nhỏ, không khí không được tốt.

- Nếu đóng kín tâm thì thân này tạm dùng được, còn như đóng kín thân thì điều đó thường xảy ra.

Pháp sư:

- Ban-chu tam-muội là một trong bốn loại tam muội mà Đại Sư

Trí Giả gọi là Trường hành tam-muội, pháp môn Sư phụ đang hành trì là Trường tọa tam-muội.

Sư phụ nói:

- Tôi không biết tôi đang làm gì, nếu ông không nói thì tôi cũng không biết. Vậy đừng nói tôi đang làm gì.

Năm 1974 – Có một nữ cư sĩ hỏi rằng:

- Con học Phật pháp ba năm sao không hiểu gì hết, chỉ biết niệm Nam-mô A-Di-Đà Phật. Có người nói Phật, Ma chỉ khác nhau một chút, không biết hiểu như thế nào mới đúng.

Sư phụ đáp:

- Phật, Ma đều do chúng ta vọng tưởng mà có, chánh niệm tức là Phật, tà niệm tức là Ma.
- Con học Phật chỉ mới ba năm, không biết gì cả, chỉ biết niệm.

Phật, phần lớn thời gian đều ở trên núi, chỉ có 2-3 tháng là ở nhà; con ở trên núi niệm Phật, có một thứ linh cảm, ấy là nếu nhà con xảy ra việc gì con đều biết ngay.

- Như vậy là con không có chánh niệm, tưởng nhớ đến việc nhà nên niệm Phật không chuyên nhất, có tạp niệm thì không có chánh niệm. Con vừa nói muốn học Phật, mà học Phật thì tư tưởng của thế gian phải vứt bỏ.

Sư phụ dạy:

*** Lịch sử và văn hóa Trung Quốc có giáo dục lễ, nghĩa; có Phật pháp Đại thừa và Tiểu thừa, nhưng mà người không có lễ nghĩa thì học Phật tương đối khó. Từ xưa Trung Quốc đã có lễ, nghĩa, trung, hiếu. Thuận với đạo lý mà làm, thì xã hội ổn định, quốc thái dân an. Thế giới ngày nay muôn màu muôn vẻ, muốn có được thân người không phải dễ. Nếu không biết lễ, nghĩa, trung, hiếu thì dù có làm bác sĩ, cũng khó cứu được người. Bác sĩ chỉ học về sắc tướng; những gì có sanh có diệt thường chỉ gây nguy hại chứ không cứu được người; mắt cho thấy có sanh ắt có diệt. Các bậc thánh hiền ngày xưa có lễ nghĩa, tuân theo quy cũ, làm cho thế giới thái bình, mới có thể cứu được người.

*** Vô minh của chúng ta giống như đám mây, có lúc che ánh sáng mặt trời. Phàm mọi sự muốn đạt được đến chỗ rốt ráo, thì bắt đầu là phải dứt vô minh; không đẩy lên ngọn lửa vô minh, không sanh phiền não, không đố kỵ người. Nếu như có tâm đố kỵ thì sẽ đọa vào ba đường ác, kiếp sau không biết có được trở lại làm người hay không? Cho nên mới nói: “Thân người khó có, Phật pháp khó được nghe, chánh pháp khó gặp”.

*** Trong tâm chứa đầy đủ tất cả, cần dùng liền có, không dùng thì không có, ấy gọi là “không tức là sắc, sắc tức là không”.

*** Ăn thịt chúng sanh tức là ăn thịt chính mình, giết người tức là tự giết mình. Nói điều phải trái của người tức là nói điều phải trái của mình; nói người khác xấu tức là chính mình xấu.

Việc của người xuất gia chúng ta, không nên nói cho người tại gia nghe. Mỗi đạo tràng đều có một vị La Hán. Ta phê bình người khác, chẳng phải là động đến các vị La Hán đó sao?

Mặc ai có đức tượng Phật cao bao nhiêu, hay làm hàng vạn tượng Phật đi nữa, các vị chỉ nên lo niệm Phật, tu khổ hạnh, ăn mặc đạm bạc thô sơ thì tự nhiên có người đến cúng dường, so với người xây đắp tượng Phật, công đức vẫn hơn.

*** Phải khổ hạnh mới đạt đến trí tuệ và Phật báo, phước báo.

Phước báo là khi người nhìn mình, họ liền phát sinh lòng vui mừng, tâm cung kính. Phước báo là được người cúng dường, nhưng mình phải quý phước, không nên xa xỉ. Mặc dầu có phước báo nhưng cần phải chừa mực, tốt hơn nên đem phước ấy ban bố cho người khác, không nên ôm giữ riêng cho mình.

*** Tự mình tinh tấn mà không hay biết, cần thuận theo tự nhiên không nên chấp trước – chấp rằng phải ra sức dụng công.

*** Phật pháp không lìa thế gian pháp, tức là muốn cứu độ người cần phải đề cập đến những liên hệ nhân quả trong xã hội; phải tiếp xúc với xã hội. Còn thế gian cũng không lìa Phật pháp, nghĩa là mọi sự mọi việc trong xã hội phải dựa vào Phật pháp mới có thể đề cao cái thiện và tiêu trừ cái ác.

Có người hỏi Sư phụ:

- Vì sao con không muốn ngủ nhiều mà chẳng có cách gì để đối trị.

Sư phụ đáp:

- Vì con người có vô số tham dục, chẳng hạn miệng thích ăn, ăn no thì ưa ngủ. Mũi thích ngửi mùi thơm, mà hương thơm thì làm cho tâm tán loạn. Tai ưa nghe nên sinh ưa thích, ưa thích mà phải xa lìa thì khổ. Mắt ưa nhìn thì tâm động, tâm động thì bị “nhập tâm”.

Có người ngoại đạo phát biểu:

- Tôi muốn tu cho đến ông mãi không già.

Sư phụ nói:

- Thân xác tôi không có chỗ gọi vào, nhưng tâm linh tôi thì có nơi để đến. Ngày nào đó, tâm linh sẽ lia cái thân giả tạm này.

Tôi đã chuẩn bị cho cái thân, thì tâm linh tôi có chỗ để đến.

Ấy là: thân xác trở về tứ đại, tâm linh đến Tây Phương.

Ngoại đạo nói:

- Tâm linh của tôi ở trong vạn vật vũ trụ.

- Tâm linh mà gọi trong vạn vật vũ trụ thì thật là nguy, vì phải thay hình đổi dạng và luân chuyển trong bốn loài chúng sinh. Mất cho thấy, có sanh phải có diệt, vạn vật trong vũ trụ đều bị hủy hoại. Dù cho thân thể này tồn tại hai ngàn năm đi nữa, cũng giống như tảng đá kia, vẫn bị hủy hoại mà thôi.

Ngày 14-01-1974

Sư phụ nói:

- Độ chúng sanh không chỉ dùng lời nói, mà phải tu đạt đến chỗ vô hình trung cảm hóa được người, chứ không phải “lấy cái gì đó” để hoảng pháp.

Pháp sư Độ Luân:

- Đúng vậy, dùng pháp vô vi, không dạy bằng lời. Hiện nay tôi muốn làm việc gì thì tôi cũng có thể làm được, thí dụ: tôi muốn chỗ tôi đang ở là thành phố San Francisco không bị động đất, thì không bị động đất, không phải là đất không động, mà do tôi khiến cho đất không động. Trước khi tôi ở Hồng Kông, có trận cuồng phong sắp thổi đến, tôi làm cho nó thổi ở ngoài khơi, cách 20 dặm Anh. Khi tôi còn là sa-di có qui, thân, rỗng, hồ ly đến quy y. Bây giờ tôi có một số đệ tử người Mỹ, dù cho tôi đánh họ, mắng họ, họ cũng không bỏ tôi mà đi.

- Tu hành phải tu tới chỗ nói được thì làm được, nói như thế nào thì phải làm như thế ấy. Còn phần tôi, tôi không nói là tôi đang làm gì cả, người ta thấy tôi hoặc nghe tôi nói một vài câu, họ cảm thông; sau khi tôi đến Đài Loan, Đài Loan cũng tương đối được an ổn.

- Đó là đức hạnh của Hòa thượng cảm hóa được mọi người, nhưng điều ấy tôi chưa nói với ai, vì gặp được tri kỷ nên mới thổ lộ. Tôi đến nước Mỹ, là do Lục Tổ Đại Sư bảo tôi đến, pháp tự của tôi là Độ Luân, pháp danh là An Từ, Hòa thượng Hư Vân đặt tên tôi là Tuyên Hóa.

- Khi tôi ở Cổ Sơn cũng đã từng gặp Hòa thượng Hư Vân. Tôi là người tu khổ hạnh, một chữ cũng không biết, không biết thuyết pháp, không biết gì cả.

- Hòa thượng quá khách khí, xưa nay vốn gọi đó là vô sở đắc, tu hành không phải dựa trên văn tự mà phải có đức hạnh mới độ chúng được. Lục Tổ Đại Sư một chữ cũng không biết, công phu mà tôi có được là nhờ rì chú Lăng Nghiêm và chú Đại Bi, lúc gặp việc gì nguy cấp phải dùng đến, không cần phải niệm từ đầu tới cuối, chỉ niệm một vài câu hoặc một chữ trong đó cũng có thể cảm ứng, tùy theo tình huống mà dùng câu cần thiết.

- Tôi chỉ niệm Phật khi gặp việc gì chỉ cần niệm một câu A-Di-Đà Phật là được.

- Tôi vốn ưa giúp người, nhưng vì giúp người mà bị nhiều sự hủy báng. Mặc dù vậy, lòng lợi tha của tôi cũng không thối chuyển, nếu đem đầu tôi chặt đi, tôi cũng vui vẻ bằng lòng. Ai chửi mắng tôi, tôi cũng xem đó như lời ca tiếng hát; ai đánh tôi cũng như đánh vào vách, vì tôi muốn hàng phục thiên ma, ngoại đạo.

- Ngài chính là Bồ Tát.

- Ngài là đại A La Hán, chúng ta sớm đã biết nhau, mấy chục năm không gặp, bây giờ lại được trùng phùng. Tuy nói như vậy nhưng thật ra chúng ta đã gặp nhau mấy lần rồi.

- Ngài vừa đến, tôi đã biết trước Ngài là ai; tâm Bồ Tát định gặp tức là gặp.

- Phàm có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng là phi tướng tức là thấy Như Lai.

- Ấy vẫn còn là sắc tướng, dù sao tướng vô hình có được cũng do tu luyện từ tướng hữu hình mà ra.

- Mượn giả để tu chơn.

- Những gì mắt thấy được thì vẫn còn sanh diệt, những gì mà tai nghe được cũng như vậy.

- Thịnh Hòa thượng trụ thế lâu hơn, trong chỗ vô hình Ngài hộ trì cho tôi hoằng pháp.

- Lần này tôi muốn rời cõi Ta-bà, không ngờ bị tín chúng giữ lại.

- Đến – không từ đâu mà đến; đi – không từ đâu mà đi.

- Tôi muốn đến thì đến, muốn đi thì đi, - đến đi tự tại.

- Pháp sư cười nói:

- Ngài không đi, bởi vì tôi chưa đến; bây giờ tôi đến rồi thì Ngài lại càng không được đi. Ngài phải trụ thế lâu hơn để cho thế giới hòa bình. Chúng ta mỗi người ở mỗi nơi, làm việc riêng của mình. Xin Hòa thượng đem tinh thần giúp tôi hoằng pháp lợi sanh, hàng phục thiên ma, thuyết phục ngoại đạo.

- Còn như bây giờ chúng ta đang nói đến chuyện hoằng pháp; không thể mang cái gì ra để hoằng pháp, mà phải tu đạt đến chỗ cảm hóa người một cách vô hình. Đến như kẻ xấu trông thấy cũng khởi lòng tin, không cần dùng lời nói.

- Đúng vậy, đúng vậy! Hồi tôi ở Mỹ, nhiều người giàu có đến chùa tôi cũng không tiếp chuyện, nhưng họ vẫn khởi tâm kính ngưỡng ấy gọi là: “động” cũng đại chuyển pháp luân, “tĩnh” cũng đại chuyển pháp luân; động-tĩnh không hai, tĩnh-động là một.

Sư phụ cười, Pháp sư Độ Luân cũng cười, Pháp sư giữa bàn tay đưa cho sư phụ xem, sư phụ cũng giữa bàn tay đưa cho Pháp sư xem. Hai người cùng mỉm cười hiểu ý nhau.

Sư phụ nói:

- Tôi không định nói điều gì cả, nhưng vì Ngài nói nên tôi mới nói, không cần phải nói nhiều lời.

- Tôi không nói gì cả.

Pháp sư Tạng Độ thấy sư phụ ngồi từ sáng đến chiều, tỏ ý:

- Hòa thượng ngồi lâu quá rồi!

- Chính Ngài mới ngồi lâu đấy chứ.

Ngày 3 và 4 tháng 7-1974

Sư phụ bắt đầu giảng dạy. Lúc ấy không có người ghi chép, bây giờ chúng tôi hồi ức lại lời sư phụ dạy, xin lược ghi ra đây:

“Cư sĩ đến chùa cúng dường tài vật là để tạo phước điền, phải nên bố thí không hình tướng thì công đức mới lớn, nghĩa là không thấy người bố thí, vật bố thí và người được bố thí.

Cư sĩ đến chùa tụng kinh bái sám phải thành tâm, phải buông xả. Không nên thân ở Chùa mà tâm lại lo nghĩ đến con cái ở nhà, con cái tự có phước báo của chúng, nên không cần quan tâm đến mà phải chuyên tâm học Phật. Nếu như còn để tâm lo nghĩ đến con cái và việc nhà, tức là người si mê.

Cư sĩ đem phẩm vật đến cúng dường chư Phật, vật ấy trở thành vật của Tam Bảo, không còn là vật của mình.

Giả sử trừ con dấn đến chùa đòi ăn trái cây cùng Phật hoặc đã cúng rồi, không thể tự tiện lấy cho. Vì phẩm vật ấy đã trở thành vật của Tam Bảo, không thuộc về mình. Muốn cho chúng thì phải có sự đồng ý của người xuất gia trong chùa.

Cư sĩ đến chùa tụng kinh bái sám, tham gia Pháp hội, phải sống hòa đồng, không nên chê thức ăn ngon dở, vì ở chùa không giống như ở nhà. Ở nhà có thức ăn ngon, còn đến chùa thì phải ăn thức ăn đơn sơ, đạm bạc mới đúng. Cư sĩ đến chùa phải giúp đỡ công việc trong chùa, không nên nhàn rỗi vô sự, không nên nói chuyện đồng chuyện tây, bàn luận thị phi.

Người xuất gia ở trong chùa, đối với người tại gia đến chùa lễ bái, không được cùng họ bàn chuyện thế tục, cần phải hướng dẫn họ học Phật như thế nào. Vì mục đích của cư sĩ đến chùa là để xin nhờ người xuất gia giảng dạy Phật pháp, theo người xuất gia để học cách đốt hương lễ Phật, niệm Phật. Mục đích của người xuất gia là liễu sanh thoát tử mà muốn liễu sanh thoát tử thì cần phải nỗ lực tu hành, nếu không khổ hạnh thì không thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, chắc chắn đời sau sẽ rơi vào sáu nẻo luân hồi. Trong 4 loài noãn, thai, thấp, hóa, người là thai sanh có linh giác trong vạn vật, rất thông minh, cho nên con người tu học Phật pháp tương đối dễ dàng. Còn các động vật khác thì rất ngu si, không thích ứng được với sự học Phật pháp.

Người xuất gia phải nên biết rằng, được làm thân người không phải là dễ, phải biết nắm lấy cơ hội được làm thân người để nỗ lực tu hành, mong cầu giải thoát. Nếu không thì tu chưa thành đạo lại sẽ phải tái sanh trong bốn loài, cũng chẳng biết sẽ sanh vào loài nào.

Giả như kiếp sau sanh vào loài chim (noãn sanh) loài cá (thấp sanh), loài sâu bọ (hóa sanh), trí tuệ của chúng thấp kém hoặc không có trí tuệ, các loài ấy muốn tu học Phật pháp rất khó.

Ngày 8-7-1974 – Sư phụ kể lại cuộc đời của Ngài.

Khi tôi lên 5, 6 tuổi cùng mẹ đến chùa lễ Phật, có vị pháp sư bảo: “Gieo thiện căn cho con”. Lúc 25, 26 tuổi tôi đến chùa Thừa Thiên. Chẳng bao lâu cha mẹ qua đời, tôi bèn đi Nam Dương, vẫn ăn chay như cũ. Trong khoảng thời gian ấy tôi cảm nhận sâu sắc về cuộc đời, không có gì đáng để mơ ước, đời người cũng chẳng có ý nghĩa gì. Cha mẹ có để lại tài sản, ruộng đất; nếu như tôi cũng sống cày cấy như cha mẹ cho đến già, cuối cùng cũng đi đến cái chết mà thôi, vĩnh viễn trong vòng luân hồi sanh tử, do đó mà tôi mong thoát khỏi sanh tử. Ba mươi sáu tuổi tôi từ Nam Dương trở về chùa Thừa Thiên, chánh thức xuất gia. Tôi đánh lễ Pháp sư Thụy Phương xin làm đệ tử, xuống tóc cho tôi. Lúc bấy giờ ai cũng chỉ nghĩ đến nghề ruộng vườn. Tôi không được học, không biết chữ. Trước tiên tôi học làm vườn, bừa cùi, nấu ăn, làm những việc không ai muốn làm. Trong thời gian ấy tôi vẫn niệm Phật, ngồi thiền. Đến 42 tuổi tôi mới được thọ giới. Sau khi thọ giới xong, tôi trở về chùa Thừa Thiên ở ba năm, dốc lòng tu tập, chuẩn bị vào núi sâu để tu khổ hạnh. Khi vào núi, tôi chỉ mang theo một ít gạo, kim chỉ, áo quần và những dụng cụ cần thiết.

Nơi đây tôi tìm được một động đá. Động ấy có hai cửa, tôi ngăn lại một cửa. Trong động rất kín đáo và mát mẻ, lại có một tảng đá bằng phẳng có thể ngồi thiền rất thoải mái. Vào lúc mặt trời lặn bỗng nhiên có một con hổ tiến vào động, nó đưa móng vào trước. Tôi giật mình niệm liên tiếp “A-Di-Đà Phật...” Hổ cũng hoảng hốt bỏ chạy, một lúc sau nó trở lại, tôi nói với nó: “Này hổ, con không thể nhường động này cho ta tu hành được sao, hay là con muốn ăn thịt ta?” Tôi thấy con hổ không tỏ ý dữ, nên liền quy y cho nó, ấy gọi là “tâm động tâm”. Tôi không có ác ý, nó cũng không có ác ý. Vậy là ngày hôm sau nó dẫn vài con hổ đến, chúng nhảy qua nhảy lại ở trước cửa động, tỏ vẻ rất vui thích, cảnh tượng ấy rất đẹp. Đó là nhờ ăn chay tu hành mới được vậy. Chỗ thiền nhiên u tịch, ngoài tiếng chim kêu vượn hú ra, không có tiếng ồn ào của thế giới bên ngoài, thật là thanh tịnh.

Dù trước kia ở chùa Thừa Thiên tôi đã tập quen ăn, mặc, ở thật đơn giản, nhưng chỉ sau vài tháng số gạo mang theo cạn hết. Lúc đó tôi mới bắt đầu dụng công ngồi thiền, lần đầu chỉ được một tuần thì cảm thấy đói. Tôi ra khỏi động tìm thức ăn, nhìn thấy bầy khỉ ăn trái cây. Tôi nghĩ, khi ăn được thì người cũng có thể ăn được. Thế là tôi lượm vài trái khỉ ăn còn lại để ăn. Sau khi ăn xong, cảm thấy dễ chịu, định lượm một ít đem về ăn, bầy khỉ thấy vậy ra sức rung cây khiến cho trái rụng xuống, tôi lấy đem về. Số trái cây ấy chỉ ăn đủ vài ngày, tôi lại tiếp tục dụng công thiền định. Khoảng một tháng sau lại cảm thấy đói. Lần này ra ngoài tìm thức ăn, kiếm được một đám khoai rừng ước chừng một-hai mươi cân, tôi lấy cành cây đào lên một ít để ăn rồi lấy đất lấp lại, về động dụng công hành thiền tiếp. Xưa nay việc tu hành chỉ là mượn giả tu chơn, ăn ít, tạm đỡ đói là đủ. Đám khoai rừng ấy lại ra củ non, đủ ăn trong vòng 3, 4 năm.

Ở trong động khô ráo sạch sẽ nên áo quần ít khi giặt. Có lúc tôi cũng vá lại nó. Nhưng ngày qua tháng lại, áo quần vẫn phải rách.

Đến khi ba cái chỉ còn một mà lại quá rách nát, tôi liền an ủi tấm thân già tạm này: “Sau sẽ may cái tốt hơn cho người mặc”. Về sau tôi nghĩ, ở lâu trên núi làm bạn với cảm thú chẳng qua chỉ tự độ mà thôi. Đức Phật dạy rằng: “Trước tự độ mình, sau cần phải độ chúng sanh”. Dù ở trên núi một ngàn năm cũng chỉ là tự độ, muốn độ chúng sanh ắt phải xuống núi. Thế rồi tôi trở về chùa Thừa Thiên. Khi xuống núi râu tóc mọc dài, giống như người rừng chẳng khác. Người trong chùa đều không nhận ra tôi, buộc tôi phải nói là ai, ở chùa nào, thầy tôi là ai. Họ bèn đem y phục cho tôi mặc, cho tôi uống một ít nước cháo trắng. Tuy tôi không muốn uống nhưng không nỡ phụ lòng tốt của mọi người. Sau khi uống vào ít cháo tôi cảm thấy đầu óc không còn sáng suốt minh mẫn như trước.

Khi tôi còn ở trên núi, các tiểu phụ gọi tôi là “thầy phục hồ”. Tôi trở về chùa Thừa Thiên được 5, 6 năm, có cư sĩ Lâm Giác Phi muốn bái tôi làm thầy. Tôi bảo: “Anh nên tìm vị khác làm thầy, tôi không biết chữ”. Nhưng sau khi anh ta đi thăm dò khắp nơi, cuối cùng vẫn xin bái tôi làm thầy. Tôi đồng ý. Anh ta xin tôi bảo hộ để được bình an trót lọt trên đường đi ra Đài Loan. Đến Đài Loan, anh viết thư thỉnh tôi qua đó hoằng pháp. Tôi nghĩ mình không biết chữ làm sao hoằng pháp. Huống nữa, hỏi tôi ở chùa Thừa Thiên đi mua rau không biết làm toán nên lộn mất cả tiền, nói gì đến việc qua Đài Loan hoằng pháp. Anh ta biết việc ăn mặc của tôi rất đơn giản, không gì đáng lo, liền gửi tiền cho tôi làm lộ phí. Sau khi tôi đến Nam Phổ Đà – HẠ MÔN, nhận được thư và 1000 đồng Đài Loan từ chùa Thừa Thiên chuyển đến. Đúng dịp ấy có pháp sư Phổ Quán (trụ trì Đại Phật Viện Cơ Long) vốn từ Đài Loan đến Lục Địa, cũng muốn trở về Đài Loan, nói với tôi: “Thầy chưa quen biết Đài Loan. Tôi có người chị ở Tiên Động, tôi sẽ đưa Thầy đến đó”. Tôi và vị pháp sư ấy cùng đến Tiên Động – CỎ LONG ở vài tháng. Sau đó, Lâm Giác Phi đón tôi đến chỗ ở của anh ta. Lúc bấy giờ cũng có nhiều vị pháp sư mời tôi đến ở, tôi đều nhẹ nhàng từ chối, vì tôi thích ở trên núi cất am tranh để tự tu.

Độ chúng sanh không phải đơn giản, cần phải có Phật duyên và Phật báo, tự mình có công phu tu hành, phước huệ đầy đủ thì tự nhiên Hộ pháp Vi Đà gia hộ. Nếu không như vậy, dù muốn độ người, người cũng không để cho mình độ.

Ngày nay tôi độ được nhiều người cũng là nhờ Hộ pháp Vi Đà gia hộ. Muốn độ người cần phải có tâm khoan dung độ lượng, ai hỏi bất cứ điều gì tôi cũng đều nhẫn nại trả lời, không hề khó chịu, mọi người thấy tôi vui vẻ; còn phần tôi, tôi không hiểu làm sao độ được chúng, lập được đạo tràng. Tuy tôi không biết giảng kinh, nhưng có chút ít công phu tu hành có thể tỏ bày, chỉ ngay cho họ con đường đến Tây phương”.

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật

Nam mô A-Di-Đà Phật
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 9-7-1974

Vào tháng 7, Sư phụ tổ chức pháp hội Địa Tạng trong vòng một tháng, cứ mỗi chiều Ngài giảng một giờ, thầy Truyền Hỷ dịch sang tiếng phổ thông, thầy Truyền Văn dịch lại sang tiếng Đài Loan. Đệ tử xuất gia của Sư phụ gồm có các thầy Truyền An, Truyền Phụng, Truyền Hối, Truyền Tông, Truyền Tịnh, Truyền Đăng, Truyền Hải, Truyền Ngạn, Truyền Duyên, Truyền Thực, Truyền Âm, Truyền Đà, Truyền Tu, Truyền Nghĩa, Truyền Thông.

Mỗi chiều sau khi Sư phụ giảng xong, hướng dẫn chúng niệm Phật, lễ Phật. Hôm trước Sư phụ ới về nhân duyên xuất gia và việc tu hành ở chùa Thừa Thiên và ở núi Thanh Nguyên, còn hôm nay thì Sư phụ kể lại những việc ở Đài Loan.

“Tôi ở chùa Thừa Thiên, định đến Nam Phổ Đà thì có điềm báo trước, một con chim (chim bạch lộ-ty) đến trước mặt tôi kêu: “Lão hoà thượng” (tiếng kêu của nó nghe giống như vậy). Tôi ngờ rằng nó kêu Thầy tôi là Ngài Chuyển Trần, vì lúc ấy Ngài Chuyển Trần là hoà thượng trụ trì, không ngờ nó lại kêu tôi.

Có người không dám làm hoà thượng, vì làm hoà thượng không phải dễ, không thể tùy tiện gọi ai cũng là hoà thượng. Nếu làm hoà thượng thì phải trụ trì, xây dựng đạo tràng, độ người; và lại cách hành đạo có chỗ khác với pháp sư. Sở dĩ tôi rời chùa Thừa Thiên đến Nam Phổ Đà là do cư sĩ Lâm Giác Phi viết thư mời tôi đến Đài Loan để hoằng pháp độ sanh. Tôi nghĩ rằng đã có người thỉnh thì tôi cũng tùy duyên đến Đài Loan xem sao. Thế là tôi đi thuyền đến Hạ Môn lo giấy tờ xuất cảnh.

Ph Tôi không giống như những pháp sư khác đi theo bộ đội mà đến. Sau khi tới Đài Loan, tôi ở Tiên Động 4-5 tháng rồi lại đi Đài Bắc. Ban đầu tôi ở động núi Chi Sơn được mấy tháng, sau đó đến chùa Long Sơn, nhưng vì khí hậu nơi đây quá nóng chỉ ở được vài ngày, bèn đến Thủy Liêm Đình – TÂN ĐIÊM; ở được một hai ngày có một “thái cô” (cô ăn rau chay) mời tôi đến chùa Pháp Hoa. Chùa này vốn là của người Nhật, sau khi người Nhật

rút về nước còn nhiều hồn ma Nhật ở đây. Ban đầu tôi không biết, nh lúc cùng đến đó với cư sĩ Cao Minh Thụ, đêm nghe âm khí lạnh buốt. Có nhiều bóng ma mặc đồ Nhật, tóc chải, mang đồ đạc trên lưng hiện ra. Mọi người không ai dám ngủ lại, lần lượt lên bỏ đi, chỉ còn lại một mình tôi. Tôi giảng pháp cho các hồn ma, đồng thời phát hiện thấy nhiều xương người dầm trong chum nước để dưới đất. Tôi vớt ra từng cái đem phơi khô, sau đó bọc kỹ lại, niệm Phật siêu độ cho họ, thế là mọi sự bình an trở lại. Hiện nay ở chùa Pháp Hoa vào ngày 17 mỗi tháng có tổ chức tụng kinh cầu siêu, thông lệ này bắt đầu từ đó. Các “thái cô” chùa Pháp Hoa chỉ biết ăn chay, không hiểu Phật pháp, cũng không biết coi trọng pháp sư. Sau khi tôi làm cho ngôi chùa ấy được bình an trở lại họ vẫn không biết cung kính pháp sư và ứng xử như người thế tục, có người còn nói rằng thỉnh tôi đến đây chưa chắc đã mời tôi ra khỏi được. Mà tôi thì không thích ở chùa người, bèn giả từ họ.

Từ chùa Pháp Vũ đến núi Đại Đồn có chùa Đại Từ, nơi đây có vài ngôi nhà Nhật Bản, có mấy “thái cô” ở, họ đều để tóc, có gia đình và con cái. Có “thái cô” tên A Thụy mời tôi đến. Tôi cùng cư sĩ Cao Minh Thụ đến xem qua thì thấy giống như chùa Pháp Hoa. Thế là lại tiếp tục lên đường đi đến Thủy Liêm Đình nằm bên kia Điều Kiều – Tân Điểm, gần Tân Xã.

Nếu muốn xây dựng đạo tràng tôi có thể mua một ngọn núi ở Thủy Liêm đình, nhưng tôi nghĩ người xuất gia không cần làm như thế, ở đâu cũng xong, sống qua ngày là được. Về sau, từ Thủy Liêm Đình nhìn ra tôi thấy một ngọn núi giống như đầu sư tử, trên núi này có một tảng đá lớn, tôi liền nghĩ có thể đục đá thành động để ở, vì người xuất gia không nên ở nhà thế tục (chỉ Thủy Liêm Đình). Do đó tôi mới rời Thủy Liêm Đình cùng cư sĩ Cao Minh Thụ lên núi đục đá làm động, thiên hạ ở đây cũng đến giúp đỡ. Thế là tôi có được một động đá để an trú. Dần dần có một số người đến quy y.

Ở Tân Điểm, nhiều người không có tinh thần hộ Pháp nhưng lại tổ chức Hội hộ pháp, lợi dụng người xuất gia để thu tiền hương đèn. Người Đài Loan lúc bấy giờ không có chánh tín, không hiểu Phật pháp, giống như những người thờ thần miếu vậy. Tôi ở động Quảng Minh độ chúng. Lúc đầu cứ nghĩ Hội hộ pháp là nhằm để ủng hộ Phật pháp, sau đó thấy nhiều người hăm hở đến quy y... Tín đồ đến, tôi nấu cơm đạm bạc cho họ ăn, nghĩ rằng mình chỉ cần hoá độ chúng sanh, nếu hoá độ tốt thì đạo tràng nào mà chẳng thành. Nhưng mọi người không hiểu, họ bảo không nên cho tín chúng ăn, làm như vậy là phí của, nhà chùa mất đi thu nhập. Tôi chỉ chú trọng độ chúng, không chú trọng đến tiền bạc và không xem trọng hình thức bên ngoài, nghĩ rằng ở Đại Lục người tại gia phải cất nhà cho người xuất gia ở, làm gì có người tại gia lợi dụng người xuất gia. Tôi chỉ muốn độ sinh chứ không muốn mình giống như ông thần miếu. Do đó bèn xây dựng chùa Quảng Chiếu phía trên động Quảng Minh và tạc một pho tượng Phật A-Di-Đà cao 1 trượng 8. Có người nói với tôi: "Ngài vào ở chùa Quảng Chiếu, để động Quảng Minh cho chúng tôi quản lý". Tôi bảo: "Các ông muốn quản lý động Quảng Minh tùy các ông, chúng tôi là người xuất gia không thể để các ông quản lý được". Vì thế tôi vẫn ở trong chùa Quảng Chiếu. Tôi nghĩ bụng, sau khi tượng đức A-Di-Đà chùa Quảng Chiếu hoàn thành dân chúng ở Tân Điểm sẽ được bình an; nơi đây ắt sẽ được phát đạt và tương lai có thể trở thành khu du lâm.

Về sau chùa Quảng Chiếu cũng có người muốn lấy, tôi mới cùng với sư Truyền ý và Trịnh Thủy Thanh đi đến động Nhật Nguyệt. Trong động có một cái ao - nơi đây heo rừng thường đến tắm, trong động có cây cối, trên đỉnh động có nước nhỏ giọt, tôi nhận thấy nơi này thật tốt. Lúc đầu động Nhật Nguyệt không có lối đi, cỏ giầy mọc đầy, tôi phải lần theo dây mây bám dọc theo vách đá mà leo lên. Đến nơi thấy chẳng có gì để ăn, mọi người bảo tôi: "Sư phụ không thể ở đây được". Tôi nói: "Các vị về đi". Sư Truyền ý nói muốn ở lại cùng tôi. Trước kia ở Đại Lục tôi đã có nhiều công phu tập luyện, dụng công ngồi thiền. Nhờ công phu thiền định nên không sợ lạnh, và lại lúc ấy tôi còn trẻ, thân thể khoẻ mạnh, nên một mình tôi ở nơi này cũng không sao. Còn sư Truyền ý thì ngủ nằm, sợ lạnh, phải xuống núi lấy chăn bông, khi trở lên trời tối không tìm ra đường nên rần hết sức kêu tôi, tôi gọi to trả lời, sư mới nương theo tiếng lần lên tới động được, sau đó động được sắp xếp lại tốt hơn. Dần dần một số tín đồ ở Tân Điểm tìm tôi không thấy, nghe tin tôi đến chốn này, họ cũng theo lên, rồi có nhiều kẻ ở lại, nam nữ cộng khoảng mười người.

Động Nhật Nguyệt là tên do tôi đặt. Tôi thấy lần này không phải như khi ở núi bên Đại Lục; trước mắt, việc độ chúng không được thuận lợi, nhất là đối với người già cả, nên đã kiểm xem một mảnh đất nào đó tương đối thấp để mua, và kiến lập chùa Thừa Thiên. Núi này lúc đầu giá rất rẻ, mua chỉ một ngàn đồng. Tín đồ lúc ấy đều là dân ở Bán Kiều, họ kiến nghị tôi mua khoảnh đất này, và tự họ bỏ tiền ra mua. Nơi này vốn có tên là "trúc tử lâm", rất âm u, không có lối đi, rần rết rất nhiều, nếu là người không bán lãnh thì không dám đến. Dân địa phương muốn chặt tre, ít nhất cũng phải 5, 6 người cùng đi. Sau khi mua đất này xong, tôi liền dùng vật liệu tại chỗ và nhờ người xung quanh giúp chặt tre, dựng một lều tranh.

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật

Nam mô A-Di-Đà Phật

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 10-7-1974

"Phàm là người thế gian đều phải chịu cái khổ sanh, lão, bệnh, tử. Chúng ta phải biết mình từ đâu sanh ra, chết đi về đâu. Con cái càng đối xử tốt với ta, ta càng khó xa lìa chúng. Vì quyền luyến thế gian nên không biết thoát ly khổ hải, vẫn ở mãi trong vòng luân hồi. Ấy là do nghiệp chướng quá nặng, mà nghiệp chướng là phiền não, là vướng vít, như vướng vít con cái trong gia đình. Mỗi người bị vướng vít khác nhau, nhưng đều vì thế mà quên mất con đường sanh tử của chính mình, thậm chí khi sắp chết, cũng chẳng quan tâm sẽ đi về đâu.

Trẻ con mà đã biết kính Phật đó là nhờ thiện căn từ kiếp trước.

Cho nên nói rằng chúng sanh tùy nghiệp chuyển; chúng sinh nghiệp chướng không giống nhau, không chuyển được nghiệp thì phải luân hồi, chịu phiền não vô tận. Người già biết sám hối niệm Phật thì khỏi thác sanh vào bốn loài; băng không, ất sẽ có chỗ của mình trong đó.

Có người hỏi Ngài rằng "Định nghiệp không thể chuyển?", Ngài nói: "Nếu hiểu đạo, tin Phật, sám hối niệm Phật thì định nghiệp có thể chuyển được". Nghiệp cảm của mỗi người không giống nhau; không giác ngộ thì ở cõi Ta-bà mà cho là chốn Cực lạc. Như đòi bọ trong nhà xí, như người ăn thịt đi mua gà vịt ở chợ rất lấy làm sung sướng; khi hiểu ra rồi, mới biết đó là tội lỗi. Người ăn chay nhìn thấy người ăn mặn mắc tội, mới cảm thấy ăn chay là hạnh phúc. Người đang hưởng phước thế gian tự cho mình đang ở thế giới cực lạc, mà chẳng biết hưởng phước như vậy có vĩnh viễn không? Khi phước hưởng đã hết thì khổ não và phiền não sẽ đến. Cho nên chúng ta đã quy y Tam Bảo, phải thường xuyên niệm Phật, không bận bịu vì con cháu, không vướng vít với người khác, phải vứt bỏ tất cả. Rất ít người được hưởng phước mãn đời, có kẻ hưởng phước bao nhiêu thì lại chịu khổ bấy nhiêu. ở nhà phải tinh tấn lễ Phật niệm Phật, ít nói chuyện phù phiếm, ngõ hầu thoát khỏi biên khổ.

Con người ai cũng mang nghiệp chướng, mà đời người thì ngắn ngủi; còn nghiệp chướng là còn sinh tử luân hồi. Ngay trong bốn loài, thân người cũng khó được; người phiền não thác sinh vào bốn loài, các loài đều có khổ não riêng, như gà có khổ não của gà... Chỉ có niệm Phật thì mới dứt đường sanh tử.

Chúng sanh tùy nghiệp mà lưu chuyển, có kẻ đầu thai làm trâu, heo, gà, bướm.... Chúng ta muốn thoát khỏi luân hồi phải nhất tâm niệm Phật. Nếu không như vậy thì tùy theo nghiệp mà lăn lộn mãi trong sáu đường. Có người vì mắt phàm không thấy, chẳng tin ở luân hồi; song chúng ta có thể nhìn thấy điều đó trong cuộc sống, những súc vật như heo, bò do nghiệp gì mà đầu thai? Chúng sanh do nghiệp chuyển, muốn nhờ Phật lực chuyển không phải dễ; mong giải thoát quả thực rất khó khăn. Tập khí, cá tính mỗi người khác nhau, nhưng nói chung thân thể ta cũng giống như một địa ngục mà tâm linh vào lưu trú.

Người tại gia khó mà hiểu được sự tu hành của người xuất gia. Cùng là người cả nhưng chúng ta không thể nói "người tại gia giống như người xuất gia". Người xuất gia biết được căn cơ của người tại gia, có thể hướng dẫn họ về với Đạo mà không đòi hỏi tiền của. Nếu mưu cầu tiền của thì rơi vào tham ái; phải cảm hoá tín chúng tại gia một cách vô hình. Hai chữ giải thoát không đơn giản; độ chúng sanh cần phải tùy duyên, cần lòng từ bi; không thể đem phương pháp độ người xuất gia mà độ người tại gia. Mong rằng các vị sau này tu hành như chúng tôi, khi có đủ đức hạnh, nói một câu cũng có thể độ được người. Mặc vào chiếc áo của người xuất gia đâu phải là việc giản đơn.

Lại nữa, thế nào là người tội lỗi lại cần được độ? Bồ Tát Địa Tạng phát đại nguyện thế nào, tại sao các vị không làm giống như Ngài? Chẳng qua là việc ấy rất khó. Lời nguyện lớn của Ngài là "Địa ngục còn một chúng sanh, ta thế không thành Phật", nếu tâm chúng ta đều phát ra thế nguyện lớn như Ngài thì địa ngục có thể không còn chúng sanh.

Trong cõi ngũ trược và trong bốn loài, chúng sinh ăn thịt lẫn nhau, Bồ Tát Địa Tạng muốn chúng ta ăn chay là để chấm dứt cái vòng luân hồi sinh tử. Nếu con nói sai, xin Bồ Tát Địa Tạng tha thứ, con xin sám hối với Ngài".

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 12-7-1974.

"Trong xã hội, làm việc gì cũng cần phải giữ chữ tín, không tham lam, tận tâm tận lực, phải thành thực; làm nhân viên giúp việc có hết lòng thì "cấp trên" mới trọng dụng. Người phật tử cũng phải như thế, đối với chư Phật

phải thành tâm kính ngưỡng thì chư Phật mới gia hộ. Làm ăn lớn, hoặc làm ăn với người nước ngoài lại cần phải giữ chữ tín mới được tin cậy, được đề bạt và bồi dưỡng, sự nghiệp mới dần dần lớn ra, và tiền đồ sẽ xán lạn. Học bác sỹ không chỉ cốt lo cho bản thân, mình phải chịu khó mới thành tài, rồi có tận tụy vất vả người ta mới tín nhiệm, tương lai mới sáng sủa. Cho nên, người nào chịu khổ cực được thì con đường tương lai sẽ rộng mở.

Quay nhìn lại, người xuất gia tu hành cũng như thế. Chư Phật, Bồ Tát đều dụng công khổ hạnh, không cần phải chọn một nhân tài nào đó, cũng không nhất định phải học trong Phật học viện nào mới thành tựu được. Phật và Bồ Tát đều tu từ khổ hạnh, thể nghiệm, tôi luyện mà thành.

Người tin theo đạo Phật hay người xuất gia thường bị thử thách, đả kích, kích thích; có bị thử thách như thế mới có thể tu hành đến giác ngộ được. Mỗi người xuất gia đều có nhân duyên riêng, nhưng không nên cho rằng "vì bị kích thích mà đi tu là đỡ". Trái lại, bị kích thích mà xuất gia thì đạo tâm càng kiên cố, bất luận người xuất gia hay người tại gia đều cần phải có chí khí. Người có bị kích động mới nâng cao ý chí tu hành, hay hành sự.

Người đi tu hiện nay ít chịu cực khổ, không biết rằng đi tu cần phải trăm ngàn cay đắng để liễu sanh thoát tử. Họ cũng không biết vì sao đi tu và tu như thế nào? Tu sỹ phải chịu kham khổ, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn. Tu sỹ hiện nay không hiểu như vậy nên sợ khổ, sợ bó buộc, rồi tự đi cất chùa riêng, kết quả là không lo liệu gì được cho đại chúng. Thực ra, tự mình còn không biết tự độ làm sao mà độ người? Do đó người xuất gia chịu khổ để tu, chứ chẳng phải xuất gia để hưởng thụ.

Người tu mà không bàn luận về Phật pháp, chỉ bàn luận về chuyện thế tục, ấy đâu phải bổn phận của người xuất gia? Đem việc gia đình thế tục áp dụng trong chùa, tập khí chưa dứt làm sao nói đến việc tu đạo? Người xuất gia phải tu khổ hạnh, tu giới, định, tuệ. Có một số người mới thọ giới xong, liền tự cho mình là pháp sư. Thọ giới là phải tự mình giữ giới luật, trì giới mới phát định phát tuệ; giới, định, tuệ không phải chuyện dễ dàng, phải nương theo Kinh, Luật, Luận để thực hành. Giới, định, tuệ là: đối với bốn loài chúng sinh không làm tổn thương, phải từ bi, phải nhẫn nhục, phải chịu cực khổ.

Có người đi thọ giới về mang theo lòng tham dục, tính chuyện hưởng thụ ăn ngon, mặc đẹp, ở chỗ tiện nghi; không chịu dưng mãnh tinh tấn. Người thế tục làm ăn muốn cho người ta tin còn phải chịu khó khăn vất vả, phải thủ tín; tu sỹ lại không được người ta tin tưởng lý do là vì tham ăn, mặc, ở chẳng giữ giới chẳng tu trì, thì làm sao người ta tin theo? Chúng ta phải giữ giới, phải chịu khổ cần lao thì tín đồ mới tin tưởng và kính trọng chúng ta.

Có một số tu sỹ kiếm sống như người thế tục. Người tại gia biết tụng kinh (hộ niệm), người xuất gia cũng tranh đi tụng kinh (hộ niệm) với họ, giống như cạnh tranh nhau làm ăn, hiện tượng này không tốt, chẳng khác gì "tôi độ họ, họ độ tôi". Sau khi thọ giới phải gia tăng giữ giới, nỗ lực hành trì. Trì giới, được Giới Thân gia hộ các vị, mới mong thoát khỏi biên khổ. Nếu như sau khi thọ giới về lại tranh đi hộ niệm với người tại gia thì làm sao có thể độ người được? Có trì giới, có định - tuệ đầy đủ thì Vi Đà Bồ Tát sẽ gia hộ các vị. Một lời nói ra quỷ thần nghe được cũng thoát khổ, như thế mới gọi là tự độ, độ tha.

Người xuất gia không nên vui mừng được ăn, mặc, ở đầy đủ. Nếu ham hưởng thụ thì dễ sanh ra giải đãi. Người xuất gia phải nỗ lực tu hành, xem mình có thể liễu sanh thoát tử được không? Thọ giới là nương vào giới-định-huệ. Xem khả năng tu hành của mình đến đâu thì an nhiên tự tại, đến nơi nào cũng độ được người, tới đâu cũng được người cung kính.

Người thế tục tu danh tu lợi, còn ở trong thế giới ta - bà là vẫn còn luân hồi, khi chết đi thân thức đầu thai trở lại. Còn xuất gia là để thoát ly sanh tử. Người xuất gia lấy giới làm thầy, lấy giới làm thầy là tu đến chỗ người thấy mình như là thấy Phật, khởi tâm hoan hỷ kính ngưỡng. Người xuất gia cần phải có nguyện lực, không nên luyến tiếc thân thể vì thân thể này không trường tồn vĩnh cửu.

Xét người là xem xét lỗi người để sửa lỗi mình, không nên vì bị chỉ trích mà cho người chỉ trích là xấu, họ là thiện tri thức của chúng ta, dù phải hy sinh ta cũng phải độ họ. Phải tu đến chỗ bất sanh bất diệt, hiển lộ chơn tánh.

Tôi không biết chữ, cũng không theo phương pháp giảng dạy nào, nay nghĩ gì thì nói nấy, nếu có nói sai xin lượng thứ cho".

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát

Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 13-7-1974.

"Hôm trước tôi nói về tùy duyên mà chuyển, ví như niệm Phật thì được Phật chuyển, còn tạo nghiệp thì bị nghiệp chuyển.

Hôm nay bàn về người xuất gia vì sao làm cho người không tin tưởng, và người tu tại gia vì sao làm cho người không tin tưởng?

Người xuất gia ở Đại Lục không có tục khí của người thế gian. Người xuất gia ở Đài Loan còn bị rất nhiều chương ngại, cho dù họ là người đã xuất gia nhưng tâm trí họ vẫn còn vương bận chuyện thế tục.

Ở Đài Loan giới nữ xuất gia đông, tâm họ khó quên chuyện gia đình. Ở Đại Lục người nam xuất gia nhiều, và tại sao các tu sỹ từ Đại Lục sang Đài Loan lại khiến cho người ta không tin theo? Vì người Đài Loan vốn tin theo Đạo giáo, họ không hiểu gì về Phật pháp, không tôn kính pháp sư.

Nhưng từ khi có các pháp sư từ Đại Lục sang truyền bá Phật pháp, dần dần khiến cho họ hiểu được Phật pháp và kính trọng tăng.

Ngoại đạo dùng nhiều cách mua chuộc, như mua quà tặng hoặc dùng lời mê hoặc. Phật giáo dùng tâm cảm hoá, ngoại đạo dùng hình thức bên ngoài để cảm hoá. Phật giáo khiến cho người tin là do chỗ không dùng vật chất mua chuộc mà chỉ lấy đạo đức để cảm hoá.

Người thế tục cầu tài cầu lợi, kẻ xuất gia chỉ mong sao chúng sanh bớt tạo nghiệp, ra khỏi luân hồi sanh tử. Nếu người xuất gia còn cầu danh lợi thì có khác gì người tại gia, làm sao được họ kính trọng.

Có nhiều cư sĩ trình độ đại học tin Phật pháp, họ có khả năng giảng dạy, sáng tác. Người xuất gia chúng ta phải tu khổ hạnh, có giới-định-tuệ, có sức cảm hoá vô hình, như vậy hàng trí thức mới thật tâm kính ngưỡng Phật giáo. Ngược lại, nếu nhà sư không chịu tu khổ hạnh thì hạng trình độ cỡ sinh viên, hơn mình, làm sao họ có thể kính nể?

Thời xưa tăng sỹ bưng bình bát đi khất thực, ai cũng tự mình tu hành; đã có tám vạn bốn ngàn pháp môn tu, ai cũng có thể tu bằng công phu riêng của mình, hôm nay trong bát có thì ăn, không có thì nhịn, chuyên tâm trì chí tu hành để thoát ly sanh tử. Chẳng giống như nhiều người xuất gia thời nay chỉ lo làm sao cất được chùa; đâu phải cất chùa nhiều là thoát vòng sanh tử. Có nhiều người cất chùa xong không biết để làm gì, không biết là để mình sống qua ngày hay để độ sinh? Nếu để sống qua ngày thì chỉ cần một cái chòi tranh là đủ, còn như viện có độ chúng thì họ lại phải kêu gọi cư sỹ giàu tiền ủng hộ, và trở thành có cạnh tranh, chẳng khác nào lợi dụng Phật và Bồ Tát để kiếm sống. Do vậy mà người tại gia mất niềm tin và xem thường người xuất gia. Cất chùa rồi, nấu ăn ngon để kêu gọi tín đồ, nhìn thấy ăn uống như vậy tín đồ hết cung kính. Xây chùa phải có đức cảm hoá, phải biết giảng dạy, biết viết, làm nổi việc mới khiến cho người kính phục. Người cất chùa hiện nay phần nhiều đức kém, thâm nhận cho có đệ tử, sai đệ tử đi hoá duyên, ngoài ra chẳng hiểu biết gì. Hề có tiền là xây chùa, đối xử với đệ tử như người làm thuê, cũng không biết giáo dục như thế nào; lâu ngày dài tháng đệ tử không nghe lời thầy, chỉ muốn bỏ chùa đi học ở Phật học viện. Nhiều người đi học Phật học viện bảo là vì "muốn hoằng pháp lợi sanh". Nhưng kết quả học xong có bao nhiêu người "hoằng pháp lợi sanh"? Tín đồ tại gia thấy vậy không kính phục, họ bèn vào chùa tổ chức quản lý người xuất gia. Người xuất gia ở Đại Lục ngày xưa tu hành cảm động đến Hoàng Đế, vân du khất thực bốn phương, mang y bát đến nơi nào cũng có người cúng dường và cung kính. Trên "Tứ đại danh sơn" (bốn núi lớn nổi tiếng) ở Đại Lục chùa nào cũng được Hoàng đế sắc phong. Người tu hành có đức hạnh tự nhiên Hộ pháp Vi Đà gia hộ.

Người chấp sự không được tham lam, dù tham một ngọn cỏ, một giọt nước cũng khó tiêu tội, còn một chút lòng tham thì còn mang nghiệp chướng. Ở Đại Lục tăng sỹ đi khắp nơi học hỏi, tu trì từ trong sự khổ hạnh, biết quý trọng của chùa, xem hạt gạo như núi Tu-di, không dùng vật chất giao dịch với người tại gia nên không bị xem thường. Muốn đi tu cha mẹ không cho vì nghĩ rằng người xuất gia tu và người tại gia không khác nhau bao nhiêu.

Người tại gia bỏ thí cốt ở sự cung kính cúng dường, hết lòng hoan hỷ và tự nguyện; chứ đâu phải đòi hỏi nơi người tại gia khiến họ không vui lòng, để rồi không còn kính trọng tu sỹ. Lại nữa, người xuất gia vì thấy tín đồ cúng dường mà không tự nguyện, bèn lấy vật cúng dường đem nấu nướng để đãi họ, kết quả làm cho người tại gia không tu phước mà lại tạo nghiệp. Vật đã cúng dường để ở chùa thì tùy nhà chùa sử dụng, người tại gia không được trở lại quản lý những vật ấy.

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật

Nam-mô A-Di-Đà Phật
Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 18-7-1974.

Người không tin Phật, không đến chùa thì không có cách gì để hiểu Phật pháp. Nhiều loại cô hồn, ngạ quỷ vốn không tin Phật pháp, vào ngày rằm tháng bảy cũng được siêu độ rộng khắp (phổ độ) do vì ngày thường không làm phép siêu độ. Thực hành phổ độ là một phương cách "cứu tế" của đạo Phật.

Siêu độ cho các loài cô hồn, ngạ quỷ thể hiện đức từ bi của Phật giáo. Không phải thí chủ nào bỏ tiền ra thì mới được siêu độ, dù có tiền hay không tiền cũng đều siêu độ như nhau. Người có tiền nhiều không nên thí tiền, cho rằng mình cúng tiền nhiều để siêu độ âm hồn của người khác thì công đức mới lớn. Nhà chùa chúng ta siêu độ cho mọi loài âm hồn bình đẳng như nhau.

Bồ thí có ý nghĩa rất thâm sâu. Bồ thí không nhất thiết phải bằng tiền của. Nếu không tiền thì đến chùa làm công quả cũng là bồ thí. Bồ thí cũng phải xét có đúng nghĩa hay không, nếu bồ thí không đúng nghĩa thì không có công đức. Kẻ có tiền làm việc thiện hoặc bồ thí, nhưng bỏ tiền ra chưa đáng kể; người không có tiền cũng bồ thí được; tiêu xài ít lại, tiết kiệm một ít tiền mua rau để bồ thí; tiền tuy ít, nhưng so với người nhiều tiền công đức bằng nhau.

Quy mô chùa Thừa Thiên như thế, phải có nguồn tài chánh để xây dựng. Người có tiền nhiều đóng góp nhiều, dĩ nhiên công đức rất lớn, người không có tiền đóng góp ít, hoặc ra sức đi quyên góp, công đức cũng không kém.

Người tu hành, nếu đi đến nơi nào cũng đều được người tiếp đón và cung kính, ấy là nhờ Hộ pháp Vi Đà gia hộ. Người tu hành chân chính không cần phát nguyện xây chùa lớn, người chân tu đi vào núi sâu, dù không chú trọng đến việc ăn, mặc, ở vẫn có Hộ pháp Vi Đà đến gia hộ xây dựng đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh.

Người xuất gia phải hiểu xuất gia là gì, và cần phải vào chốn tông lâm rèn luyện tu tập; phải làm những việc người không muốn làm, phải như không thấy, không nghe, như câm, như điếc; phải chịu cực chịu khổ, được vậy thì đến nơi nào kiến tập đạo tràng cũng thành công.

Nếu chưa trải qua sự khổ, xuất gia được vài ngày đã muốn đi xây dựng đạo tràng, như thế rất khó thành công. Người xuất gia phải dứt bỏ những thói quen thế tục, nếu không sẽ bị tham sân si khuấy động, dễ rơi vào tà đạo; cũng không được đem nếp sống thế tục vào trong chùa. Tin chúng nên thường xuyên đến chùa học tập, tìm pháp sư chỉ dạy niệm Phật, tụng kinh, ngồi thiền. Nếu đi tu mà không dụng công như vậy, lại chê ăn chẳng ngon mặc chẳng đẹp thì làm sao đắc đạo?

Phải biết quý thời gian và gấp rút tu hành, để ngày tháng trôi qua thật là đáng tiếc. May ra chỉ được thân người, tẻ thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào ba đường ác làm thân trâu ngựa, do đó phải nắm lấy cơ hội nỗ lực tu hành, đừng để thời gian trôi qua một cách vô ích.

Phải hướng dẫn cho tín đồ học Phật pháp, làm sao tiêu trừ nghiệp chướng. Không được thấy người giàu có đến chùa vội cấp cho họ chỗ ở tiện nghi, quan tâm lo lắng cho họ ăn ngon; như vậy thí chủ chẳng gieo được phước, làm hại cho cả hai bên.

Người xuất gia xác định bổn phận và trách nhiệm của mình, tạo điều kiện cho tín đồ gieo phước, dứt nghiệp chướng. Cung phụng kẻ giàu có là làm cho họ tăng thêm nghiệp chướng. Chớ để họ khoe khoang thân thế mà sanh khẩu nghiệp. Đến chùa không đòi hỏi nhà chùa đãi ngộ mình nồng hậu, làm như vậy, không gieo được phước mà lại tăng thêm tội lỗi. Người tại gia cùng người xuất gia phải thông cảm hiểu nhau.

Hiện có nhiều người xuất gia chưa được bao lâu mà muốn xây cất chùa, đi khắp nơi quyên góp, không những tìm đến tín đồ Phật giáo, mà còn tới những người không tin Phật, hoặc ngoại đạo, do đó gây ra nhiều điều thị phi. Xây chùa cho mình hay để độ chúng? Giả như vì mình thì không xây được, hay có xây lên cũng gây lắm điều thị phi. Còn vì để độ chúng, nếu bản thân không tu học, không biết giới luật của người xuất gia thì làm sao lãnh đạo được chúng. Người xuất gia phải học chư Tổ ngày xưa tu khổ hạnh, sẽ có ngày thành tựu.

Trong chùa, cùng với đại chúng chia sẻ sự vất vả và như gánh nước, bửa củi... để tự rèn luyện. Phải biết thế nào là tu phước, tu tuệ; được phước báo phải đem hồi hướng cho người khác. Mình có trí tuệ phải dùng nó để hướng dẫn quần chúng học đạo, như vậy mới là trí tuệ chân chánh. Tự mình không hưởng thụ phước báo mới là phước báo chân chánh.

Người phước tuệ song tu, phải có lòng quảng đại, nếu nay có lập được chùa Thừa Thiên thì cũng vì mọi người chứ không phải vì mình. Chùa hiện nay được vài chục người, mà dù đến vài trăm người lương thực vẫn đủ, ấy là do xây chùa không phải vì mình mà vì người.

Sư phụ bảo chúng cùng niệm Phật.

Nam-mô A-Di-Đà Phật
Nam-mô Quan Thế Âm Bồ Tát
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 19-7-1974

Ngày xưa so với ngày nay, xét trên phương diện văn tự, học thuyết của Khổng Tử truyền bá đến nay đều dùng văn ngôn; người xưa dùng văn ngôn, ngày nay ai cũng dùng văn bạch thoại. Ngày xưa dùng văn ngôn là vì tôn kính kinh thư, ngày nay dùng văn bạch thoại cho nên đối với nho gia không trân trọng. Ngành in ấn bây giờ rất phát triển, kinh thư viết bằng văn ngôn không còn được quý trọng.

Người xưa đọc sách đề "hiếu lễ đạt đạo", coi trọng đạo hiếu, tôn kính sư trưởng; học được học thuyết Khổng - Mạnh nên rất coi trọng cha mẹ và sư trưởng, nhờ vậy trong gia đình rất hoà thuận. Người đời nay học vấn tuy cao, nhưng lại xem thường luân lý đạo đức; đối với người trên không hiếu kính, đối với kẻ dưới thiếu lòng nhân từ.

Phật giáo không chú trọng về văn tự, nhưng so sánh tam giáo Nho Phật Lão thì: đọc Nho đề cao trung hiếu, có văn tự ghi chép; đạo Phật cũng có rất nhiều kinh điển, nhưng về phương diện tu trì có thể không đọc kinh điển; đạo Nho dựa vào sách Tứ thư-Ngũ kinh mới thành thánh hiền; còn tổ sư các đời của Phật giáo đều dựa vào sự tu trì, không nhất thiết phải đọc kinh mới thành Phật, thành Tổ.

Khi người thầy nói có thể dùng văn tự ghi lại, lấy đó để hiểu rõ lời của các bậc thánh hiền xưa; tuy khi giảng thầy không dùng văn tự, nhưng có thể ghi chép lại nhằm giúp hiểu rõ ý nghĩa lời giảng hơn.

Giảng và ghi chép có chỗ khác nhau, thầy nói điều gì thính chúng đều có thể hiểu, song người có trình độ sẽ ghi lại sâu sắc, người thông minh thì hiểu được thâm thúy hơn. Lời thầy nói ra thường chưa hết ý, qua lời người phiên dịch lại ắt có chỗ không khớp hợp.

Xem kinh điển cũng như thế, ngày xưa đức Phật thuyết pháp không ai ghi chép, về sau Tôn giả A Nan cùng các vị khác nhớ và kiết tập lại. Khi đức Phật nói, Ngài cảm hoá nhiều người, hậu thế kiết tập Kinh Luật Luận phải dùng văn tự để ghi chép, vậy mà người đời sau xem Kinh Luật Luận cũng được cảm hoá, đủ thấy văn tự quan trọng đến mức nào.

Nói đến việc tu hành, không phân biệt xưa và nay, tu là chịu cực khổ, đồng thời phải trải qua bao nhiêu kiếp. Như đức Phật Thích Ca xưa kia, người cần mắt Ngài cho mắt, người xin mũi Ngài cho mũi; hy sinh như vậy trải nhiều kiếp Ngài mới thành Phật.

Nho giáo đề cao trung và hiếu, đạo Phật cũng xem trọng "tứ duy, bát đức" [lễ, nghĩa, liêm, sĩ và hiếu, đễ, mục, nhân, nhậm, tuất, trung, hoà, -ND].

Giá mà những người học Phật biết thực hành "tứ duy bát đức" của Nho giáo, và người dân trong nước được học Phật pháp, đem giáo lý Phật - Đà bồi dưỡng tâm tính của mỗi người, thì xã hội được an bình, quốc gia được giàu mạnh. Trong xã hội, phần nhiều người ta coi trọng tiền của, người học thức cao phẩm hạnh tốt chỉ vì không tiền mà bị mọi người khi dễ. Một xã hội như thế làm sao tiến bộ và phát triển được.

ở Đài Loan người đi tu rất đông. Sau khi xuất gia, đứng ra sư phụ phải dạy tu hành ra sao, cực khổ cần lao như thế nào. Song hiện nay, ni cô xuất gia lại cốt đi học để kiếm bằng cấp; ni cô được đào tạo như thế thì biết gì tu hành, chẳng qua đem tập khí thế gian vào cửa Phật, ảnh hưởng xấu đến nhiều người xuất gia khác.

Bậc tối cao ngày xưa là hoàng đế, hoàng đế lại rất kính trọng nhà sư, thậm chí nhà sư thấy hoàng đế không quỳ lạy như người dân, và có nhiều vị được hoàng đế sắc phong. Hoàng đế quý trọng người xuất gia là căn cứ vào đức hạnh tu hành của họ; sau khi sắc phong, được sự tôn kính của mọi người trong nước.

Về mối quan hệ giữa người thế gian và người xuất gia. Có tu sỹ bám theo kẻ có chức quyền, kết giao với quan viên, rồi dính dáng vào việc chính trị. Đã xuất gia thì không kết giao với kẻ cầm quyền. Người tu hành đức độ tự

nhiên cảm hoá được họ. Người tu hành chân chính không dễ gì ai nhận ra; mãi đến khi tu trì thành tựu mới có thể cảm hoá được nhiều người, cả những người không tin Phật pháp. Đó mới là chánh nghiệp của sa-môn, đó mới gọi là độ chúng sanh, mà độ chúng sanh thì không nên kết giao với kẻ chức quyền.

Đi tu là nhờ thiện căn dẫn dắt theo Phật và thọ giới. Nhưng hiện nay, nhiều người xuất gia do vì thấy giới tu sỹ đối với sống hưởng thụ. Hôm nay xuất gia, ngày mai thọ giới, vậy là sai trái; người xưa xuất gia phải trải qua nhiều gian nan thử thách mới được thọ giới. Người xuất gia hiện nay thọ giới không phải thọ "tam đàn đại giới" mà là thọ "danh lợi giới", bởi vì sau khi thọ giới họ thường bàn chuyện lợi danh, chẳng quan tâm gì đến việc tu hành.

Hiện nay, tới giới tràng tức là thọ giới, ra khỏi giới tràng không còn giới, vì giới tử không biết thế nào là sám hối, tự cho rằng sau khi thọ giới thì được làm "đại pháp sư". Đúng ra, chưa đi thọ giới cần phải khổ học khổ tu, sau khi thọ giới rồi, phải sám hối và tinh tấn giữ giới; nếu vừa ra khỏi giới đàn làm ngày "đại pháp sư", tỏ vẻ phô trương, đi đến đâu cũng muốn làm thầy người ta, như vậy chỉ đưa Phật giáo đến con đường cùng.

Nói đến tình trạng truyền giới hiện nay, người nào cũng đi thọ giới được; ông già bà cả, kẻ khuyết tật, ở đền nào miếu nào không cần biết, miễn có tiền là được; sau khi thọ giới về chùa không ai quản lý.

Nên nhờ rằng truyền giới phải rất thận trọng, không được tùy tiện.

Người chưa thọ giới nhìn thấy người thọ giới trở về ra về ta đây là pháp sư, điều khiển chỉ đạo mọi việc, trông thật oai vệ, liền gập rút xin đi thọ giới!

Sư phụ bảo chúng cùng niệm Phật.

Nam-mô A-Di-Đà Phật
Nam-mô Quan Thế Âm Bồ Tát
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 20-7-1974

Sư phụ giảng về vấn đề sống và chết:

"Chúng sanh từ đâu đến và chết đi về đâu?"

Một người vì sao không thoát khỏi vòng luân hồi? Bởi vì, con người tuy là tánh linh của vạn vật, nhưng nếu không tu luyện thì chẳng khác gì các loài động vật khác, người có khả năng tu hành mới thoát được sanh tử.

Xét theo luật nhân quả, nhiều kiếp trong quá khứ từng làm heo làm chó đến nay mới làm người được làm người là điều rất khó. Các động vật khác trong bốn loài bị tham, sân, si che lấp rất khó tu hành, chỉ có con người mới có lý trí, mới đủ khả năng để khắc phục dục niệm. Đó là chỗ mà các động vật khác đối với việc tu học Phật pháp không thể sánh được với con người. Tham dục của loài người rất lớn, do tư duy tiến hoá và văn minh vật chất làm cho tham dục ngày càng gia tăng; ăn thì muốn cao lương mỹ vị, mặc thì muốn vải vóc sang trọng. Tham muốn càng nhiều thì niềm tin vào sự tu học Phật pháp càng giảm đi, làm sao thoát khỏi biển khổ, thật đáng thương xót.

Trong bốn loài chúng sanh có rất nhiều động vật sống theo quy luật tự nhiên, như trâu bò ăn cỏ, nhện giăng lưới..., chúng sống rất đơn giản. Con người nguyên thủy cũng sống rất đơn giản. Nhưng khi xã hội phát triển, cha mẹ chỉ biết lo cho con vãi, chỉ vì đàn con cháu hết thế hệ này đến thế hệ khác mà suốt ngày tất tả vùi vàng, phí cả một kiếp sống, không biết tu hành, nên sẽ vẫn mãi lẫn lộn trong sáu nẻo luân hồi. Trong xã hội ngày nay có hiện tượng: người ta không hiểu mình sinh ra con cái để làm gì, lỡ làm cha làm mẹ thì phải giáo dục con cái. Cha mẹ dù đã dốc sức dạy con điều thánh thiện, nhưng rất nhiều đứa con bất hiếu, thậm chí còn làm chuyện tà ác. Sau khi được nuôi nấng dạy dỗ liền rời bỏ cha mẹ đi tìm sự hưởng thụ; không biết hiếu thảo đền đáp công ơn dưỡng dục, khiến cho cha mẹ phải chịu cảnh neo đơn cô độc.

Kết giao với bạn bè phải thành thật, có tình có nghĩa. Không nên coi trọng tiền tài - thân nhau vì tiền- mà phải lấy nhân nghĩa cư xử với nhau. Thời xưa, bạn hữu giao tiếp với nhau rất trọng nghĩa khí. Nếu từ phương xa đến thăm bạn mà chỉ có vợ bạn ở nhà, chồng đi vắng thì liền tránh đi nơi khác. Còn bây giờ, ở xa đến thăm bạn, bạn đi vắng chỉ có vợ ở nhà, bèn nhân cơ hội thích thú trò chuyện với vợ bạn, không biết ngại nùng "một nam một nữ gần nhau", như vậy làm sao sánh được nghĩa khí của người xưa.

Dục vọng của con người ngày càng trầm trọng, sinh hoạt của các loài động vật khác có tiết độ thời gian, con người thì không như vậy, lúc nào cũng đầy lòng ham muốn. Do đó mới xảy ra biết bao vụ án mạng, cướp bóc khiến cho xã hội bất an. Cho nên con người cần phải giảm bớt lòng tham, để tâm tìm hiểu và tu theo Phật pháp, được vậy xã hội mới an bình, con người mới mong thoát khỏi luân hồi.

Chúng ta xuất gia, mặc áo nhà tu, đã thọ giới, là biểu tượng thầy của trời và người, phải làm thế nào cho đồng loại tôn kính; muốn vậy thì không phải nỗ lực tu khổ hạnh, khiến cho người thế tục cảm động quy ngưỡng, như thế mới mong độ được họ, độ được chúng sinh.

Chư Tổ ngày xưa dạy chúng ta phải buông xả tất cả, vứt hết rác rến trong tâm, không nhiễm tập khí nào của thế tục, tâm hồn trong sáng không dính bụi trần, như vậy mới giúp cho sự tu hành của chúng ta đạt kết quả. Sở dĩ phải dứt trừ tập khí vì tham, sân, si che khuất bản tính chân như. Tâm hồn không trong lắng, bản lai diện mục chẳng bao giờ hiển lộ.

Mục đích của người tu hành là đắc đạo, phải tu chứng bản tính Chơn Như bất sanh bất diệt. Pháp môn tu trì của ngoại đạo còn có sanh có diệt. Nếu chúng ta đạt đến Chơn Như thật tướng thì thoát khỏi biển khổ.

Ngoại đạo thể hiện thần thông bằng đồng bóng, cầu cơ... đều là những điều huyền hoặc; đạo Giáo (đạo Lão) thì bày phép trừ bệnh để sống lâu. Đạo Phật không như họ, không cầu trường thọ không chứng tỏ thần thông, không làm các việc huyền hoá hư ngụy, mà chỉ thực cầu Chân Lý.

Xưa và nay bất đồng, hai bàn tay của người xưa "vạn năng", tay chân và đầu não được dùng đều. Xã hội thời nay tiến bộ, con người chỉ vận dụng đầu óc, rất ít dùng chân tay. Vậy thì ta phải vận động thật nhiều, phải chịu cực khổ, nhất tâm quyết chí tu hành.

Nhân loại hiện nay giết hại, tranh đấu lẫn nhau mà tự chuốc lấy hoạ diệt vong, tự gây nên nghiệp ác, - chẳng hạn như các nước trên thế giới chế tạo vũ khí giết người ngày càng tinh xảo, do đó càng làm tăng thêm tội ác của loài người. Cuối cùng chỉ còn hy vọng là mọi người biết niệm Phật, sớm cầu giải thoát.

Sư phụ bảo đại chúng cùng niệm Phật

Nam-mô A-Di-Đà Phật
Nam-mô Quan Thế Âm Bồ Tát
Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát

Ngày 11-12-1975

Pháp sư Sám Vân đến thăm, hỏi sư phụ: "Pháp thể Hoà thượng trông rất khoẻ mạnh, tinh thần minh mẫn, không như cụ già 80 tuổi. Xin được hỏi, trước giờ Ngài không dùng thức ăn nấu như người thường, làm sao giữ được thân thể khoẻ mạnh như vậy?" Sư phụ đáp:

"Trước đây, khi tu khổ hạnh một thân một mình ở trong núi sâu, ăn hết mấy mươi cân gạo mang theo, lại không có tiếp tế, không biết phải làm sao, chỉ còn cách ăn trái cây rừng, rau dại, rễ cây để duy trì mạng sống, chứ nào phải vì tu hành buộc phải ăn như vậy.

Hiện nay là lúc tôi độ chúng, phải thích nghi với mọi người, nên tôi không còn sống như trong núi ngày ngày ăn rau dại, rễ cây. Tôi là kẻ phạm phu, nên cũng ăn như mọi người. Có điều, trong tín chúng ngày nào cũng có người đem cho trái cây nên tôi ăn chút ít trái cây để duy trì cái bao bì da thịt hơi thối này; và cũng uống chút ít sữa, như thế không thể nói "không ăn uống như người thường", đó là người ta đôn đai về tôi vậy thôi".

Có phật tử thưa: "Đệ tử có ý định cuối tháng tám mùa thu này bắt đầu tập tu thiền định, xin Sư phụ chỉ dạy cho con phương pháp".

- "Tu thiền định trước hết cần phải biết căn cơ, tức là tự thân có căn cơ tu thiền được hay không? Nếu như tâm không định tĩnh được thì tu thiền sẽ dễ khởi phiền não, thà rằng không tập còn tốt hơn. Lại nữa người tu tập thiền định, trước hết phải xa lánh chỗ ồn ào, không mang trong lòng bất cứ một sự sợ hãi nào, lúc ấy mới bắt đầu tập thiền được. Hiện nay, thấy nhiều người ngồi thiền dưới mái hiên, dưới gốc cây, cũng mang tiếng là hành thiền, thật buồn cười. Đó chỉ là hình thức bề ngoài, sao có thể nói là tu thiền? Kế đến, tu thiền cần phải xa lánh thành thị thôn xóm, phải ở nơi hoang dã vắng vẻ; tĩnh tọa một thời gian, thử nghiệm xem tiếng trùng kêu chim hót, gió táp mưa sa... đủ loại âm thanh có nhiều loạn tâm mình không? Có làm kinh động, gây phiền não hay không? Thấy rần rết, đã thú có sợ không? Thấy như không thấy, biết nhưng vẫn định tĩnh, như thế mới có thể tu tập lâu dài. Lại như "nhập thất niệm Phật" là cốt làm cho người tu tập định tĩnh, nhưng rồi có thành tựu theo dự kiến?

Nếu không thì mỗi lần vô thất như thế không có tác dụng. Còn nếu trong lúc niệm Phật "nhất tâm bất loạn", như vậy mới đúng là niệm Phật tam-muội, đạt đến niệm Phật tam-muội thì Tây phương Tịnh độ hiển hiện trong tâm. Trong lúc niệm Phật "niệm mà không niệm", âm thức (thần thức) của hành giả, còn gọi là A-lại-da thức, ngay lúc ấy hoà nhập với Hư không, có thể thấy Tây phương Tịnh. Thực ra, cõi Tịnh độ có bao giờ xa lìa tự tánh.

Trong lúc tĩnh tâm hay khi niệm Phật không trụ vào tướng, không khởi niệm thương-ghét-lấy-bỏ, không nghĩ đến thành bại, lợi ích, không sanh tâm thiện, không khởi tâm ác, tất cả đều trở về hư không tịch tĩnh thì mới hiển lộ được chơn tâm.

Tu tập thiền định không phải là ngồi trơ ra, ngồi trơ ra thì khác gì gỗ đá, chỉ như một tảng đá to bất động, dù trải qua 2000 năm chẳng nữa cũng chỉ là một tảng đá ngoạn cổ mà thôi; do vậy, tu tập thiền định không có một hình thức nhất định. Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể là thiền, – do tâm thanh tịnh. Trước hết phải xả bỏ, cho đến khi không có gì để xả bỏ thì mới gọi là tu thiền. Nếu còn chút gì vướng mắc thì chẳng phải là thiền. Hiện nay nhiều người hay tới hỏi tu thiền như thế nào? Nhưng họ là những người có gia đình, đang bon chen trong danh lợi thì làm sao có thể tu thiền được? Đến như người xuất gia mà suốt ngày vì danh lợi, vì lo ăn lo ở, sự tu thiền của họ làm sao đạt tới định tam-muội? chẳng qua là dối người đầy thôi.

Pháp sư Sám Vân hỏi: "Nghe nói Ngài dùng nước trì Chú Đại Bi cứu được nhiều người khỏi bệnh, điều ấy có thật không?"

- Tôi làm gì mà biết chữa bệnh, đó là vì nhiều người tin "nước phép Đại Bi" có thể trị hết bệnh, họ thành tâm đến cầu xin thì tôi chú nguyện cho họ, còn công hiệu hay không là do họ có thành tâm hay không, và do sự gia hộ của chư Phật - Bồ Tát; ấy gọi là "tin thì thật, thành thì linh". Thực ra mọi người đều có thể niệm Chú Đại Bi vào trong nước để trị bệnh, có điều là người niệm cần phải thành tâm mới được.

- Người ta nói Hoà thượng có thần thông, có đúng vậy không?

- Điều ấy là do người ta nói, còn tôi chỉ là một tăng nhân bình thường, bản thân dốt nát, không biết chữ, không biết tụng kinh thì lấy đâu ra thần thông? Nói như vậy không sợ thiên hạ cười sao?

- Xin mạn phép hỏi Hoà thượng: Nghe nói Ngài độ rất nhiều tín chúng, thật đáng khâm phục, không biết có bao nhiêu người đã được độ?

- Nói ra thêm thẹn, tôi rất áy náy, tôi không có đức độ, lại kém tu trì, người quy y tuy nhiều mà kẻ được độ rất ít, đó là điều rất đáng tiếc cho tôi. Nói cách khác, không phải là đại chúng không thể độ được, nhưng vì tôi không có sự tu trì, không đủ đức độ để cảm hoá đại chúng.

- Hoà thượng quá khiêm tốn, hiện nay ai mà không biết Hoà thượng đạo cao đức trọng, đệ tử hàng ngàn hàng vạn, trong và ngoài nước đều rất ngưỡng mộ. (Pháp sư Sám Vân chỉ mấy vị đứng gần Hoà thượng, hỏi tiếp): Quý vị đây có phải là những đệ tử mới xuất gia? Kính thư Hoà thượng, quý vị đây đều có căn cơ tu hành thành tựu?

Sư phụ nói:

- Họ đều rất tốt, ai cũng có thiện căn, chỉ cần "trút bỏ hết" là thành tựu.

Hoà thượng khai thị cho sinh viên đại học

Có một sinh viên theo Đạo giáo hỏi Ngài: "Con học Phật đã nhiều năm, kinh điển tuy biết chẳng nhiều, nhưng thấy đa số người học Phật mở miệng ra là nói "Liễu sinh tử" (hết sống chết), mà trong kinh điển đức Phật Thích Ca chẳng hề dạy chúng ta "liễu sinh tử".

Sư phụ đáp: "Tôi không biết cậu đã đọc những kinh gì, và tôi cũng không hỏi cậu đã đọc những bộ kinh nào; còn như bảo rằng trong kinh Phật không nói đến "Liễu sanh thoát tử" thì đó là do cậu xem kinh mà không cầu hiểu nghĩa, cậu nên đọc kỹ lại kinh mới thấy được trong mỗi bộ kinh đức Phật đều muốn cho chúng sanh được "liễu sinh thoát tử".

Một sinh viên khác hỏi: "Hoà thượng hiện nay là Thái sơn, Bắc đẩu của Thiên tông. Đạo giáo cũng có "ngôi thiền", trước đây tuy con có học qua nhiều cách "thiền khí công" trong Đạo giáo, vậy mà về lời dạy "Minh tâm kiến tánh" của Thiên tông Phật giáo con chẳng hiểu cứu cánh của nó là gì. Xin hỏi Ngài, làm sao mới có thể "Minh tâm kiến tánh?" - Sư phụ nói:

- Tôi nào phải Thái sơn Bắc đẩu của Thiên tông gì đâu, tôi chỉ là một người tu khổ hạnh, ăn chay lúc mười mấy tuổi, xuất gia theo Phật, vào rừng sâu sống kham khổ nhiều năm, chẳng qua chỉ là một người phạm phu bình thường. Học Phật, muốn đạt đến chỗ "minh tâm kiến tánh", quan trọng nhất là phải buông xả tất cả. Nay cậu vừa học Đạo giáo lại muốn học Phật tu thiền thì chẳng bao giờ có thể đạt được "kiến tánh thành Phật"; vì cậu lấy tinh thần Đạo giáo để học Phật, vậy là "chấp ngã" quá nặng, do đó không thể "minh tâm kiến tánh", lại còn "bất cá hai tay" đó là điều rất nguy hiểm.

- Con nghĩ rằng ra sức tu thiền theo Đạo giáo làm cho thân thể mạnh khỏe, thân thể mạnh khỏe mới có thời gian nhiều để học Phật, nên con học cả hai để mong được kết quả nhanh chóng.

- Điểm này cậu lại sai rồi, người học Phật trước tiên phải có tinh thần quên mình và hỷ xả, cái gọi là "liễu sanh thoát tử" ý nghĩa cũng như vậy. Chúng sanh tử vô thi đến nay, luân hồi trong sáu nẻo, nếu chấp thân này là của mình thì khó thoát khỏi con đường sanh tử. Cậu đã luyện tiếu bản thân, muốn nó mạnh khỏe để học Phật, thì ngay cả Tiểu thừa cũng khó vào được hưởng hồ là Đại thừa? Đại thừa lấy xả thân để thực hành hạnh nguyện Bồ-tát. Hưởng nữa cậu đang tìm kiếm, tói lui giữa Đạo giáo và Phật giáo, chắc chắn chẳng được cái gì cả, không phải là việc làm đúng hướng.

Sư Truyền Hải hỏi: "Tu hành phải như thế nào? Xin sư phụ chỉ dạy cho con". - Sư phụ đáp:

- Tôi không biết tu hành, tôi chỉ biết khổ hạnh (hạnh), chỉ biết dụng khổ công, Chư Tổ ngày xưa dạy chúng ta dụng công khổ hạnh; Phật không dùng "học" cũng không dùng "tu", chỉ xả thân khổ hạnh, từ trong khổ hạnh mà chứng đạo.

Ngày 16-3-1978

Cư sỹ Vương Trung cùng với anh sinh viên tên Hà Kiệt dẫn một người Mỹ tên P.King đến thăm, xin Sư phụ cho biết về cuộc đời tu hành của người. Sư phụ trả lời: "Xin hỏi cư sỹ Lâm Giác Phi thì rõ".

P.King nói: "Thưa Sư phụ, Sư phụ mạnh khỏe! Sư phụ đã cao niên mà trông vẫn rất mạnh khỏe".

Sư phụ nói:

- Con người cũng giống như thân cây, lâu ngày thì bị một ăn.
- Ngồi thiền, Sư phụ có ấn định thời gian sớm, tối không?
- Nếu có chia ra sớm, tối thì không phải là ngồi thiền, đã dụng công thì không phân biệt sớm tối.
- Khi con ngồi thiền nếu có một niệm khởi lên, con không "nhìn" hoặc "theo dõi" nó, chẳng hề "để ý" đến nó, nhưng có "chú ý".

- Như vậy anh còn có cái "chú ý".

- Làm thế nào mới có thể không chú ý?

- Như vậy anh còn có niệm "Làm thế nào".

- à! Vẫn còn cái "niệm".

Cư sỹ Vương đưa tấm hình chụp Pháp sư Từ Hàng và ảnh tượng đức Phật Di Lặc cho Sư phụ xem, nói:

- Đức Phật Di Lặc từ bi ở ngay trong tâm chúng ta.

- Còn "tâm" (nghĩ) "Phật Di Lặc từ bi" là còn chấp.

Người Mỹ lại hỏi:

- Xin Sư phụ dạy cho con hiểu thế nào là "Phật tri", "Phật kiến" và "thân kiến"; tu như thế nào mới có thể thành Phật?

- Còn có cái "tôi" dạy "anh" học, thì không được; còn có cái "tôi đang như bất động", còn cái "tôi" vẫn không được. Anh còn có tướng thân, còn có cái "học" thì vẫn không được. Không có cái "tôi" đang làm gì, cũng không có cái "tôi" đang như như bất động.

Sư phụ hỏi: "Anh đang uống trà nói chuyện, vậy người đang uống trà là ai?".

- Người khát nước đang uống.

- Người khát nước là ai?

- Cư sỹ Vương nói xen vào:

- Ấy là nói chung với mọi người hay nói riêng anh bạn Mỹ này?

- Vấn đề chẳng phải là nói với ai, người hiểu được thì hiểu ra, thông một lý thì vạn lý đều thông.

P.King lại hỏi:

- Theo giáo lý "không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng" trong kinh Kim Cang mà tu có được không?

- Anh vẫn còn câu kinh Kim Cang "không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng" còn có cái "ta" để mà tu, vậy là còn có một cái "ngã".

- Có nên y theo câu Lục tổ Huệ Năng "Vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"?

- Được, nhưng anh còn có một câu vẫn không được.

Nghe người ta nói niệm Phật chứng được tam-muội, ngồi thiền có thể nhập định?"

- Anh còn "nghe người ta nói", - vẫn còn là "anh".

- Còn nghe nói Sư phụ đã chứng "niệm Phật tam-muội", ngồi thiền có thể nhập định.

- Anh nói với tôi thì tôi còn có cái để căn cứ, nếu là người khác nói thì tôi không biết. Dù đông hay ít người khởi lên niệm Phật, ai cũng có chủ ý, niệm đến khi tâm định, dứt loạn... hốt nhiên tiếng niệm Phật vang vọng thấu dưới đất. Tuy chúng ta không "ở dưới đất" niệm Phật, nhưng vẫn có tiếng niệm Phật "dưới đất" niệm đến khi âm thanh điều hoà... hốt nhiên âm thanh lại bay bổng lên giữa tầng không trung, như thể mọi người đang ở trên hư không niệm Phật. Cái gọi là "khắp hư không đều là âm thanh niệm Phật"; ấy là trạng thái "niệm Phật tam-muội".

Người Mỹ hỏi: "Cánh giới như vậy kéo dài được bao lâu? Một tuần, nửa tháng, một tháng hay nửa năm?"

- Bất luận thời gian bao lâu, âm thanh niệm Phật cũng vẫn giữ như vậy. Dù có tiếng chim kêu, tiếng xe chạy, hay các tạp âm khác, tất cả đều trở thành "Phật thanh". Nếu như anh còn phân biệt tiếng chim kêu, tiếng xe chạy... thì cánh giới ấy biến mất. Hiện nay nhiều người niệm Phật chỉ miệng niệm mà tâm lại chạy đi chỗ khác. Đó là "tạp niệm Phật", "tán tâm niệm Phật".

- Đồ đệ của Sư phụ rất đông, có người niệm Phật A-Di-Đà, có người niệm chú Đại Bi, có người niệm Quan Thế Âm Bồ Tát ... anh quay sang hỏi sư Truyền Tịnh: "Sư phụ dạy cho Thầy niệm gì?".

- Sư phụ dạy chúng tôi niệm Phật A-Di-Đà.

Sư phụ nói với người Mỹ:

- Sự tu tập của anh khá đầy, có nghiên cứu một chút về tu thiền, anh hỏi tôi, nên tôi mới nói về tu thiền như thế. Còn những người bình thường khác tới hỏi tôi, tôi đều dạy họ niệm Phật.

- Con và Sư phụ "tâm ấn tâm".

- Anh còn cái tâm, cái ấn, còn có "tâm ấn tâm" thì vẫn còn có cái ngã; tâm nằm ở nơi nào? Ba người đến đây hỏi tôi, tôi còn nói chuyện với ba người, các vị đi rồi tôi cũng không có, không có anh nói với tôi gì cả.

- Sư phụ là một đại thiện tri thức đại triệt đại ngộ.
- Đó là anh nói, tôi có làm gì đâu.
- Sư phụ, Ngài là vị minh sư rất khéo khai ngộ cho đệ tử.
- Đó là anh nói, tôi không nghĩ như vậy.
- Hồi còn ở Mỹ chưa đến Đài Loan, con cứ tưởng Sư phụ ngồi nhập định thì trơ ra như phỗng, sau khi hội kiến mới rõ Sư phụ là bậc Thầy "biện tài vô ngại" và rất là hoại bát.

Nam -mô A-Di-Đà Phật

Tôi có nhân duyên với Hoà thượng Quảng Khâm Lâm Giác Phi

Tháp Phi Lai chùa Thừa Thiên

Năm Bính Tuất (1966) sau tết Đoan Ngọ, tôi từ Vĩnh Xuân tỉnh Phúc Kiến đến Tuyên Châu thăm anh Vương - bạn học cũ báo cho anh biết tôi sắp qua Đài Loan bằng đường biển, Vương tán thành, đồng thời bảo là anh có chiếc thuyền buồm thường xuyên qua lại giữa Tuyên Châu và Đài Loan, tiếc rằng thuyền đã rời bến hôm trước, mời tôi hãy đến ở tạm nhà anh, đợi thuyền về rồi sẽ đi; thế là tôi phải ở lại chờ.

Tôi vốn ưa thích phong cảnh, thích đi xem các danh lam thắng tích cổ kính. Sáng hôm sau tôi đến chùa Thừa Thiên, chùa này nằm trong thành Tuyên Châu. Hơi lệch về cửa đông thành có ba ngôi chùa lớn (Thừa Thiên, Khai Nguyên, Sùng Phước) là những chùa Phật cổ nhất. Tôi đi từ đại lộ phía nam đến chùa Thừa Thiên, tới trước cổng chùa thấy trên vách có bốn chữ lớn "Nguyệt đài đảo ảnh" (bóng trăng chiếu ngược), bên trong có nhiều con rùa đá lớn. Qua khỏi điện Tứ Thiên Vương, lần theo con đường đá xanh, qua khỏi cầu hồ phóng sanh, thì đến sân trước Đại Hùng Bảo Điện. Gần hai bên đường đi có hai cái tháp đứng đối diện, kiến trúc giống hệt nhau chỉ khác ở chỗ một tháp thì rất sạch, có thể nói "hạt bụi cũng không dính", nghe nói ruồi đậu trên đó đều quay đầu xuống dưới, chẳng bao giờ quay đầu lên trên; còn tháp kia thì đầy dẫy phân chim, dơ bẩn vô cùng.

Theo truyền thuyết, xưa kia trong chùa có một vị tăng ngày ngày chuyên làm những việc lao động rất cực nhọc mà lúc nào cũng tươi cười vui vẻ. Một hôm bỗng có chiếu chỉ triều đình (không rõ Triều nào) truyền đến chùa báo rằng: Đức vua năm mộng thấy Thái Hậu bảo thỉnh bị cao tăng đắc đạo ở chùa Thừa Thiên thành Tuyên Châu - Phúc Kiến đến kinh thành để siêu độ cho Bà. Chùa liền tuyển chọn một số tăng đủ oai nghi đức độ vào triều siêu độ cho Thái Hậu. Lúc sắp lên đường, vị tăng lao công bỗng bước tới xin được cùng đi, chư tăng nói: "Ông không biết gì về Phật sự làm sao đi được?". Vị tăng lao động đáp: "Tôi tuy không rành Phật sự nhưng có thể mang vác hành lý cho các vị". Chư tăng cảm động vì ông ta hằng ngày nghiêm cần lao khổ, đồng ý cho đi.

Đến kinh thành, tới trước cửa Ngọ môn, nhà vua tuyên vời chư tăng vào triều. Các vị tăng đều vào hết, chỉ riêng vị tăng lao động đứng yên bất động. Vua hỏi vì sao không vào, tăng đáp: "Dưới đất có Phật không dám vô lễ bước qua". Vua phán phải vào, tăng bèn chống đầu xuống đất, hai chân đưa lên trời, nhảy ngược mà vào. Vua lấy làm lạ sai người đào đất lên thì thấy có một bộ kinh Kim Cang. Đến lúc đó nhà vua mới biết Thái Hậu muốn thỉnh vị cao tăng này. Vua liền đích thân ra tiếp đãi một cách thành kính. Vua thỉnh ý tăng: Lúc làm pháp siêu độ cần chuẩn bị như thế nào? Đáp: "Trừ việc chư tăng làm đúng theo nghi thức siêu độ ra, nên lập riêng một cái đài, trên bày hương án, chính giữa có treo hướng linh vị của Thái Hậu".

Đang lúc cử hành pháp siêu độ, vị tăng lao động đột xuất mời nhà vua lên đài, còn mình thì cầm phương phát ba lần mà tụng kệ rằng:

Ta vốn chẳng đến
Người có lòng hành
Một niệm không sanh
Siêu sanh thiên quốc,

Nhà vua bỗng thấy Thái Hậu hiện ra trong vùng mây, lay tạ vị tăng rồi từ từ bay lên. Khi pháp sư hoàn tất, chư tăng từ giả ra về, vua riêng giữ vị tăng lao động ở lại, đồng thời đích thân đưa đi du ngoạn ở ngự hoa viên và các cảnh đẹp trong kinh đô. Một hôm đi ngang qua một tháp đá, tăng bỗng dừng lại chăm chú nhìn cái thái, vua hỏi:

- Sư thích tháp này không? Trẫm sẽ sai người bỏ rời ra chờ đến chỗ sư ở". - Vị tăng đáp"

- Nếu bệ hạ bằng lòng tặng cho thì bản tăng xin tự lấy về.

Nói xong phất tay áo một cái, tháp liền thu vào trong đó, rồi chấp tay chào vua mà đi... Vua sai người tìm theo tiễn đưa, nhưng chẳng thấy bóng dáng tăng đâu cả. Tăng đã về đến chùa Thừa Thiên rồi mà các vị tăng khác vẫn còn đang đi trên đường.

Sau khi chư tăng về đến chùa, có một người biết, nói:

- Sư siêu độ cho Thái hậu ắt là mau có ban thưởng, sư có thể chia cho đại chúng với? - Tăng đáp:

- Có chứ, nhưng chỉ sợ mọi người lấy không nổi. - Liền từ trong tay áo trút ra cái tháp, dựng nó bên cạnh con đường đá. Do đó mà đặt tên là "Phi lai tháp" (Tháp bay đến). Người sau thuê thợ xây một cái tháp tương tự đứng đối diện. Chẳng bao lâu vị tăng lao công ấy bỏ đi mất.

Lại có truyền thuyết: Chùa Nam Sơn ở Chương Châu tỉnh Phúc Kiến có vị tổ sư tên Long Khố; sự tích cũng giống câu chuyện trên, chỉ khác là lúc đi với vua, tổ sư nhìn chăm chú long bào của vua, vua hỏi: "Sư thích long bào này không?" Sư nắm khố cười nói: "Khố rách rồi!" vua liền cởi long bào, sai thợ sửa lại thành khố rồi đưa tặng sư, sư mặc vào, từ biệt ra về, do đó người ta gọi sư là Long khố tổ sư. Không biết Long Khố tổ sư có phải là vị tăng lao công ở chùa Thừa Thiên chăng. Vì chưa tra cứu được nên không dám quyết đoán.

Lần đầu tiên có túc duyên gặp Hoà thượng Quảng Khâm

Đại Hùng Bảo Điện chùa Thừa Thiên có ba cửa, phía trên cửa giữa có treo tấm biển chạm rồng hai bên, chính giữa có sáu chữ vàng: "Sắc tứ thừa thiên thiên tự". Bên trong cửa chính trái là chỗ ngồi thiền của sư, bên trong cửa chính phải có vị sư già phụ trách về hương đèn. Nhìn thấy Hoà thượng ngồi kiết già mất nhắm, tôi bỗng nhớ lại trong tiểu thuyết xưa thường có danh từ thiền sư mà mãi đến nay tôi chưa trông thấy một thiền sư tận mắt. Hôm nay thấy sư ngồi thiền bỗng nhiên lòng tôi phát sinh niềm vui mừng và sùng kính vô hạn. Cảm xúc còn hơn gặp được bảo vật, tôi không dám gây nhiễu động, chỉ đến một bên im lặng đứng chờ. lát sau, có một chú sa-di nhỏ từ bên trong gọi tên sư, cho biết sư "thủ quỹ" sai đem tiền chia cho sư, chú sa-di nói vài lời rồi đi.

Nhân cơ hội, tôi nắm hai tay lại vái chào (lúc ấy tôi chưa biết chấp tay), bước tới xin thỉnh ý.

Sư hỏi: "Anh ở đâu? đến đây làm gì?" Tôi nói rõ về quê quán và sự việc ở tạm nhà người bạn chờ thuyền đi sang Đài Loan vv... Sư nghe đến đó hỏi: "Anh chẳng mấy khi đến đây, chùa rất rộng, có thể đi đến các điện để tham quan". Tôi liền đi vào Đại Điện xem sơ qua một lần, trở lui... vẫn thấy sư tĩnh tọa, tự nhiên lòng tôi đối với sư như bị một lực hấp dẫn không thể diễn tả được; tất cả hứng thú du ngoạn đều tập trung nơi sư, như không muốn rời nửa bước. Bỗng có vị tăng đến nói chuyện với sư, tôi lại được cơ hội đến gần sư lần nữa.

Khi ấy sư như có vẻ hơi phiền, bảo: "Anh từ huyện Vĩnh Xuân đến, trong chùa có một vị tăng già, ông ấy là tú tài ở huyện gần với anh; anh là trí thức, tôi sẽ dẫn đến gặp ông ấy, anh có thể nghe ông nói chuyện Phật pháp để tăng trưởng trí tuệ". Dứt lời sư liền đứng dậy dẫn tôi vào bên trong, đến phòng khách sư giới thiệu tôi với vị tăng tú tài, (người họ Lại, gia đình giàu có, con cháu rất đông, xuất gia đã trên 20 năm, em trai ông là một nhà trí thức uyên bác mà tôi đã có vài lần tiếp xúc). Chuyện trò giây lát sư lại trở về Đại Điện. Lúc bấy giờ vị sư tú tài già tuổi gần 70, khi nói cười chỉ còn thấy một hai răng cửa, đem tặng tôi mấy cuốn kinh do chùa in ấn: kinh Kim Cang, kinh Di-Đà, kinh Phổ Môn vv... đồng thời giới thiệu sơ lược. Tôi cảm thấy sốt ruột, vâng dạ qua loa rồi vội cáo từ, cầm theo mấy cuốn kinh ấy trở lui. Ra tới Đại Điện tôi lại đến bên cạnh sư chờ dịp hầu tiếp chuyện, nhưng sư chỉ miễn cưỡng đối đáp, đến trưa tôi mới rời chùa.

Chiều hôm đó, tôi đến vãng cảnh chùa Khai Nguyên (chùa lớn nhất thành Tuyên Châu) xem lại hai cái tháp đông-tây, (chùa Khai Nguyên phân chia tả-hữu hai bên, và đông-tây đối diện. Theo sách Tuyên Châu Phủ Chí thì tháp ấy cao hơn 21 trượng, xây bằng đá xanh, có tám mặt, năm tầng. Mỗi tầng đều có chạm những tượng Phật khác nhau vào chính giữa mỗi mặt tháp. Tương truyền đỉnh tháp bằng "đồng thất bảo", khi ánh nắng chiếu chiếu nghiêng, đỉnh tháp toả ánh sáng rực rỡ, thật là một công trình kiến trúc kỳ diệu.

Sáng hôm sau tôi lại đến chùa Thừa Thiên, sư vẫn ngồi chỗ cũ, thấy tôi đến vui vẻ ra tiếp tôi, thái độ khác hẳn hôm trước.

Sư cười mở nói: "Anh định đi Đài Loan, được đấy. Anh cũng nên đi, sau khi đến nơi anh nhớ viết thư cho tôi. Phật giáo ở Đài Loan chịu ảnh hưởng Thần giáo của Nhật Bản, làm cho tăng tục không còn phân biệt; tôi có duyên với Đài Loan, sẽ đến đó xây dựng đạo tràng hoá độ chúng sinh. Tôi đem thân này tu hành theo Phật để

cứu vãn Phật giáo đang thoái trào trở lại con đường chân chính, đó là tâm nguyện của tôi. Anh nên nhớ rằng sau khi đến Đài Loan anh còn phải trải qua một giai đoạn gian khổ, e rằng anh không chịu đựng nổi".

Tôi thưa: "Bạch Sư, nếu con đáng nên đi Đài Loan thì dù gặp muôn vàn khó khăn con cũng không từ bỏ, con sẽ vui lòng chấp nhận".

- Túc nghiệp của anh rất nặng, nếu không trải qua gian khổ để rèn luyện thì không cách nào tiêu trừ; anh đã nguyện ý chịu khổ thì có thể đi được. Người xưa nói "có đắng ắt có ngọt". Mong anh dù gặp khổ nạn tốt cùng cũng không thoái chí.

- Con kiên quyết chẳng hề hối tiếc.

Liên đó tôi quyết định lay sư làm thầy, sư cũng vui lòng chấp nhận, quả là có duyên thầy trò. Khi ấy tôi chỉ biết hết lòng cung kính, lấy lễ tạ ơn sư mà thôi, hoàn toàn không biết xin phép quy y.

Cùng Sư du ngoạn đến động Bích Tiêu

Từ đó, ngoài lúc phải ăn và ở nhà bạn ra, lúc nào tôi cũng ở bên cạnh sư đến gần 10 giờ đêm mới về. Qua một tuần, ngẫu nhiên sư đề cập đến việc tu khổ hạnh trên núi, tôi bỗng sinh lòng hiếu kỳ, hỏi sư con đường đi tới nơi ấy. Sư nói:

- Con muốn đến đó? Vậy sáng sớm ngày mai thầy với con cùng đi.

Hôm sau trời vừa sáng tôi liền vội đến chùa. Sư đã rời thiền toà đợi tôi trước thềm điện Phật rồi! đầu đội nón rơm, lưng đeo dây vải "tứ đại", tay chống gậy bước ra khỏi chùa. Thầy trò đi ra bằng cửa bắc thành Tuyền Châu, theo một con đường nhỏ, già trẻ hai bên đường phở kêu lên "Sư Quảng Khâm! Sư lại lên núi sao?!" - Sư đáp:

- Tôi đưa khách lên chơi, không ở lại núi đâu!

Trên đường đi nghe người ta nói với nhau:

"Hoà thượng phục hồ ấy mà rời khỏi chôn này thì thật là đáng tiếc".

Đi đối với vài chục bước, sư bỏ dép đi chân không, tôi cũng bắt chước cởi giày, sư đem gói trong tiệm hớt tóc. Sư lại đến một quán nhỏ mua mì và rau cải xanh chuẩn bị cho tôi bữa ăn trưa. Sư bỏ vào dây đưa cho tôi mang. Thầy trò ra khỏi cửa bắc thành, lần leo bậc cấp lên đến núi Thanh Nguyên.

Trước tiên đến động Di-Đà, rồi chuyển sang động Bích Tiêu nằm ở lưng chừng núi. Bên phải động là vách đá thẳng đứng cao ước một trượng, ngoài động có một tảng đá lớn chắn, phía trong trống rỗng làm thành cái động nhỏ (rộng khoảng 5 thước [TQ], cao 6-7 thước), hai bên như hai cái cửa thiên nhiên có thể vào ra được. Cửa bên trái khá rộng, chỗ cao nhất tôi có thể thẳng người bước vào được. Cửa bên phải rộng khoảng 1 thước, cao gần 4 thước, khi ra vào phải đi cúi đầu. Trong động có một tấm phản vuông cũ kỹ, đủ chỗ đi vòng quanh được. Chính nơi đây sư đã ngồi quay mặt vào vách 12 năm (từ năm 1933 lúc sư 42 tuổi cho đến năm 1945 sư 54 tuổi). Đất phía ngoài động không rộng. Sư tự tay trồng một số cây ăn trái.

Nghe nói động Bích Tiêu do người đời trước xây dựng, đã bỏ hoang từ lâu; khi sư đến và nhập định vài tháng trong động thì xa gần đều biết. Sau có một Hoa kiều về nước đến yến kiến sư, phát tâm trùng tu lại. Động chỉ chiếm một mặt bằng nhỏ chưa tới 20 mét vuông; vách đá, mái ngói, hai bên là cửa ra vào, chính giữa có một cửa sổ lớn; trong động, ngoài tấm phản vuông cũ ra, không có vật gì khác. Sư than với tôi: "Khi thầy sắp xuống núi, có một "trai cô" xin đến ở, nhưng khi thầy xuống núi thì cô ấy lại không chịu đến, nên động mới hoang phế thế này. Người xuất gia mà không chịu kham khổ, thật đáng tiếc, đáng thương xót!".

Lại men theo bậc đá phía bên phải khoảng 10 bước thì đến động Thụy Tạng. Sư nói: "Động này nguyên là chỗ tu niệm của Thầy tôi là pháp sư Hoàng Nhân, nay Ngài đã viên tịch nên động cũng bỏ không". Lại leo tiếp lên đến một cái miếu nhỏ (thờ thần), có một ông từ trông giữ. Sư lấy mì và rau nhờ ông làm giúp bữa ăn cho tôi; còn sư thì đem trái cây trong dãy ra dùng.

Ăn xong nghỉ ngơi một lát, thầy trò theo triền phải núi tìm đường về. Đi qua một động tiên, bên trong thờ một tượng Tiên, đã lâu không hương khói. Xuống nữa thì đến hai nhà trai đường, cách nhau không xa. Có các trai cô đầu bịt khăn vải đang làm vườn, trong trai đường chỉ còn một hai cô cao tuổi ở lại nấu ăn. Các cô đều do chùa Thừa Thiên phái đến.

Vị trai cô cao tuổi vốn quen biết sư nên mời vô uống trà. Lúc ấy trời đã xế chiều, các trai cô ở ngoài vườn cũng nghỉ việc để chuẩn bị khoá công phu chiều. Sư cũng từ giã xuống núi. Xuống đến đất bằng, thuận đường đến thăm miếu Thành Hoàng Phủ Tuyên Châu, sau miếu có một viện dưỡng lão do vị thân sỹ tên Diệp Thanh Nhân ở thành Tuyên Châu sáng lập. Trước kia Đại sư Hoàng Nhất có đến và ở lại đây (sau khi Ngài viên tịch đi cốt được đem thờ ở Công đức đường chùa Thừa Thiên. Đến lúc này trời sắp tối, thầy trò vội vàng quay về cửa Bắc, đến lấy giày dép đã gói, rồi trở về chùa Thừa Thiên.

Con bảo trợ duyên kết nghĩa thầy trò

Vì chờ lâu mà thuyền của người bạn chưa về, lòng tôi nôn nóng đi Đài Loan bèn đến hãng tàu mua vé.

Ngày 17 tháng 06, hãng tàu thông báo 9 giờ tối khách lên thuyền. Tôi liền đến từ giã sư, lúc chia tay sư nói: "Nếu như chưa đi có thể trở lại trò chuyện". Tôi nghe sư nói vậy biết trong lời nói có ẩn ý, trong bụng nghĩ lần này chắc khó đi được. Nhưng công ty đã thông báo, tôi chỉ còn cách lên thuyền xem thế nào.

11 giờ khuya, thuyền nhổ neo từ cửa nam bến Tân Kiều từ từ rời vịnh Tuyên Châu ra khỏi cảng. Đêm ấy trăng sáng như gương, trời trong vắt không một bóng mây. Trên thuyền ngoài 7, 8 thủy thủ ra, còn lại 36 hành khách đều vào ngủ trong khoang thuyền, chỉ mình tôi ngồi dưới cột buồm trên boong tàu, nhờ vào ánh sáng trăng mở kính (thỉnh ở chùa Thừa Thiên) ra đọc.

Mờ sáng hôm sau, thuyền vừa mới ra khỏi hải cảng, phía đầu thuyền hai thủy thủ trẻ rút một cây sào tre bên hông thuyền cắm xuống nước nói với người cầm lái ở phía sau: "Nước sâu 1 trượng 2". Lại cắm một lần nữa, nói: "8 thước rồi!". Bỗng dưới đáy thuyền có tiếng động như chạm vật gì, thuyền nghiêng về bên phải: thủy triều đang rút, nước cạn! Thủy thủ vội nhảy xuống cầm gậy chống đỡ chiếc thuyền đang nghiêng. Đến khi trời sáng, hành khách ủa nhau nhảy xuống bãi cát, trẻ con được dịp đào bắt sò ốc trong cát. Khoảng 10 giờ thủy triều lên lại, người lái thuyền báo làm cơm cho mọi người ăn no, chuẩn bị 12 giờ trương buồm ra khơi.

Đến giữa trưa, buồm lớn đã dựng xong, người lái thuyền ngừng đầu quan sát khí tượng, bỗng la to: "Đài Loan có bão, hôm nay không thể ra khơi được!" Ông ta lập tức ra lệnh thu buồm, lái thuyền trở lại cảng, đến một trấn nọ tạm nghỉ. Khoảng 3 giờ chiều, ông lái thuyền lại báo: "Sợ gió lớn có thể kéo dài đến vài ngày,, để tiện cho hành khách thuyền nên trở về Tuyên Châu". Bảy giờ chiều thuyền trở về chỗ cũ.

Rời thuyền, tôi đến ngay chùa Thừa Thiên báo cho sư hay, sư đã ngồi đợi trên sân trước điện. Thấy tôi đến người cười lớn: "Thầy biết con sẽ trở lại! Thầy trò mình nhân duyên chưa kết, con làm sao đi được!" Sư chọn ngày hôm sau (19 tháng 6) tại điện Quán Thế Âm sau chánh điện làm lễ quy y cho tôi.

Sáng ngày 19, tôi thành tâm chuẩn bị hương đèn hoa quả, đặt trước tượng đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Sư bảo tôi lạy Phật, sư giảng Tam quy y, và hoàn thành lễ quy y cho tôi (tôi là người đệ tử thứ ba được quy y). Lễ xong tôi thưa: "Lòng con rất tha thiết đi Đài Loan, không biết khi nào mới đi được". Sư nói: "Con bảo đã dứt rồi, chiều 20 có thể lên thuyền, 21 ra khơi, ngày 22 sẽ đến Đài Loan được".

Ngày 20, sau giờ Ngọ quả nhiên hãng tàu thông báo tối nay lên thuyền, 7 giờ tôi đến từ giã sư, người lại dặn kỹ: "Con nhớ gói thư liên lạc với thầy". Tôi đáp: "Con xin vâng lệnh sư phụ".

Lúc tôi lên đường sư chúc "Thuận buồm xuôi gió" mấy lần. Tôi bái tạ ra đi, lòng đầy nỗi vui mừng, lần này nhất định sẽ đến Đài Loan!

11 giờ khuya thuyền nhổ neo, ánh trăng sáng ngời, một mình tôi ngồi ở trên boong tàu xem kính. Sáng ngày 21 thuyền đến cửa khẩu, ông lái cho thuyền ghé bờ, vào nhà ông ta (ở Hải Tân) để chất thêm hàng hoá, đến 12 giờ trưa giương buồm ra khơi. Hôm ấy biển lặng sóng êm, ánh nắng chói chang, thuyền nhấp nhô theo làn sóng biển, xuôi gió hướng về Đài Loan. Tôi đến tôi lại ngồi dưới cột buồm đọc kính, ánh trăng chiếu sáng, trời nước một màu. Bỗng nhiên tôi cảm thấy vũ trụ vô cùng bao la chiếc thuyền vô cùng bé nhỏ mà xót xa cho con đường mờ mịt, đời người huyễn ảo.

Rạng đông ngày 22, bóng dáng Đài Loan mờ hiện trước mắt. Đến gần trưa thuyền đến bến trạm thuộc Công ty miền trung; người lái thuyền la lớn: "Tôi lái thuyền cho Công ty đã nhiều năm, tuyến Tuyên Châu - Đài Loan nếu xuôi gió cũng sau 24 giờ mới tới nơi, dù nhanh nhất cũng phải mất 23 giờ; nhưng chỉ được vài lần trong cuộc đời đi biển. Đặc biệt lần này thuyền đi chỉ mất 22 giờ, thật là ngoài sức tưởng tượng, điều chưa từng nghe nói bao giờ!". Tôi cảm niệm Phật lực vô biên và nhờ ân sư phù hộ. Tôi càng sùng kính sư phụ vô cùng.

Lên bờ, tôi đáp xe lửa đi Đài Bắc, đến tạm trú nhà người chú, rồi viết thư ngay báo cho sư phụ rõ. Mấy ngày sau tôi nhận được thư hồi âm của người cho biết là vẫn còn ở trong chùa Thừa Thiên.

Ở đây tôi dự thi vào trường đào tạo giáo sư quốc văn cho các trường công lập Đài Loan. Sau khi trúng tuyển, tôi dạy thực tập hai tuần rồi được bổ đi dạy tại Trường dân tộc Gia Nghĩa. Tôi lại viết thư kính báo sư phụ rõ, người phúc đáp rằng sắp đến ở chùa Nam Phổ Đà - Hạ môn. Trong mùa đông ấy tôi gửi liên tiếp hai lá thư nhưng chưa được hồi âm. Mùa xuân năm 1947 tôi chuyển đến làm việc ở Đảng bộ Cục đường sắt tại Đài Bắc, tôi lại viết thư nhưng cũng chưa nhận được hồi âm. Mãi đến tháng tư, bỗng nhận được thư sư phụ cho biết người quyết định sang Đài Loan nhưng không có tiền đi đường, tôi lập tức gửi tiền đi thuyền cho người. Chiều ngày rằm tháng 5 sư phụ đến Cơ Long an toàn. Sau khi đến Đài Loan, sư phụ độ vô số chúng sanh, (sự việc này tôi xin không trình bày ở đây). Riêng nghĩ đến ơn Thầy chưa báo đáp, lòng tôi sớm tối không yên, nay chỉ xin được đem một phần nhân duyên điu đất hoá độ ở Ân Sư, kính cần ghi lại vài dòng kỷ niệm.

Một đoạn nhân duyên giữa tôi và Bồ Tát Quảng Khâm

Chu Tuyên Đức

Hoà thượng Quảng Khâm suốt cả cuộc đời 95 năm niệm Phật, độ chúng chưa từng gián đoạn, nay xả báo thân vãng sanh Cực Lạc! Ngưỡng mong Ngài quay Thuyền Từ, trở lại tiếp tục tiền duyên!

Người người xưng tụng Đại lão Hoà thượng là bậc cao tăng, Ngài không ăn thức ăn nấu chín như người thế gian, đêm không ngủ nằm nghỉ, nhất tâm niệm Phật, mấy mươi năm ròng trước sau như một; do vậy mà đặc thân thông diệu dụng, hoá độ vô số chúng sanh. Nhân duyên giữa tôi với Ngài rất sâu thâm. Tôi được biết về cuộc đời của Ngài cũng khá nhiều, nhưng vì thời gian trình bày có hạn, chỉ xin chọn kể ra đây ba mẫu chuyện thực điển hình, đồng thời hồi tưởng lại "sáu đề cương trong đời tu hành" của Ngài để chứng minh rằng Ngài là vị Bồ Tát vì hạnh nguyện mà trở lại độ chúng sanh.

1. Siêu độ vong linh - hộ trì chùa được bình yên

Vào năm 1950 tôi ở ký túc xá Đài Đường nằm trên đại lộ Vạn Hoa Côn Minh, Đài Bắc. Tôi thường đến chùa Pháp Hoa gần đây lễ Phật nên có quen một vị trai cô ở chùa. Trai cô cho biết cô là đại diện của tín chúng chùa này. Sau khi vị trụ trì người Nhật về nước, cô được giao cho tiếp quản chùa. Trai cô mời tôi mỗi chủ nhật đến dự Pháp Hội, giảng kinh cho tín chúng, và dùng cơm trưa với chùa. Cô nói chùa này tối đến không ai dám ở lại, vì đêm khuya có ma tự mở cửa phòng, mở cửa sổ, lại còn bật đèn điện... làm nhiều động tác khuấy nhiễu khiến ai cũng hoảng sợ, đêm ngủ không yên. Ngày ngày vào khoảng 7 giờ tối sau lúc mặt trời lặn, ai nấy đều phải ra khỏi chùa đến nơi khác ở. Tôi nghe câu chuyện ma quỷ lộng hành gây họa như vậy nghĩ rằng phải có cách gì trừ, trong lòng cứ lo lắng buồn bực. Một buổi chiều nọ, tình cờ tôi gặp một hoà thượng già, vóc dáng không cao, đi trên đường Nam Tây Ninh, thông thả hướng về phía nam, cách chùa Pháp Hoa không xa. Tôi vội bước đến trước người, chấp tay làm lễ và kính hỏi đạo hiệu. Người đáp: "Tôi là Quảng Khâm". Tôi hỏi Hoà thượng ở đâu, người trả lời: "Không nhất định là ở đâu".

Nhìn dáng đi thanh thoát và đôi mắt rất sáng của người, dường như đây là bậc đạo hạnh, tôi mời người về chùa Pháp Hoa an nghỉ. Về đến chùa, trước tiên người lay Phật, kế đó đi đến chỗ sàn gỗ mé tây, bên trái bàn thờ Phật, ngồi kiết già. Khi ấy trai cô định dọn cơm chiều cho người dùng, người bảo: "Tôi không ăn cơm, chỉ ăn trái cây". Nghe thế tôi liền ra ngoài chùa mua một ít quả chuối vào, đặt lên chiếc bàn nhỏ để người tùy nghi thọ dụng. Đến khi trời sắp hoàng hôn tôi ngắm ra đầu cho các trai cô rời khỏi chùa, chỉ để người ở lại một mình, xem thử người ứng phó ma quái khuấy nhiễu như thế nào. Sáng sớm hôm sau chúng tôi đến chùa, Hoà thượng Quảng Khâm lấy tay chỉ phòng khách phía bên phải Đại Điện nói: "ở đó có hai hồn ma Nhật Bản, các vị hãy đến giờ tám ta-ta-mi (chiếu Nhật) lên, lấy hài cốt của họ ra để tôi siêu độ cho họ". Quả nhiên đúng như lời người nói, các trai cô tìm thấy hai bộ xương người. Hoà thượng bảo: "Các cô đem xương cốt bỏ vào cái lư dùng để thiêu giấy tiền vàng mã trước chùa đốt cho tiêu hết đi".

Hoà thượng niệm Phật, lại như vừa niệm chú vãng sanh, sau đó trở vào Đại Điện nói: "Đã siêu độ cho họ rồi". Nhưng chiều hôm đó các trai cô cũng không ai dám ở lại trong chùa. Sáng sớm ngày thứ ba, Hoà thượng vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, người lại nói phòng phía sau - bên phải Đại Điện - cũng có một hồn ma, bảo các trai cô giờ tám ta-ta-mi lên như hôm trước, lại phát hiện một bộ hài cốt, và cũng bỏ vào lư thiêu. Hoà thượng niệm Phật, trì chú xong nói: "Hồn ma này cũng đi rồi!".

Sáng ngày thứ tư tôi cũng lại đến chùa Pháp Hoa, trai cô nói với tôi: "Sư phụ bảo chúng tôi tối nay có thể vào chùa ở lại trong liêu phương trượng". Từ đó trai cô yên tâm mời thêm mấy tín đồ dạn dĩ vào chùa ở, quả nhiên bình an vô sự, tất cả đều thanh tịnh. Do vậy, tôi nói với các cô: "Quý cô nên thỉnh Hoà thượng làm trụ trì chùa ngày, mới người ở lại thường trú, nhất định sẽ đảm bảo an ninh".

Phần mình, hầu như mỗi chiều khi xong công việc tôi đều đến chùa Pháp Hoa xin được người chỉ dạy về quá trình tu tập. Tôi mới được rõ Người từ thuở ban đầu tu nơi sơn động ở Tuyên Châu cho đến khi sang Đài Loan

đã thực hiện rất nhiều kỳ tích; chắc hẳn có nhiều người biết và ghi chép lại, tôi xin khỏi tường thuật ra đây. Tuy trong kiếp này người chẳng đọc nhiều kinh điển, chỉ bằng khổ hạnh và niệm Phật mà chứng ngộ, ắt là do người đã trải qua nhiều kiếp tu hành nên mới có được thần thông như vậy.

2. Ngày đêm niệm Phật nhất tâm bất loạn

Ban đầu được gần gũi bên Hoà thượng, tôi vẫn có điều thắc mắc: người không nghiên cứu nhiều về Phật điển làm sao lại được thần thông như vậy? Nhiều lần tôi xin người dạy cho phương pháp tu hành, người chỉ trả lời: "Anh chỉ cần tịnh tâm niệm Phật, lâu dài về sau sẽ đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, tự nhiên có cảm ứng". Nhưng tôi chưa nghe người "niệm" bao giờ nên không hình dung nổi sự cao sâu của pháp môn này, do đó tôi đặc biệt dành một buổi chiều ngày nghỉ cuối tuần đến chùa Bái Kiến. Người đang ngồi "xếp bằng" trên một chiếc bàn tròn thấp kiểu Nhật trong chánh điện. Tôi bước đến ngồi lên chiếc ghế đặt gần đây bên cạnh người. Trời tối, tôi đến bật đèn rồi chú tâm hầu đợi người. Cứ độ nửa giờ hoặc 40, 50 phút tôi đi nhẹ đến bên cạnh người hỏi nhỏ: "Thầy đang làm gì vậy?" - Người đáp:

- Niệm Phật.
- Niệm Phật nào?
- Phật A-Di-Đà.

Tôi hỏi bảy tám lần như thế, người đều trả lời như thế.

Suốt đêm ấy tôi không ngủ được. Đến sáng hôm sau tôi lại hỏi:

- Thầy nói Thầy đang niệm Phật, nhưng sao con không nghe tiếng.

Vậy thì niệm Phật như thế nào?

- Niệm Phật quan trọng là "tâm niệm", "chuyên tinh", ngày đêm không gián đoạn, không tán tâm. Tuy nhiên, nếu các anh biết miêng niệm, tai nghe, tâm tưởng, vậy cũng là "hạ thủ công phu", dần dần tự nhiên có thể niệm mà không còn phân biệt ngày hay đêm; niệm Phật nhất tâm bất loạn. Do niệm Phật mà đắc định, đắc tuệ, chắc chắn sẽ thành tựu.

3. Dự báo sự việc sẽ xảy ra

Vị Thầy mà tôi quy y - Hoà thượng Trí Quang - gặp giáo sư Lý Hạnh Thôn thuộc Trường Đại học Đông Ngô đến Hoa Nghiêm Liên Xã hỏi Thầy về vấn đề Phật học và Tâm lý học. Thầy tôi không nói với ông ta nhiều, chỉ viết trên một danh thiếp giới thiệu ông đến nhà tôi để trao đổi. Sau khi đàm luận, tôi nhận thấy ông cũng có thiện căn, bèn giới thiệu đến thỉnh giáo Hoà thượng Quảng Khâm.

Mới gặp Hoà thượng lần đầu, giáo sư Lý Hạnh Thôn liền được cảm hoá bởi đạo hạnh của người, ông tự nguyện xin quy y Tam Bảo. Ông có ký hợp đồng với Đại học Hạ Uy Di bên Mỹ, sẽ được mời sang làm giáo sư; hơn nữa, vị chủ nhiệm Khoa người Mỹ sẽ đến Đài Loan gặp ông, trực tiếp trao thư mời. Do đó, giáo sư Lý thỉnh ý Hoà thượng:

- Việc con sang Mỹ có thành không? - Hoà thượng nói:
- Lúc này thì không được.

Vài ngày sau lại có một giáo sư tên Thang Chi Bình thuộc Viện Đại học Nông nghiệp Trung Hưng cũng được Hoà thượng Trí Quang giới thiệu đến tôi để nói chuyện Phật pháp. Theo lời anh ta kể thì gia đình đang gặp nhiều khó khăn và phiền muộn, rất mong sớm giải quyết được vấn đề kinh tế. Anh hỏi đạo Phật có giúp được gì chẳng? Tôi cũng giới thiệu anh đến Hoà thượng Quảng Khâm. Thang tới xin gặp Hoà thượng và thỉnh ý: "Con có quá nhiều khó khăn và lo lắng, làm sao giải quyết nổi?" - Hoà thượng nói: "Anh có thể ra nước ngoài làm việc kiếm tiền, cuộc sống sẽ được ổn định".

Sau đó hai người hẹn nhau cùng đến nhà tôi. Lý phát biểu trước rằng ông ta quyết định đi ra nước ngoài nhưng Hoà thượng bảo "đi không được". Thang thì nói: "Tôi chẳng có ý định ra nước ngoài mà Hoà thượng lại bảo "có thể đi được". Cả hai người đều cho rằng lời Hoà thượng rất khó làm cho người ta tin. Tôi nói: "Hoà thượng có thần thông, biết trước việc tương lai của người khác". Rồi tôi đề nghị Thang thử tìm cơ hội ra nước ngoài xem sao; còn lý thì hãy đợi xem kết quả ông chủ nhiệm Khoa đến Đài Loan như thế nào.

Chưa đầy một tháng, khi ông Lý gặp chủ nhiệm Khoa người Mỹ, ông này cho biết là phải trở về Hạ - Uy-Di bàn với Hiệu trưởng xong mới gửi thư mời; từ đó Lý không được tin tức gì nữa. Còn anh Thang thì trở về trường, đọc trong báo Nông nghiệp CANADA bỗng gặp mục quảng cáo tuyển người có kỹ năng nông nghiệp. Thang liền gửi đơn xin ứng tuyển. Quả nhiên được Nông trường Vancouver gửi thư mời và vé máy bay đến Đài Loan cho anh ta và cả gia đình cùng sang CANADA nhận việc. Từ ấy cuộc sống của gia đình Thang hoàn toàn thay đổi, khá hẳn lên.

4. Sáu đề cương lớn cho người tu hành

Trên đây chỉ là thông linh biết trước tương lai người khác của Hoà thượng, còn nhiều kỳ tích nữa, tôi không thể kể hết.

Về sự tu hành của Hoà thượng, tôi dựa vào phương pháp quan sát và quy nạp có thể nêu giản lược 6 đề cương như sau:

1. Tâm tưởng niệm đức Phật A-Di-Đà.
2. Nói ra lời gì đều phải có ích cho người.
3. Cử chỉ và hành động luôn ở trong định và tuệ.
4. Trì giới nghiêm cần vượt xa người thường.
5. Xem danh lợi là rỗng không.
6. Độ hết thầy sinh linh giải thoát.

Từ các sự thật nói trên, có thể chứng minh:

Hoà thượng Quảng Khâm là vị Bồ-Tát tái sinh theo thế nguyên!

Tôi nhận được điện thoại của bạn Huệ Cự từ Đài Bắc gọi đến nói:

"Bồ Tát Quảng Khâm báo cho biết, vào ngày mùng 8 tháng 2 năm nay Ngài sẽ đoạn tận nhân duyên, thoát ly thế gian này. Nhân vì đại chúng tha thiết thỉnh cầu Ngài lưu lại, Ngài từ bi hứa sẽ chậm lại 5 ngày. Chiều ngày 13 tháng 2, quả nhiên trong Đại Hùng Bảo Điện chùa Diệu Thông, giữa âm thanh tiếng niệm Phật của đại chúng bao quanh, Ngài an toạ siêu hoá, vào năm Ngài 95 tuổi thọ.

Đại chúng nghị bàn dự định đến ngày mùng 6 tháng 3 làm lễ Trà-tỳ".

Nghe tin ấy, tôi không cầm được nước mắt thương tiếc, và đau xót cho bao chúng sinh phước bạc đã mất đi một đấng Tôn Sư!

Đúng vào dịp này, ngày 23 tháng 2 chùa Pháp Ấn bên Mỹ khánh thành, đồng thời có tổ chức ngày niệm Phật. Ngài trụ trì - Pháp sư Ấn Hải - chỉ định tôi làm chủ xướng. Nhân dịp này, tôi báo cáo sơ lược với mọi người về tin buồn và nguyện cầu Bồ Tát Quảng Khâm tạm về cõi Tịnh Độ bên cạnh đức Phật A-Di-Đà sau đó trở lại thế gian ô trược để hoá độ chúng sanh cùng về Lạc Quốc, đồng thành Phật đạo.

Đôi thoại giữa ngài Quảng Khâm và Pháp sư Tuyên Hoá

Giang Khải Siêu

Người viết dựa theo bản ghi chép cuộc đối thoại giữa Hoà thượng Quảng Khâm và Đại pháp sư Tuyên Hoá ngày 14 tháng Giêng năm Giáp Dần 1974.

(Lão Hoà thượng là Ngài Quảng Khâm, Đại pháp sư là Ngài Tuyên Hoá)

Lão Hoà thượng hỏi:

- Ngồi thiền có ý vị gì?

Đại pháp sư đáp:

- Vô ý vị.

- Vô ý vị, có phải như một khối đá không?

- Có ý vị cũng là khối đá, "ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Vì vậy mà vô ý vị, không có trí cũng không có đức.

Chẳng tiếc gì thân thể.

- Vì không có nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả, phàm cái gì có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng tức thấy Như Lai; cho nên [nói] ta thấy Như Lai [mà] Như Lai không có nơi đến, cũng không có nơi đi, vì vậy ta chẳng đi đâu cả.

- Ấy là lời Bồ-Tát nói, nhưng chúng ta còn có nhục thể.
- Không chấp trước tức là Bồ-Tát.
- Chấp trước mới là Bồ-Tát.
- Tất cả đều là huyễn hoá, làm mà không làm.
- Nhưng người nói là ai?
- Người người nói là ai?
- Người nói là người nói, người ăn là người ăn.
- Ăn chẳng no, lòng chẳng chịu.
- Ăn chẳng no, vì không ăn; đã ăn nhất định phải ăn no!
- Người tham là người nào?
- Người tham là người tham, người tham cũng là Phật.
- Người nói có lý!
- Nếu nói vô lý, tôi ở Mỹ người Mỹ hẳn không phục và theo lời.

(Đối thoại đến đây, Pháp sư Độ Luân nói với các đệ tử quốc tịch Mỹ của Ngài).

Đại Pháp sư bảo các đệ tử: "Các Thầy có vấn đề gì, có thể thỉnh giáo Lão Hoà thượng". - Các vị đệ tử cúi đầu đáp:

- Chúng con chưa nghĩ ra vấn đề gì để thỉnh giáo Hoà thượng.

Lão Hoà thượng nói với họ:

- Các vị khỏi cần hỏi, chỉ nhìn bằng mắt cũng biết.

Đại pháp sư nói: "Không nhìn cũng có thể biết. Tôi khi còn ở Mỹ chưa đến đây cũng đã biết Hoà thượng là bậc tu hành".

- Đâu phải! Đâu phải! Tôi vẫn thường cảm thấy cái thân giả tạm này không được tự tại.
- Tự tại hay không tự tại, chẳng quan tâm đến nó làm gì.
- Không quan tâm đến nó cũng thấy khổ sở.
- "ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm!" Ngài nên chiếu cố thân thể.
- Muốn chiếu cố cũng không chiếu cố được.
- Không chiếu cố cũng được chiếu cố.
- Không có chỗ trụ!
- Chiếu cố cũng là "không có chỗ trụ".

Nam mô A-Di-Đà Phật

Bái kiến và Phỏng vấn Hoà Thượng Quảng Khâm Chương Khắc Phạm

"Hải Triều Âm", số ra ngày 01-7-1975

Lên núi bái kiến Cao Tăng nơi động thiên.

Có một lần tôi được yết kiến vị Cao Tăng vốn được mọi người sùng bái, vị ấy là Hoà thượng Quảng Khâm ở chùa Thừa Thiên, trên núi Thanh Nguyên thuộc làng Thổ Thành, Đài Bắc.

Vị tăng cao niên ấy nay đã 84 tuổi, chuyên tu thiền định, không ăn thức ăn nấu chín, chỉ ăn trái cây nên có mỹ hiệu là "Quả Tử Hoà Thượng". Hiện nay thỉnh thoảng người cũng dùng vài hộp cháo loãng, là vì cần tiếp dẫn

nhiều khách hành hương, khách du lịch, khách phương tây, và cả những vị khách lòng đầy hoài nghi rắp tâm vấn nạn, người đều tuý duyên khai thị cho họ.

Tinh thần của người rất vững vàng, hai mắt trong sáng, thánh giác tinh tế, bước đi an toàn, phong thái sinh động, so với những lần tôi gặp người trước đây vẫn tốt, không gì thay đổi. Người nói đã ba năm không xuống núi, và cũng không định thuyết pháp.

Người tĩnh tọa trong động Địa Tạng không cần ai biết đến, vậy mà danh tiếng của người lan truyền đến Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Châu Âu. Đồng thời cũng lan truyền trong trí thức trẻ Trung Hoa. Người từng nói với mọi người rằng "Phật pháp chẳng hề suy vi, chỉ có tâm con người đang suy vi".

Một vị cao tăng xưa nay không bàn chuyện thế tục, chỉ nói việc tu hành, mà lần này - thật là ngoài sức tưởng tượng - tiếp chúng tôi với vẻ mặt vui tươi, thân mật, và còn phá lệ nói về việc tu hành của mình, làm cho chúng tôi rất xúc động vì được ưu ái, rồi bỗng nhiên tự hỏi:

Đây chẳng là hình ảnh của cả một đời tu hành của người? Quả vậy, đúng với châm ngôn người thường tự cho mình là kẻ bình phàm.

Hoa rừng hàm tiếu, chim hót chào mừng

Sáng ngày mùng chín tháng 3, bầu trời xám nhạt, tuy chẳng mưa mà không quang đãng. Một ngày chủ nhật đang âm ập bỗng nhiên trở lạnh. Định bụng ở nhà pha trà xuống, xem kinh; vụt nhớ ra chiều hôm qua có hẹn với cư sĩ Đinh Triệu Cường dạy ở trường Đại Học Quân Sự, cùng đến chùa Thừa Thiên đánh lễ Hoà thượng Quảng Khâm. Tôi vội dùng điếm tâm rồi đi ra bến xe, đến trạm tây đại lộ thấy một làn sóng người chen chúc. Tư thế chuẩn bị khác nhau: leo núi, ra ngoại ô, đến vườn hoa, đi câu cá... người đông đến nỗi chen chân không lọt. Nhưng rất dễ nhận ra Triệu Cường giữa biển người, anh mặc com-lê nghiêm chỉnh như sắp đi dự tiệc. Lý do đây là lần đầu tiên anh lên bái kiến Hoà thượng, anh rất mực tỏ lòng thành kính, chẳng những tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới mà còn khước từ ăn điếm tâm hay ăn vặt, khiến tôi cảm thấy hổ thẹn không được như anh. Lên xe buýt yên chỗ rồi, thật duyên may, thời tiết trở lại âm ập, mặt trời tươi cười xuất hiện khỏi những tầng mây u ám.

Xe đến Thổ Thành chúng tôi đi bộ lên núi, đường lên núi rất u tịch, chim hót chào người, hoa toả hương thơm, cây lá xanh tươi... làm cho tan biến bao tư duy trần tục. Đến một nhà nghỉ mát lưng chừng núi, rồi cứ cách vài chục mét bên đường lại có một bia đá do tín chúng đóng góp xây dựng, trên bia khắc danh hiệu chư Phật và Bồ Tát. Thiện nam tín nữ mặt hướng lên núi, nối tiếp nhau tạo thành dòng người, ai nấy lặng thình một lòng thành kính, từ từ tiến lên phía trước, làm tôi nhớ lại cảnh ba mươi năm về trước đi chiêm bái cổ sát, cũng hao hao giống như hôm nay. Chỉ khác là núi này khai phá chưa lâu nên thiếu những cổ tùng đại thọ, thiếu tiếng thông vi vu trong gió để cho kẻ hành hương thưởng thức!

Bước vào chùa, nhìn thấy trăm hoa tươi thắm, cây cỏ xanh biếc; quả là nơi an trụ của một bậc cao tăng cảnh quang có khác! Trước tiên chúng tôi vào lễ Phật trong Đại Hùng Bảo Điện, rồi sang điện Địa Tạng. Hoà thượng đang ngồi trước cửa, từ xa đã vẫy gọi chúng tôi, hiền từ thân thiết như tiếp đón những đứa con viễn du nay đã trở về, niềm vui bột phát từ nhiên từ đáy lòng của người cha; thật là điều mà từ trước tới giờ chưa từng chứng kiến.

Noi gương Cổ Phật, khắc dạ ghi tâm

Người dẫn chúng tôi đến bộ trường kỷ sofa bên trái chánh điện mời ngồi, vui vẻ giảng giải cho chúng tôi nghe trong suốt một giờ; kể đầy đủ từ việc gần đây ở trên núi đến cách hoằng hoá lợi sanh.

Người nói: "Mấy năm gần đây có nhiều học giả hoặc tu sĩ Hàn Quốc, Mỹ Quốc, Âu Châu lên núi tham vấn Phật pháp. Họ vừa có lòng thành lại vừa mang bụng nghi hoặc, sau khi nghe qua những lời giải thích giản dị ai cũng hoan hỉ, vui vẻ thanh thản ra về. Cũng có lớp người trẻ trong nước như sinh viên học sinh, hay thầy giáo... rất ngưỡng mộ Phật pháp và có những hiểu biết sâu sắc, họ cũng đều hoan hỷ; đó là điều đáng an ủi và phấn khởi. Bất luận bằng lời nói hay bằng trước tác, trực tiếp hay gián tiếp tuyên dương Phật pháp, những con người ấy đều tạo được ảnh hưởng tốt đối với xã hội".

Nói về đời sống trong các chùa, Người xúc động đổi giọng khi đề cập đến tăng đoàn hiện nay:

"Hoàn cảnh xã hội hiện nay thay đổi, hoàn cảnh tăng đoàn cũng thay đổi theo. Nếp sinh hoạt của chúng tôi trong chốn tông lâm trước kia và cách sinh hoạt của người xuất gia hiện nay khác nhau. Người xuất gia trước kia phần nhiều rất coi trọng Phật pháp, ngày ngày tu tập giữ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Còn ngày nay nhiều người do hoàn cảnh bắt buộc nên mới xuất gia, cho nên cũng không ít người vì lợi ích cá nhân mà bon chen chạy vạy. Số người chân chính, tận tâm hoằng dương Phật pháp ít đi". - Tiếp đó Người cho biết lý do:

"Phật pháp là pháp xuất thế gian, khác hẳn với pháp thế gian. Gương sáng trang nghiêm của chư Phật ngày xưa vẫn còn ghi trong sử sách, chúng ta không được quên đi. Điều rất đáng tiếc là người xuất gia hiện nay vô tình đem chính trị vào trong cửa Phật; lấy việc tham quan du lịch, buôn bán ảnh tượng mà cho là hoằng dương Chánh Pháp. Những việc làm như vậy có khác gì hoạt động của xã hội công thương nghiệp? Xét theo giới luật mà nói, đó là điều phạm giới là hành vi "không đúng theo Pháp".

Giới luật chủ yếu là tự mình giữ giới

Rồi Hoà thượng đem thanh quy trong nhà Phật ra để minh chứng, làm rõ thêm luận điểm của mình. Người nói: "Theo quy luật tông lâm, không luận người tu Thiên, tu Tịnh hay tu Thiên thai, Duy thức đều phải chân chính tu hành. Hiện nay, người ta phần nhiều do vì cuộc sống xô bồ nên việc tu hành chỉ là chạy theo hoàn cảnh. Chẳng lẽ biết tụng kinh, khoác được áo cà-sa là trở thành tăng bảo hay sao? Cũng có người viết được sách báo đầy, nhưng chưa thể gọi là Phật pháp được. Nói ra thật buồn lòng!".

Người ngậm ngùi: "Nhà chùa trước kia lấy việc cứu tế tai ương, đói kém, bố thí cho kẻ bần cùng để kết duyên với xã hội, ngõ hầu tiêu trừ khổ nạn. Còn ngày nay, việc làm của các đạo tràng Đài Loan thật tương phản; ai nấy thi đua làm cơm chay sao cho thật ngon nhằm thu hút người giàu tiền của và có địa vị trong xã hội. Ngày ngày quanh quẩn trong chốn tiền tài, danh lợi thì càng xa rời Phật pháp!

Nói về mối quan hệ giữa tăng đoàn và cư sĩ, Hoà thượng khiêm tốn cho rằng tăng đoàn cống hiến quá ít, không tạo được tác dụng lãnh đạo.

Người nêu ra hai trường hợp làm thí dụ:

Thứ nhất, các giảng sư không nói rõ một cách thiết thực cho cư sĩ biết sự khác nhau giữa Phật, Bồ- Tát của Phật giáo và Thần linh của Đạo giáo. Cho đến nay bất kể thành thị hay thôn quê, còn nhiều nơi người ta thờ Thổ địa, Thành hoàng, Văn Xương để quân, Quan Công, Mã Tổ, Triệu Công Minh, Lữ Thuần Dương... chung với Phật và Bồ-Tát trong cùng đền miếu! Lẽ ra không nên như vậy.

Kế đến, nói về giới luật thì người xuất gia phần nhiều chưa nghiên cứu sâu. Người bảo:

"Giới luật chủ yếu là tự mình giữ giới, không thể đem ra dạy bảo người khác phải làm theo, còn chính bản thân mình lại chẳng thực hành".

Phật pháp không suy vi, hưng suy là do lòng người

Nói đến đây, Hoà thượng trình trọng trả lời vấn đề mà nhiều người trong cũng như ngoài nước đang quan tâm, Người nói:

"Phật pháp không bao giờ suy vi, lòng người mới thật đang suy vi!".

Rồi Người giảng rõ:

"Vì lòng người suy đồi nên nếp sống xã hội hỗn loạn, chuẩn mực đạo đức xuống cấp, do đó Phật pháp không hưng thịnh. Không có pháp thế gian thì không có Phật pháp, muốn Phật pháp được hưng thịnh thì con người phải biết tu tâm".

Và Người trang trọng nhắc lại ba câu quen thuộc mà ai cũng đều biết:

"Nhân thân nan đắc! Phật pháp nan văn! Trung Quốc nan sinh!".

[Thân người khó được có! Phật pháp khó được nghe! Khó sinh vào Trung Quốc!] Nhưng ba câu ấy từ miệng Người nói ra như có sức mạnh ngàn cân, làm cho tai chúng tôi như bị chấn động. Kế đó Người dùng những thí dụ đơn giản để minh họa cho ba câu nói trên:

"Những người đi học hiện nay rất thích đi du học nước ngoài, đặc biệt là muốn đến nước Mỹ và châu Âu. Các nước phương tây không coi trọng luân lý đạo đức, chỉ quan tâm đến khoa học kỹ thuật. Dù cho họ có học giỏi khoa học kỹ thuật rồi, cũng chỉ là cái vỏ bề ngoài; không học đạo lý làm người thì giả sử ai ai cũng đem bằng cấp tiến sỹ trở về nước thì - nghiêm túc mà nói - đối với quốc gia, xã hội cũng chẳng có lợi ích gì đáng kể".

Sống trong mộng huyễn Lục đạo, không thoát khỏi cõi Ta-bà

Hoà thượng còn nêu ra những tai hoạ, hỗn loạn trên thế giới và quy trách nhiệm cho sự vô tri của người phương tây:

"Họ dùng văn minh vật chất tô điểm cho thế giới vật chất hào nhoáng. Chỉ vì không hiểu lễ trọng nghĩa nên làm cho thế giới phát sinh động loạn, dẫn đến tai ương. Người phương tây không để gì hiểu được nghĩa lý của câu "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". Thân thể chúng ta bị huỷ hoại nhưng Phật tánh thì không bao giờ bị hoại. Chúng sanh tuy có Phật tánh, nhưng ngày ngày sống trong mộng, ngay cả ba bữa ăn cũng ở trong mộng. Sống trong mộng huyền sáu nẻo luân hồi, không thoát khỏi cảnh Ta-bà; muốn thoát khỏi cảnh giới Ta-bà phải có duyên được nghe Phật pháp, và y theo Phật pháp mà thực hành".

"Xã hội chẳng hề tổ chức dựa theo Phật pháp nhưng thế giới Ta-bà hướng về Phật pháp. Do vậy, người xuất gia hiến thân cho Phật pháp không thể để bị xã hội làm ô nhiễm mà phải lấy hạnh nguyện của mình làm cho xã hội được trong sạch. Người xuất gia vì từ bỏ danh lợi mới xuất gia, hiện nay trong họ lại có kẻ vì danh lợi mà đấu tranh nhau ngấm ngầm hay công khai. Quả là làm mất đi bốn phận của người xuất gia! Không từ cái khổ mà nhập đạo, không nhẫn nhục tinh tấn, lại cùng với người thế tục "đồng hội đồng thuyền", thử hỏi như vậy làm sao mà thành được bậc thầy của người và trời?".

Do khổ mà nhập đạo và gắn liền với hạnh nguyện

Nói xong những lời tâm sự đầy cảm thán, Người chuyển sang nói về đức hạnh tu trì của chư Phật và Bồ Tát trong quá khứ.

"Chư Phật và Bồ - Tát thời quá khứ đều tu khổ hạnh, có vị tu trong vài đời, có vị tu trong nhiều kiếp, sống đạm bạc, không vọng động tác vi cho nên mới giác ngộ, dứt sanh tử. Người đời nay phần nhiều không muốn cực khổ, không tin rằng Phật, Bồ-Tát vì Chánh pháp mà xả bỏ thân mạng, do đó rất khó đi vào con đường Đạo. Chư Phật và Bồ-Tát thời quá khứ mỗi vị đều có nguyện lực riêng, như đức Phật A-Di-Đà có 48 lời nguyện, đức Phật Dược Sư có 12 lời nguyện. Người tu hành phải noi gương chư Phật và Bồ-Tát, mỗi người ít nhất phải phát một lời nguyện, mãi mãi hành trì cho đến khi thành Phật mới thôi. ấy là lời nguyện hồng pháp độ sanh, hoàn thành Phật đạo, chứ không phải nguyện làm chùa lớn ở cho thoải mái, - nếu mà phát nguyện kiểu như vậy thì thật đáng thương xót!".

"Hiện nay, quả thực có hạng người xuất gia kiểu đó, họ chỉ toan tính xây chùa cho thật lớn, có tín đồ thật đông, và thích chứng tỏ khả năng trước mọi người; họ không cho tín chúng của mình đến lễ Phật chùa khác mà chỉ tin Phật "bồn chùa", chỉ muốn tín đồ tin theo mình không cho tin vào tu sỹ ở chùa khác. Hạng người tự cao ngã mạn như thế chỉ còn biết quay cuồng trong vòng danh lợi, chẳng khác gì người tại gia, ngày ngày sống trong khổ não".

Tín chúng và du khách lên núi càng lúc càng đông. Có người vào nghi trong điện, có người đứng ở bên ngoài. Hoà thượng nhìn ánh mắt thiết tha của họ, biết rằng họ còn có nhiều vấn đề mong được thỉnh ý, Người bèn kết luận một cách quyết định". Phật pháp không suy vi mà lòng người suy vi". Rồi với tinh thần khích lệ và hứa hẹn, Hoà thượng nói với mọi người: "Mấy năm gần đây, cư sĩ tại gia về phương diện hộ pháp đã có nhiều cố gắng tích cực, nhưng cần phải tinh tấn, không nên tự mãn, phải luôn thành tâm học Phật; bất luận người tại gia hay xuất gia đều có thể thành Phật".

Thiền môn tu hành không ở lời nói

Ngôn từ của Hoà thượng Quảng Khâm như dòng sông cuộn chảy, khi Người đang nói không ai có thể xen lời, chỉ có sự phiên dịch là không ngừng chuyển dịch lời Người. Thật là điều gây sự ngạc nhiên.

Trước kia tôi vẫn thường nghe Người thuyết giảng, hơn phân nửa nội dung phải nhờ người dịch mới hiểu, nhưng lần này bỗng nhiên tai tôi như linh thánh, gần như hiểu được đến bảy phần mười.

Mỗi lời Người nói ra như phát xuất từ tâm can, nêu đúng tề đoan xã hội hiện nay, khiến cho người nghe cảm kích vô cùng. Nhưng khi Người đề cập đến phương pháp tu trì của tông phái thì đây chính là điều mà giới học Phật trẻ tuổi rất muốn biết. Cho nên tôi cung kính thành khẩn hỏi Người về pháp tu thiền hiện nay và "thiền tinh song tu" có phải là phương pháp tốt nhất?

Người đáp: "Thiền không liên quan với hình tướng, không liên quan với "thoại đầu", không bằng lời nói, không dùng thần thông, chỉ cần nhập định, định được là thiền. Gần trăm năm nay, người học thiền đa số lấy niệm Phật làm căn bản, đó cũng là một đường hướng, nhưng đâu phải chỉ có con đường ấy mà thôi; do vậy tôi không khuyên ai ai cũng phải theo con đường ấy".

Người nói xong, chúng tôi lễ tạ lui ra, đến trai đường dùng cơm trưa.

Tôi cùng anh Đình rẽ sang động Nhật Nguyệt ở núi sau, đây là nơi ở của Hoà thượng năm xưa. Hiện giờ sư Truyền Lương ở đó, sư là người tu hành bình dị và thiết thực, khiêm cung hoà ái tiếp dẫn tín chúng, thật là một long tượng hiếm có... Trên đường về, hồi tưởng lại bữa cơm chay thanh đạm trong chùa, phong cách hiền hoà của đại chúng, dung mạo từ bi của vị cao tăng, phong cảnh yên bình u tịch của núi rừng... Ai bảo trên đất nước chúng tôi không có "thiền"?!

“PHÁP SƯ TRÁI CÂY” KHÔNG NƠI NÀO KHÔNG TỰ TẠI Văn Lâm

Một giờ chiều, ngày mùng 9 tháng 4, một đoàn người khởi hành từ Đài Bắc, đi khoảng một tiếng đồng hồ xe đến làng Thổ Thành. Đến đoạn đường dốc núi quanh co, xe lên muốn không nổi, hành khách định xuống đi bộ. Qua một eo dốc, bỗng xa xa thấy thấp thoáng bóng chùa Thừa Thiên, mọi người chỉ chỉ trỏ trỏ cho nhau, bàn tán về chuyến đi lịch sử của mình. Đến trước chùa chỉ thấy một vùng đất màu vàng mới khai phá. Số là chùa Thừa Thiên đang trùng tu, bên cạnh tạm thời dựng một cái nhà tôn để thờ Phật, có bố trí hai ghế dài, vài chiếc ghế dựa bằng mây, đơn giản mà trang nhã.

Bên trong, một vị hòa thượng già, thần thái điềm đạm đang ngồi trên chiếc ghế mây, hai bàn tay nắm vào nhau; thấy chúng tôi đến Hòa thượng mỉm cười gật đầu, làm cho chúng tôi cảm thấy thân mật. Đây chính là Hòa thượng Quảng Khâm, người mà thường được gọi là “Sư trái cây”.

Chúng tôi lễ Phật xong, Ngài mời tất cả ngồi xuống, giáo sư Lam mở lời trước: “Chúng con là sinh viên trong Ban nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc PHẬT QUANG SON, hôm nay xin đến thăm Hòa thượng đồng thời kính xin Hòa thượng chỉ dạy cho”.

Người nói: “Theo tôi, người mới xuất gia cần phải trải qua một giai đoạn khổ hạnh, tức là phải kham khổ trong cái ăn cái mặc; cần cù làm việc, dù bất cứ công việc gì: kiếm củi, gánh nước, trồng rau, nấu cơm vv... đều không nề hà, càng lao động cực khổ trí tuệ càng mau phát. Người mới vào chùa phải làm sao cho tâm an trụ. Biện pháp tốt nhất là chí tâm niệm Phật A-Di-Đà.

Hòa thượng chỉ các đệ tử của Người, nói: “Hàng ngày tôi cũng chỉ dạy họ niệm Nam – mô A-Di-Đà Phật”.

Pháp sư A Nghiêm hỏi: “Thưa Ngài, làm việc gì thì mới gọi là tu khổ hạnh?” – Hòa thượng đáp:

“Không so đo tính toán bất cứ việc gì; trong sinh hoạt hàng ngày không khởi tâm phân biệt, như vậy là tu khổ hạnh”.

Mọi người cảm thấy câu trả lời của Hòa thượng rất đặc biệt.

Tiếp đến, Sư Huệ Căn hỏi: “Xin được hỏi Pháp sư, Ngài có ý kiến gì đối với vấn đề nghiên cứu giáo lý?”.

- Không có ý kiến gì cả, đó là điều rất tự nhiên; các vị lấy việc nghiên cứu giáo lý để hoằng pháp, còn tôi thì lấy việc tu trì để hoằng pháp, - như nhau”

Sư Tùng Trí hỏi:

- Thưa Ngài, khi xưa Ngài tu hành đóng cửa “nhập thất” gặp lúc trắc trở Ngài đối phó như thế nào?

- Phải vững tin, phải có chỗ tựa trong bản tâm sâu kín của mình.

- Khi “nhập thất” có cần phải ngày càng ăn ít đi hay không?

- Không phải vậy, phải thuận theo tự nhiên, phải sống bình thường, không có gì ngăn ngại, phải có ngã mới là “nhập thất”; nếu như có “ta”, “ăn nhiều ít”, ấy không phải tu mà là chấp trước.

- Khi con “nhập thất” có lúc không muốn ăn, cho nên không ăn.

- Có ý không ăn thì hỏa khí bốc lên, không thể tu hành được; ý nghĩ “không muốn ăn” khởi lên ấy là chấp trước, “không muốn ăn” là có cái “ta không muốn ăn”.

- Có lúc không ăn cảm thấy dễ chịu thì sao?

- Chỉ dễ chịu vài ngày thôi, hiện tượng đó tạm thời, bởi vì chúng ta chưa đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, một niệm không khởi, cho nên có ý chấp không ăn thì thân thể sẽ suy yếu dần.

Hỏi đáp một hồi, mọi người nhớ lại những lời thuyết giảng vừa rồi.

Bồ Sa Huệ Trí hỏi tiếp: “Nghe nói Hòa thượng chỉ ăn trái cây sống qua ngày...” – câu hỏi chưa dứt Hòa thượng đã trả lời:

- Bây giờ tôi không ăn trái cây như vậy nữa. Năm 1947 (lúc đó Người 57 tuổi) tôi từ Đại Lục đến Đài Loan, tu hành ở trong núi, suốt thời gian từ 55 đến 84 tuổi ăn toàn trái cây, còn bây giờ tùy duyên, tôi ăn chay bình thường.

- Thưa Ngài, vì sao Ngài lại có ý nghĩ ăn trái cây?

- Vì trên núi không có gì để ăn, dĩ nhiên là phải ăn trái cây thôi.

- Nghe nói thế ai nấy đều cười. Câu trả lời hoàn toàn ngoài sự ước đoán của mọi người. Hòa thượng nói tiếp:

- “Tôi đâu phải cố ý chỉ ăn trái cây, có lúc không có trái cây thì uống nước cũng qua được một ngày”.

- Sư Tùng Trí hỏi: “Nghe nói Hòa thượng lúc đầu lên núi bị lạc đường, tìm không có gì để ăn nên mới ăn trái cây?”

- Đúng vậy, trên núi không có gì để ăn, không có “thiên- nhân” cúng dường, chỉ còn cách tìm trái rừng ăn đỡ đói.

Sư Huệ Tịnh hỏi: “Ăn trái cây như vậy cơ thể chịu nổi không?”

- Chịu không nổi cũng phải chịu, có trái cây ăn là tốt lắm rồi, sao lại còn nghĩ đến “chịu nổi hay không nổi?”.

- Chịu không nổi cũng phải chịu, có trái cây ăn là tốt lắm rồi, sao lại còn nghĩ đến “chịu nổi hay không nổi?”

Câu trả lời làm cho mọi người cười vang lên nữa.

Giáo sư Lam hỏi: “Hàng ngày Hòa thượng vẫn ngồi thiền?”

- Tôi tùy phương tiện, hiện nay việc gì cũng có: ăn, ngủ, - ngủ rồi đến ghé mây ngồi. Muốn ngủ thì ngủ, muốn ăn thì ăn, không lúc nào mà chẳng tự tại!

Hòa thượng làm cho mọi người cảm thấy thú vị và thân mật hơn.

Sư Huệ Tung: “Thưa Ngài, hành thiền nên bắt đầu từ đâu?”

- Bắt đầu tập từ quán tự tại. – Lại một câu trả lời đặc biệt.

- Có phải Ngài tu theo Thiên tông?

- Không, tôi thiên về Tịnh độ, niệm Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Sư Huệ Minh: “Thưa Hòa thượng, niệm Phật có bí quyết gì?”

- Không có bí quyết gì cả, chỉ quán tâm của mình. Có người không biết niệm Phật, chỉ mong được sống lâu; nhưng mong sống lâu để làm gì? Chỉ kéo dài thêm thời gian tạo nghiệp. Người biết niệm Phật thì tâm với Phật là một, thêm một năm thọ mạng tức là thêm một năm “Vô Lượng Thọ Phật”.

Sư Huệ Căn: “Trong thời buổi hiện nay, hoàng dương Phật pháp nên theo phương cách nào thì tương đối tốt?”

- Sao? Như tôi vừa mới trình bày, các vị lấy học thức để hoàng pháp còn tôi thì lấy niệm Phật để hoàng pháp, cái nào cũng cần.

Sư Tùng Trí hỏi sang chuyện khác: “Thưa Hòa thượng, nghe nói nơi này sắp xây lại Đại Điện?”

- Tín đồ Phật tử phát tâm muốn xây lại thì cứ để cho họ làm tôi không bận tâm, không vui mừng, cũng không khó chịu.

Bầu không khí yên lặng trong giây lát.

Lại có người hỏi: “Xin thưa, khi mới ngồi thiền vọng niệm rất nhiều, làm cách nào để đối trị?”

- Vọng niệm nhiều là nghiệp chướng nhiều, để trừ vọng niệm thì niệm Phật là tương đối dễ; ngoài ra, chuyện thế gian phải giảm bớt đi, - đó là điều trọng yếu.

Giáo sư Lam hỏi: “Có người tin theo ngoại đạo nhưng bản chất của họ rất tốt, vậy về sau họ sẽ sanh vào cõi nào?”.

- Đó là do tâm phân biệt của các anh; theo tôi, mọi người đều như nhau, mỗi tôn giáo đều có chỗ tốt của họ nên đối với xã hội đều có mức độ lợi ích nhất định. Đây không phải là vấn đề anh tốt hay tôi tốt mà là vấn đề tầng lớp căn cơ.

Tiếp đó Hòa thượng hỏi lại chúng tôi:

“Độ chúng sanh, độ bằng cách nào?”

Câu hỏi bất ngờ, mọi người không biết phải trả lời như thế nào.

Hòa thượng tự giải đáp:

“Độ chúng sanh” thật ra không phải là chuyện dễ, chúng ta phải phát xuất từ lòng từ bi thì chúng sinh mới nghe theo, họ mới chịu để cho chúng ta độ; nếu họ mà không tin theo thì không có cách gì để độ họ được. Cho nên điều thiết yếu là phải thuận theo cái tự nhiên, làm sao mà mỗi khi gặp chúng ta họ cảm thấy vui mừng. Độ chúng sinh cần phải tùy duyên hóa độ, phải có lòng từ và thuận theo tự nhiên.

Do vậy mà chữ “duyên” ở đây rất là quan trọng.

Sư Huệ Trí lại hỏi: “Thưa Hòa thượng, đối với vấn đề thoát vòng sanh tử, Ngài thấy thế nào?”

- Thoát vòng sanh tử? A! Đâu phải là chuyện dễ bàn! Tuy nhiên, muốn thoát sanh tử cũng có biện pháp tương đối giản dị, đó là niệm Phật, nhưng rơi vào trạng thái ngủ gật (hôn trầm).

Một người hỏi: “Nếu lúc niệm Phật mà buồn ngủ thì phải làm sao?”

- Buồn ngủ thì cứ ngủ.

Cô sinh viên Thái Nguyệt Tú hỏi: “Có người niệm Phật cầu thoát khỏi sanh tử, nhưng lại có Bồ Tát vì bổn nguyện mà trở lại độ sanh, hai trường hợp này có gì khác nhau?”.

- Theo ý tôi, nguyện lực của mỗi bên có khác. Xin hỏi, các vị đi học nguyện vọng có giống nhau không? – Ngài trả lời vấn đề thật là khéo.

Giáo sư Lam: “Tu hành đạt đến trình độ nhất định nào đó rồi, đối với vấn đề vãng sanh Tây phương có thể tự mình biết được không?”

- Chỉ đến khi lâm chung mới biết được. Ai ai cũng có thể thành Phật, chỉ vì nghiệp cảm khác nhau nên trước – sau không giống nhau. Thân người khó có được, vì thế phải nỗ lực tu hành. Địa ngục, súc sanh đều do mình tạo ra; thành Phật làm Tổ cũng tự mình mà được. Muốn thành Phật phải trải qua kiếp người, phải nắm lấy cơ hội mà tu hành.

Sư Y Quảng:

“Niệm danh hiệu Phật phải chăng cũng là “chấp?”

- Niệm danh hiệu Phật không phải là “chấp”, vì có chú ý niệm danh hiệu Phật mới được chánh niệm. Nếu như niệm mà tán tâm hoặc tâm nghĩ đến danh lợi, thì đó mới gọi là “chấp”.

- Nhất mực phải niệm Phật, nhất mực phải niệm, - như vậy có phải là “chấp” không?

- Đó không phải là chấp mà là tinh tấn.

Sư Huệ Minh: “Có người nói niệm Phật bị ma phá, vì sao vậy?”

- Ấy là do tâm tưởng nên mới sinh ma phá, không chú tâm thì mới thấy ma...

- Pháp sư Thường Ân:

- Khi niệm Phật nếu như tâm bị tán loạn thì phải làm cách nào?

- Chỉ có một cách duy nhất là tiếp tục niệm, tập trung hết tinh thần vào sáu chữ “Nam-mô A-Di-Đà Phật” sẽ đối trị được.

Giáo sư Lam hỏi: “Ngài nghĩ thế nào về câu “Đời nghiệp vãng sanh” (mang nghiệp [vẫn] vãng sanh)?”.

“Đời nghiệp bất năng vãng sanh” (mang nghiệp không thể vãng sanh). Câu “Đời nghiệp vãng sanh” trong kinh điển không hàm ý nghĩa như người ta thường tưởng. Tuy ta có tâm nguyện vãng sanh về Thế giới Cực lạc, nhưng khi lâm chung nếu nghiệp lực lớn hơn niệm lực thì không thể vãng sanh, nếu nhờ nguyện lực mà ta được trở lại làm người, lại tiếp tục niệm Phật, chuyển kiếp như vậy nhiều lần, niệm cho đến khi nào niệm lực lớn hơn nghiệp lực thì sẽ được vãng sanh”.

Pháp sư Y Hằng hỏi: “Khi chuyển kiếp mà sanh vào gia đình Cơ Đốc giáo, không còn niệm Phật nữa thì sao?”

- Không phải vậy, đến thời kỳ nhất định, nguyện lực của người ấy sẽ thúc đẩy họ niệm Phật, có chủng tử của nguyện lực ắt sẽ khiến họ niệm Phật.

Cô Thái Nguyệt Tú hỏi: “Có người tu hành rất tinh tấn nhưng lại chết vì trọng bệnh hoặc do tai biến, đối với vấn đề ấy Ngài thấy thế nào? Phải chăng vì định nghiệp khó chuyển?”

Đáp: “Có thể nói là định nghiệp khó chuyển, cũng có thể ấy là trả nghiệp theo tâm nguyện. Có người bảo: người tu hành như vậy, chả lẽ không vận dụng được sức tu hành để khắc phục nghiệp lực? Tôi có thể nói rằng có tu hành mới bị khổ nạn làm cho điều đứng khổ sở, đó chính là công đức tu hành khiến cho nghiệp lực được giải quyết trong đời này”.

Hòa thượng nhấn mạnh cần phải nhất tâm niệm Phật.

Pháp sư Hoàng Ý hỏi: “Trong kinh A-Di-Đà có câu: Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh vào cõi ấy (Cực lạc). Sai Ngài cho rằng chỉ chuyên tâm niệm danh hiệu Phật thì có thể vãng sanh?”.

- Chỉ cần có đủ lòng tin, được như thế phước đức, nhân duyên nhất định có đủ. Vấn đề hiện tại là lòng tin của ngài; xét cho cùng đó là thứ lòng tin nào? Là niệm tin chung chung chẳng? Là tin bằng cách niệm năm ba vạn danh hiệu Phật? Là phó thác sinh mạng vào niềm tin? Hay là niệm tin nhất tâm bất loạn, một niệm không khởi? Tự bản thân ngài trang bị cho mình thứ tín tâm nào? Ngài hãy tự biết lấy, nhân duyên, phước đức có đầy đủ chưa?”.

- Rời khỏi chùa Thừa Thiên, ai nấy như có cảm giác là “lời đồn về Hòa thượng” và “Hòa thượng trong thực tế” không giống nhau hoàn toàn. Qua phong cách luận đàm của Người, quả là “biện tài vô ngại”, có thể thấy được mẫu mực của một bậc cao tăng. Điều này không những làm tăng thêm kiến thức cho chúng tôi mà còn khích lệ tín tâm của chúng tôi nữa.

HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM NIỆM PHẬT TAM- MUỘI

Vân Lâm

Chín năm trước, tiến sỹ Châu có người bạn Mỹ - tiến sỹ Ki9ng, ở Hollywood – đến Đài Loan để tham vấn giáo sư Nam vài vấn đề liên quan đến Phật pháp. Tiến sỹ King tương đối trẻ, - tuổi chừng trên ba mươi, xuất thân từ một gia đình Cơ Đốc giáo. Anh học ngành âm nhạc, nhưng đặc biệt rất thích nghiên cứu Phật pháp. Anh đã xem qua nhiều sách của các nhà thiền học, kinh Đại Bát Nhã và một số kinh điển Tiểu Thừa bằng tiếng Anh, và đã tu tập thiền định trên một năm ở Tích Lan. Anh là một trong số những thanh niên Phật tử phương tây, đã từng hấp thụ nền giáo dục cao đẳng hiện đại.

Trong thời gian ở Đài Bắc anh ta có cùng với thỉnh chúng đến nghe giáo sư Nam thuyết giảng, thông qua phiên dịch của tiến sỹ Châu. Vì ngôn ngữ bất động, anh phải hết sức cố gắng mới tiếp thu được nội dung bài giảng. Sau đó anh nhờ tiến sỹ Châu đưa đi thăm các bậc thiện trí thức am hiểu đạo ở Đài Loan. Lúc bấy giờ tiến sỹ Châu vì rất bận việc không đưa anh đi được nên đến tìm tôi, nhờ tôi dẫn anh ngoại kiều này đi tìm sư hỏi đạo và du ngoạn đó đây. Tôi bảo tôi không biết ai là thiện trí thức am hiểu đạo làm sao mà giúp được. Tiến sỹ châu năn ni nhiều lần, không thể từ chối, tôi đành miễn cưỡng nhận lời.

Tôi nói: “Biết tìm ai đây?” Tiến sỹ Châu bảo: “Tùy ý”. Tôi lại hỏi ý kiến King, anh ta nói rất thích gặp hòa thượng tu thiền và muốn làm quen với những phật tử, không cứ là tại gia hay xuất gia. Lúc ấy tôi cảm thấy bối rối, biết ai là người tu thiền đây? Tôi hỏi anh ta: “Anh sinh trưởng trong gia đình Cơ đốc giáo phương tây, sao lại thích thú về vấn đề này?” Anh ta cười đáp: “Tôi cũng không biết, có lẽ kiếp trước tôi cũng đã tích như vậy”. Tôi hỏi: “Người Mỹ các anh cũng tìm có kiếp trước sao?”. Anh trả lời một cách nghiêm túc: “Sao lại không?”.

Chuyện trò băng quơ với nhau như vậy, thế rồi đôi bên hiểu biết nhau. Hôm sau, tôi định đưa anh đến bái kiến Hòa thượng Ân Thuận ở Gia Nghĩa, nhưng vì nơi đó quá xa nên lại thôi, cuối cùng quyết định đến gặp nhà thơ Chu Mộng Điệp ở cửa hàng sách đường Vũ Xương, rồi sẽ đến chùa Thừa Thiên bái kiến Hòa thượng Quảng Khâm.

Tiến sỹ King và nhà thơ gặp nhau, chẳng biết “khế cơ” hay “không khế cơ” mà đôi bên chẳng trao đổi với nhau điều gì. Ba chúng tôi đứng nơi hành lang trước tiệm cà phê Minh Tính, giữa dòng người xuôi ngược, cùng yên lặng... được non nửa giờ, tôi và King cáo từ.

Chúng tôi lên xe buýt đi Thổ Thành... xuống xe buýt xong lại thuê taxi lên núi. King nói để anh trả tiền taxi, tôi bảo tôi cũng cùng đi, để tôi trả một nửa, anh liền bảo tiền xe buýt hồi này anh cũng phải chịu một phần.

Lên đến núi, tới Đại Điện thấy Hòa thượng đang ngồi trên tọa cụ hình hoa sen ở trong chánh điện. Tôi vốn quen mỗi khi gặp Hòa thượng là đánh lễ, liền đến trước Hòa thượng cung kính cúi lạy, không ngờ rằng anh chàng ngoại quốc trẻ tuổi này cũng vội vàng quỳ theo tôi mà lạy. Hòa thượng vẫn ngồi yên chẳng nói lời nào, sau đó Người đến ngồi trên chiếc ghế mây gần cửa sổ, chúng tôi càng đi theo sau Người. Thấy có mấy ni sư đứng quanh bên Người, chuẩn bị phiên dịch, tôi nói với họ là tiếng Phúc Kiến tôi cũng hiểu được chút ít, có thể phiên dịch được, khỏi phiên đến các vị.

Đầu tiên tôi giới thiệu sơ lược tiến sỹ King với Hòa thượng, rồi thưa rằng chuyên sang Đài Loan đặc biệt của anh lần này là để tìm học Phật pháp, xin Sư phụ khai thị cho anh.

Hòa thượng nghe xong, hỏi anh King:

-Anh bao nhiêu tuổi? – King đáp:

- Ba mươi lăm tuổi. (Tôi cố gắng dịch thật nhanh).

-Anh có vấn đề gì cần hỏi?

- Con không có vấn đề gì, chỉ đến thăm Ngài.

- Anh thích gì trong Phật pháp?

- Thiền tông.

- Tịnh độ cũng rất tốt, Tịnh độ cũng là Thiền

Mọi người yên lặng giây lát... có ni sư thị giả mang đến mấy cốc trà mời chúng tôi uống. Tôi và King mỗi người nhận lấy một cốc.

Nhân dịp, lúc ấy Hòa thượng mới hỏi:

- Anh đang cầm cái gì trong tay vậy?

- Trà.

Tiếp đó Hòa thượng bảo King không nên do dự, hãy trả lời ngay.

“cái gì làm cho anh uống trà?”

Tiền sĩ King đáp: “Khát!” Tôi thì trả lời: “Miệng khô!”.

- “Không đúng! Không đúng!”

Hòa thượng tự nhiên chẳng chút khách sáo, ngay phút đầu Người đã “giáng cho một gậy”, làm anh King bối rối không nói được lời gì.

Ai cũng cứ nghĩ cái làm cho mình uống là “khát” mà!

Hòa thượng thấy King không nói gì, an ủi anh ta:

- Thường ai đến đây tôi cũng đều để họ niệm Phật, không nói chuyện gì khác. Trước khi anh đến đây, tôi không biết anh đến; anh đi rồi, tôi cũng không biết anh đi đâu. Hiện giờ anh đang uống trà, tôi hỏi anh về uống trà, uống trà chẳng phải là do khát, khát chỉ là một hiện tượng.

Nói xong Hòa thượng lặp lại một lần nữa rồi bảo:

-Tôi nghe cư sỹ Vân nói anh có tu ở Tích Lan nên tôi chỉ nói đùa với anh cho vui vậy thôi.

Im lặng một lát, tiền sỹ King lại hỏi:

- Con xem trong kinh sách có thấy nói “niệm Phật tam-muội” điều ấy có thật hay không? Hòa thượng đã đạt đến cảnh giới đó chưa?

Hòa thượng lại nói: “Trước khi anh đến đây, tôi không biết anh đến, anh đi rồi tôi không biết anh đi đâu; bây giờ anh hỏi tôi, tôi nhớ lại để trả lời cho anh: khoảng 50 năm về trước tôi có một lần ở vào trạng thái mà tôi cho rằng đó là niệm Phật tam-muội, anh bảo làm sao mà tôi không biết.

King nghe vậy, lấy làm phần khởi nói anh rất thích nghe. Tôi liền phiên dịch: “Anh ấy xin Sư phụ khai thị cho”. – Người nói:

- Khoảng 50 năm trước, khi tôi ở Cổ Sơn – PHÚC CHÂU, có một lần cùng với tăng chúng vào chánh điện hành hương niệm Phật kinh hành. Mọi người đều theo nhịp mõ niệm Nam mô A-Di-Đà Phật, Nam Mô A-Di-Đà Phật.... Tay tôi bắt ấn, vừa đi vừa niệm, đột nhiên tôi đốn... .

Lời Hòa thượng nói tôi dịch lại từng câu, đến tiếng “đốn” đầu tôi căng ra, gượng dịch thành “once suddenly a stop” [thình lình dừng lại]. Hòa thượng liền bảo tôi: “Anh đừng dịch sai, không phải là “đình chỉ” [dừng lại] đâu. “Tiền sỹ King thấy Hòa thượng ra dấu giải thích, anh tỏ vẻ hiểu được ý Hòa thượng; tôi biết mình dịch sai., cảm thấy thật xấu hổ.

Rồi Hòa thượng cho biết, lúc bấy giờ tiếng niệm “Nam mô A-Di-Đà Phật” lúc đầu vang vọng trên nền chánh điện, về sau dần dần chuyển lên cao. Hòa thượng vừa nói tay vừa từ từ uyển chuyển diễn tả, miệng thì niệm Phật...giọng thâm trầm hân hậu. Người nói lúc ấy không còn cảm giác gì về chùa, về người và sự vật chung quanh, chỉ còn nghe hòa âm tiếng niệm Phật bất tuyệt từ dưới vẫn chuyển lên cao, đến tận không trung, khắp Pháp Giới vang vọng danh hiệu đức Phật A-Di-Đà.

Tôi hỏi: “Thưa, lúc ấy Sư phụ có hành hương [kinh hành] không?”

Hòa thượng nói lúc đó không biết mình đang hành hương hay không hành hương, cũng chẳng rõ mình đang ở đâu, chỉ còn tiếng “Nam-mô A-Di-Đà Phật” mà thôi. Đến khi thầy tri sự gõ khánh báo hiệu mãn thời công phu, mọi người trở về liêu phòng mà Người vẫn “Nam –mô A-Di-Đà Phật...”, cứ như thế suốt trong đi, đứng, nằm, ngồi.... khi lên chánh điện qua đường... hoàn toàn hòa nhập vào âm thanh “Nam-mô A-Di-Đà Phật” trong tiếng chim hót và trầm hương. Trạng thái như vậy kéo dài trong ba tháng.

Hòa thượng cười nói tiếp: “Thật là tuyệt vời, chẳng qua tôi thể nghiệm lại bằng ký ức. Ấy có phải là niệm Phật tam-muội hay không, tôi chỉ kể ra cho anh tham khảo. Tôi thì cho rằng đó là niệm Phật tam-muội, còn anh nghĩ phải hay không phải đó là phần của anh.

Hòa thượng chân tình thổ lộ như vậy vì muốn đem thực tế kinh nghiệm tu trì của mình giải nghi cho người. Tiền sỹ King nghe xong cảm thấy được lợi lạc khôn xiết, lòng tràn đầy pháp hỷ, vô cùng phần khởi. Lúc ấy các

ni sư thị giả sợ Hòa thượng mệt liền mời Người đi nghỉ. Tôi nghĩ bụng, lên núi lần này thật lợi ích, không hoài công leo núi, rồi bèn đứng lên xin cáo từ lui ra, không ngờ anh Mỹ kiều vừa được hưởng vị Phật pháp lại cung kính quỳ trước Hòa thượng cúi đầu lạy.

Chúng tôi ra khỏi điện, nhân dịp thời gian còn sớm, đi dạo trong các lan can quanh điện, thưởng ngoạn cảnh non xanh núi biếc của chùa Thừa Thiên. Nhật Nguyệt, nghe kể Hòa thượng lúc đầu mới tới Đài Loan đã từng đóng cửa động ẩn tu, Người có thể từ bên này Đài Điện bay qua bên kia, không biết có thật hay không. Lúc hai chúng tôi đang đi dạo không để ý... quay đầu lại thấy Hòa thượng từ đằng sau đi tới. Tôi vụt kêu lên: “Sư phụ, sao ngài lại ra đây?” Hòa thượng tươi cười cười mờ: “Cũng đi chơi đây mà!”.

Dạo ấy Hòa thượng rất ít khi ra ngoài, tôi thấy mấy ni sư đứng trước cửa điện nhìn về phía chúng tôi có vẻ rất quan tâm, chắc là sợ Hòa thượng đi xa, lại được dặn trước nên không tiện đến gần.

Tôi bỗng cao hứng hỏi về lời đồn Hòa thượng từng bay từ núi này sang núi kia. Hòa thượng đáp: “Làm gì có! Đừng nói nhảm”.

Tôi quay sang tiến sỹ King: “Hôm nay anh thật có duyên may! Hòa thượng thường ngày ít khi ra ngoài”. Và tôi nói với Hòa thượng: “Con thấy Sư phụ hợp ý anh ấy”. Hòa thượng cười:

Không! Không phải! tôi chỉ cùng với các anh đi dạo chơi thôi.

Ba người cùng dừng lại, không trao đổi thêm lời gì... Tôi nói với King đây chính là lúc nên cùng niệm Phật, và tôi bắt đầu niệm... King, không niệm. Hòa thượng đứng bên, nhìn tôi...rồi nhìn King... khoảng ba phút; tôi thấy như vậy là đủ, lại một lần nữa xin cáo từ. Hòa thượng đưa chúng tôi một đoạn đường, tôi thỉnh người trở lui.

Khi xuống núi, xe taxi chúng tôi chạy dọc theo đường núi quanh co, ánh nắng hiền hòa lung linh khắp núi rừng. Tôi cảm thấy thân tâm vô cùng sáng khoái. Tiến sỹ King quay sang hỏi tôi bản nguyên văn hóa Trung Hoa có nói về Tam-muội hay không? Tôi chẳng có chút hiểu biết gì, tùy tiên bằng thứ tiếng Anh luộm thuộm dịch đại câu trong sách Luận Ngữ đã ghi chép được: “Quân tử vô chung thực (nhật) chi gian vi nhân, tháo thứ tất ư thị, diễn bá tất ư thị”.

Và câu “Từ tại Tề văn Thiệu, tam nguyệt bất tri nhục vị”.

- Cho anh ta tham khảo.

- [Nghĩa hai câu trên đây:

Người quân tử không bao giờ làm trái điều nhân dù trong khoảng một bữa ăn (một ngày) [?] dù trong cơn vội vàng cũng giữ lấy điều nhân, dù trong lúc ngứa nghiêng cũng giữ lấy điều nhân.

Đức Khổng Tử tại nước Tề nghe nhạc Thiệu, ba tháng ngài không biết đến mùi vị thịt – ND].

Nghe xong King vô cùng thích thú, nói:

- Ấy hẳn phải là một thứ Tam-muội đấy chứ!

Tôi cười:

- Đó là một vấn đề lớn, tôi cũng chẳng biết nữa!

Nam-mô A-Di-Đà Phật

HỘI KÝ VỀ HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM Tống Ngang

1 Gặp Hòa thượng lần đầu tiên

Gặp lần thứ hai như “tìm được bảo vật”

Tôi được gặp Hòa thượng lần đầu vào năm 1976. Lúc đó Ngài không giảng dạy gì, chỉ bảo chúng tôi tinh tấn niệm Phật. Người bạn đồng học ở BAN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG thuộc TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRÃ

cùng đi với tôi cảm thấy vô cùng thất vọng. Theo lời loan truyền, Hòa thượng là một nhân vật truyền kỳ, nhưng khi hội kiến thì thấy bình thường, không có gì khác lạ. Chúng tôi không ngại xa xôi mà đến, nhưng khi trao đổi với Người vài câu đều lấy làm thất vọng. Trong bọn tôi có một anh tự cho mình học rộng biết nhiều, nói: “Hòa thượng già một chữ không biết, có thể dạy được gì?”. Chúng tôi mê muội nên trong bụng cũng nghĩ như vậy, - như người có mắt hỏi đường người mù thì biết được gì! Thế là húng chí khi đến, cụt húng chí khi về.

Năm sau tôi tham gia Hội niệm Phật do Hòa thượng Sám Vân tổ chức ở Đài Bắc trong bảy ngày. Ngài Sám Vân rất mực kính trọng Hòa thượng Quảng Khâm. Sau khi mãn khóa niệm Phật, một đoàn đông đảo bảy, tám chục người lên chùa Thừa Thiên thăm viếng Hòa thượng. (Lúc bấy giờ chùa Thừa Thiên xây cất rất đơn sơ, chỉ có vài phòng tăng, không huy hoàng tráng lệ như ngày nay).

Nơi phương trượng của Hòa thượng, cả trong lẫn ngoài người ta đông nghịt. Có người đến để xin chỉ dạy, có người vì hiếu kỳ mà đến, cũng có kẻ lên núi chơi tiện đường ghé lại.

Hòa thượng ngồi trên ghế mây, im lặng; Pháp sư Sám Vân bước vào, hướng dẫn đoàn tới đánh lễ Hòa thượng, sau đó mọi người ngồi xuống trên nền đất. Pháp sư Sám Vân và Hòa thượng thăm hỏi nhau xong, cả phương trượng yên lặng... Hòa thượng thần sắc tươi vui, có vẻ người rất hài lòng. Thấy tất cả im lặng, người nhìn đại chúng hỏi: “Các vị đã hoàn mãn tuần niệm Phật, đã tìm thấy bảo vật, được của báu nên đưa ra phụng hiến, ... nào nói đi chứ!”.

Nghe Hòa thượng nói như vậy người này nhìn người kia như bảo nhau: được của báu không phải là tôi, vị nào được của báu vậy? mau trình ra, không thì thật là xấu hổ! Sau một hồi đưa mắt hỏi nhau, rốt cuộc chúng tôi – hàng ngày bàn chuyện trời đất, giảng kinh nói pháp lâu lâu – đến lúc này chẳng ai thốt ra được nửa lời kinh kệ.

Trong khi mọi người im lặng, không khí trở nên nặng nề, bỗng nhiên có tiếng “Nam-mô A-Di-Đà Phật” từ miệng một tỳ kheo ni phát ra, mọi người liền quay đầu lại chăm chú nhìn vị tỳ kheo ni trẻ tuổi, xem xem vị thần thánh nào thốt lên như sư tử hồng vậy! Rồi lại đưa mắt nhìn về phía Hòa thượng, xem Người ứng xử thế nào. Chỉ thấy Hòa thượng lắc đầu chỉ tay vào một em bé trước mặt nói:

- Câu ấy em bé ba tuổi cũng có thể nói được.

Tiếp đó, không khí trở lại trầm lặng như trước, chỉ thấy Hòa thượng, qua đôi mắt sáng chiếu tựa hồ như dò hỏi ai là người giấu của báu mà chẳng trình ra cho người khác xem, - người đó là ai?

- Nào, nói đi... nói đi chứ!

Hòa thượng như một lão tướng từng trải trăm trận, bình đến dưới thành, lão tướng đích thân chỉ huy.

Trước ánh mắt long lanh và giọng nói kiên quyết thúc bách của Hòa thượng ai nấy bật tiếng như ve mùa đông, cảm thấy hơi hời mình dòn dập. Lúc ấy tôi mới nhận ra, đây không phải là thư sinh luận chiến mà đúng là giữa chiến trường đầy gươm giáo. Nếu không thực sự tôi luyện công phu ắt không đủ bản lĩnh để xông pha trận mạc.

Có vị tỳ kheo ngồi phía trước, như bị Hòa thượng để mắt chú ý làm cho thân thể mất tự nhiên; vị tỳ kheo động thân... dẫn đo vài giây... rồi như kẻ “đầu đầu lòi đuôi”, trình ra bài kệ:

Quá khứ tâm bất khả đắc
Hiện tại tâm bất khả đắc
Vị lai tâm bất khả đắc

Hòa thượng nghe xong nét mặt vẫn điềm nhiên, nói:

Chúng ta đóng cửa lại nói với nhau, ta không nên cho rằng chiếc áo này (Người chỉ chiếc áo tu sỹ trên mình) tùy tiện mà mặc được, mặc chiếc áo này một cách chân chính không phải là dễ!

Sau đó bầu không khí lại một lần nữa tĩnh lặng. Hòa thượng thấy mọi người không ai còn trình ra của cải gì nữa. Người vẫn với ánh mắt sáng nhiếp phục, vui vẻ hiền từ nói:

- Người xưa “đả Phật thất” [niệm Phật bảy ngày] đúng kỳ thì chứng nghiệm, nếu đúng kỳ hạn mà không chứng nghiệm hóa ra “nhờ Phật để có ăn” hay sao? (tức là mượn có niệm Phật để được ăn cơm). – Dừng lại vài giây Hòa thượng nói tiếp:

- “Đã Phật thất” mà mong được cái gì như vật báu là tham. Mọi người đến đây với tôi, cứ tưởng có được cái gì đó mang về, ấy cũng là tham”.

Người chưa dứt lời, tận cuối phòng có hai người ri tai nhau, có vẻ như nói lén rằng “chúng mình không tìm được bảo vật, Hòa thượng bảo đưa bảo vật ra xem, Hòa thượng có bảo vật mà còn đòi bảo vật của chúng ta, ấy chẳng phải là hai lần tham?” Lời ri tai vừa xong, Hòa thượng như biết mà không để ý, nói tiếp:

- Nếu ai nghe mà hiểu lời tôi nói, thì bảo vật đặt trước mắt ắt lấy được ngay; còn nghe mà không hiểu, không nhận ra, thì dù có hai tay bung dăng trước mặt cũng chẳng có được gì.

Hòa thượng nói chưa dứt lời bỗng có một người trẻ tuổi hỏi:

- Xin thưa, Hòa thượng có lần chuỗi hạt không?

- Không!

Thấy Hòa thượng không đeo tràng hạt anh ta cụt hứng, nhìn sang Pháp sư Sám Vân bên cạnh tay đang lần chuỗi hạt niệm Phật, anh chuyển hướng nhắm mũi tên sang Pháp sư, lém linh hỏi: “Thưa Pháp sư, Ngài có lần chuỗi hạt không?” – Pháp sư đáp giọng chắc nịch:

- “Có!”

Anh chàng thanh niên nói một cách tinh bơ:

- Ngài cho tôi tràng hạt. – Pháp sư đáp:

- Tôi đang niệm Phật, không thể cho anh. Nếu tôi cho anh, anh không được vứt nó đi. – Anh thanh niên chìa tay ra nói xẵng:

- Đưa tràng hạt đây!

Tiếng nói như cò bên tai, bỗng Hòa thượng chỉ thanh niên bảo:

- Hiện anh đang niệm đây!

Tức thì anh chàng thanh niên nọ mắt hấn khí sắc kiêu ngạo, im lặng không nói lời nào.

Hai vị Pháp sư đã đồng diễn “quảng trường thiệt” [lưỡi Phật], từ không nhập có, từ có nhập không, phối hợp có- không chặt chẽ, sự việc diễn ra làm cho mọi người vô cùng tán thán.

2 Chúng sanh bệnh, Pháp sư cũng bệnh

Vào khoảng năm 1978, nghe nói Hòa thượng pháp thể suy yếu, Người tỏ ý muốn vãng sanh Tây Phương, đại chúng trong chùa rất lo lắng, mời lương y lên núi bắt mạch cho Hòa thượng. Người không muốn làm náo động đại chúng, tăng chúng khẩn cầu đôi ba lần Người mới miễn cưỡng để cho bác sỹ chẩn đoán. Sau khi cân trọng xem mạch cho Hòa thượng bác sỹ tỏ vẻ rất ngạc nhiên, ông ta bắt mạch nhiều lần... vừa như lắng nghe vừa như trầm ngâm suy nghĩ, cuối cùng phát biểu: “Mạch của Hòa thượng hoàn toàn không giống mạch người thường, nhưng không chẩn đoán ra bệnh gì”. Hòa thượng mỉm cười chỉ chúng đệ tử đang quỳ trước mặt, nói với lương y:

- Họ đều có bệnh, tiện thể nhờ xem mạch cho họ luôn.

Ai nấy đều lấy làm lạ nhìn Hòa thượng, nhưng cùng mỉm cười cảm thấy trong lòng bớt lo. Sự việc có vẻ giống như trong kinh Tịnh Danh, khi ngài cư sỹ Duy Ma nói: “Chúng sanh có bệnh, tôi cũng có bệnh!”. Theo lời vị Pháp sư trong chùa thì Hòa thượng có lần bảo rằng khi Người vãng sanh Người sẽ thị hiện bệnh tướng, cõi Ta-bà quá khổ, chần chừ ở đây chịu sao nổi?

Nghe tin Hòa thượng bệnh, mọi người theo nhau lên núi thăm. Pháp sư Sám Vân cùng chúng đệ tử cũng vội vàng lên núi “thỉnh Phật trụ thế”. Khi chúng tôi gặp Hòa thượng thấy Người đang ho từng cơn, ho xong lại khạc nhổ, nhưng chẳng thấy nhổ ra vật gì. Có lúc Người nói một câu mà phải dừng ngắt mấy lần, cơ thể rung giật theo từng cơn ho, ai nhìn thấy cũng xót xa. Ngài Sám Vân và đại chúng đồng thanh khẩn cầu Hòa thượng từ bi nghĩ đến chúng sanh đau khổ, trụ thế thêm vài năm nữa. Hòa thượng nói Người không thể tự làm chủ được, thân xác của Người như ngôi nhà gạch mục nát, dù có gắng gượng duy trì thì chỉ một cơn gió to ập đến cũng không

thể nào chịu nổi, chi bằng đi sớm một chút, hoán chuyển một thân thể “chắc như xi măng cốt thép” mà trở lại mới có thể hoàng pháp lợi sanh. Nghe thế ai cũng hết sức nản nỉ, vì nếu Người có trở lại thì ít nhất cũng phải mất hai mươi năm, trong hai mươi năm ấy chúng sanh biết nương tựa vào ai; thiết tha xin Người ở lại thêm vài năm nữa. Hòa thượng bảo đơn điền của Người đã hết khí lực, nói không ra tiếng mong gì đáp ứng nhu cầu của chúng sanh, gắng gương ở lại cũng vô nghĩa. Mọi người lại van xin Hòa thượng lưu lại, chỉ cần Người yên tĩnh ngồi đó, vô hình trung cũng đủ làm tăng trưởng niềm tin cho đại chúng. Cứ như thế, mỗi người góp một câu... cho đến giờ ngọ trai mà Người vẫn tỏ ý không trụ thế nữa. Pháp sư Sám Vân quyết định tổ chức “Tuần niệm Phật Dược Sư tiêu tai diên thọ” (Tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật Thất) tại chùa Thừa Thiên để cầu an cho Hòa thượng, sau đó Pháp sư bước vội sang trai đường.

Trong lòng ai nấy đều mang tâm trạng bất an. Thế rồi đang giữa giờ cơm, một vị tỳ kheo ni về mặt hờn hờ tới trước ngài Sám Vân thưa nhanh: “Kính bạch Pháp sư, Hòa thượng nhận lời không đi, lại còn mời Pháp sư khai hóa “Đã Phật Thất” [Tuần niệm Phật bảy ngày], có điều là Hòa thượng bảo tốt nhất nên khai khóa niệm Phật A-Di-Đà”.

Mọi người nghe nói đều mừng rỡ, bất luận là khóa lễ niệm Phật Dược Sư hay niệm Phật A-Di-Đà đều được cả, miễn sao Hòa thượng chịu ở lại là quý nhất. Lúc ấy ai cũng ăn ngon miệng, trút hết nỗi ưu uất bất an từ trước. Có người sốt ruột, lên lầu xem bệnh tình Hòa thượng thế nào, thấy Người đang ung dung đi tản bộ bên ngoài phương trượng... Đó là nhân duyên Pháp sư Sám Vân mở “Tuần niệm Phật” ở chùa Thừa Thiên và cũng là nhân duyên chúng tôi được gần gũi Hòa thượng, được biết thêm về cuộc đời của Người.

3 Một cuộc sống nghèo khổ; một cuộc lữ hành gian nan

Hòa thượng Quảng Khâm sanh ngày 26 tháng 10 âm lịch, năm Quang Tự thứ 18 (1892) đời nhà Thanh. Người họ Ngô, quê huyện Huệ An, phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến. Gia đình rất nghèo, lúc Người lên 3-4 tuổi, ông anh cả cưới vợ mà không có tiền, Người bị đem bán cho gia đình họ Lý ở Tuyên Châu, huyện Tấn Giang. Nhà họ Lý làm nghề nông, trồng cây ăn trái trên sườn núi tạm sống qua ngày. Cha mẹ nuôi không có con nối dõi nên xem Người như em ruột. Lúc nhỏ Người rất yếu đuối và nhiều bệnh tật. Cha mẹ nuôi rất lo lắng, để cầu an cho con, họ bèn theo tập tục dân gian đem Người đến ngôi chùa Quan Âm gần đó khẩn dâng cho Bồ Tát Quan Âm làm con nuôi. Việc làm này chính là nhân duyên trọng yếu của Người đối với Bồ Tát.

Người vốn có tuệ căn tiền kiếp, do vì mẹ nuôi ăn chay nên năm lên bảy cậu bé cũng tự nguyện nhất định ăn chay theo mẹ. Đến năm 1900, cậu lên chín tuổi, bất hạnh mẹ nuôi qua đời, hai năm sau cha nuôi cũng tạ thế. Trong một thời gian rất ngắn vô thường đã cướp đi những người thân yêu nhất. Cậu bé tứ cố vô thân, không còn nơi nương tựa, thể lực lại yếu đuối, cô cút giữa cõi đời không biết đi về đâu! Đợi khi an táng cha mẹ cậu xong, những người bà con sắp xếp cho cậu đi Nam Dương sinh sống. [Nam Dương: chỉ chung các tỉnh Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến và Quảng Đông-ND].

Ban đầu Người đi làm thuê như quét dọn, nấu cơm cho tiệm buôn để đủ sống qua ngày. Tuổi lớn dần, thân thể và khí lực tăng trưởng, Người nhập theo thiên hạ kết đội lên núi đốn cây mở rừng, tuy rất vất vả nhưng kiếm khá nhiều tiền và tương đối tự do.

Một hôm, chiếu theo tiền lệ, đến thời gian giải việc ra về; trong lúc ai nấy chuẩn bị lên “xe đẩy” để xuống núi Người bỗng trực giác biết ngôi xe như vậy không an toàn, liền cảnh báo mọi người không nên đi xe. Nhưng vì ai cũng nôn nóng về sớm, cho lời nói của Người là vu vơ, không ngờ chiếc xe đẩy sau đó bị tai nạn lật lăn xuống hố. Ai cũng cho là điều kỳ lạ. Ở trên núi tuy Người làm việc rất cực nhọc nhưng vẫn giữ một mực ăn chay. Sau khi xảy ra biến cố ấy người ta nửa đùa nửa thật bảo: “Anh đã kiên trì ăn chay như vậy, lại biết trước việc như thân sao không trở về lại Tuyên Châu đi tu?” Đó chỉ là lời nói đùa, nhưng Người như tỉnh mộng! Hồi tưởng lại cha mẹ nuôi lúc sinh tiền đang tuổi tráng niên mà chết là chết, mình đây sớm muộn gì cũng phải đi theo con đường ấy! Sao lại phải đi con đường lần quần?

Thế là Người thu xếp hành trang trở lại cố hương, quyết chí xuất gia.

4 Hai mươi tuổi xuất gia, quyết tâm tu khổ hạnh.

Năm 1911 Sư 20 tuổi, vào chùa Thừa Thiên phủ Tuyên Châu xin xuất gia. Thừa Thiên Thiên Tự là một ngôi chùa của đế vương, rất cổ kính. Tương truyền chùa này xây vào thời vua Anh Tông, niên hiệu Chánh Thống nhà Minh (1436-1449) cách đây trên 500 năm, đất rộng 36 héc-ta. Lúc bấy giờ có một vị Càn Vương sinh đã tâm, thấy nơi này phong thủy cực tốt và đất rộng, mưu đồ chiếm lấy để dựng cơ nghiệp đế vương. Nhưng trong điện thiếu nước, theo phép thuật trong một đêm phải đào cho được 100 cái giếng, nếu không thì nghiệp đế chẳng thành. Càn Vương bèn chọn ngày tốt và tuyển thợ đào giếng... thấy nước vọt lên ông ta rất mừng, không ngờ đào đến cái 99 thì gà gáy sáng, mặt trời ló dạng; ông ta hoảng hốt toát mồ hôi lạnh, chỉ vì một cái giếng chót

chưa xong mà nghiệp để trong giây phút trở thành bào ảnh. Cần Vương than tiếc tự biết phước đức không đủ, bèn đem phụng hiến để làm chùa đặt tên là Thừa Thiên Thiên Tự.

Chúng tôi dường như có duyên nên mới đến chùa Thừa Thiên tham quan. Thấy bảng tên chùa chung quanh hoa văn hình rồng, trên có hai chữ “Sắc Tứ”, chính giữa bốn chữ lớn “Thừa Thiên Thiên Tự” đứng xa cũng có thể đọc được. Không thể nào qua tám biển trên cửa chùa mà biết được truyền thuyết nói trên là thật hay giả; dù sao nhờ sự tích ấy mới rõ chùa có nguồn gốc lâu đời: truyền thuyết thì đượm màu sắc thần bí và trong chùa thì còn lại rất nhiều di tích cổ. Hai bên con đường lát đá cổ kính có hai tháp cao sừng sững, một trong hai cái là “Tháp Phi Lai” mang tính truyền kỳ. Hai tháp quy mô cân xứng đối diện nhau; tuy bề ngoài giống nhau nhưng Tháp Phi Lai quanh năm sạch sẽ một hạt bụi cũng không bám, còn tháp kia đầy dẫy những phân chim, bụi đắp như trát phấn, thấy mà chẳng nỡ nhìn. Khách hành hương đến đây ai cũng dừng lại suy nghĩ, không hiểu lý do vì sao như vậy. Chùa này có tám cổ tích, như “Nguyệt đài đảo ảnh” (Bóng trăng phản chiếu), “Thạch quy thực mễ” (Rùa đá ăn gạo), “Sư tử thổ yên” (Sư tử phun khói), “Thạch mai hoa hương” (Hoa mai đá tỏa hương thơm), “Nhất trần bất nhiễm” (Một hạt bụi không dính), “Long Vương tỉnh” (Giếng Long Vương), “Anh ca thổ vụ” (Anh vũ phun sương). Thiên hạ ai cũng thích nói đến những kỳ quan sống động ấy. Tiếng đồn càng lan xa càng làm tăng thêm tính chất thần kỳ.

Ngày nay người ta chỉ còn ngậm ngùi hoài cổ, không biết căn cứ vào đâu để khảo chứng. Duy những cái không bị huyền thoại làm biến dạng đó là kiến trúc hùng vĩ, trong chùa có Thiên đường Niệm Phật đường, Pháp đường, Tổ đường, Khách đường hoành tráng, Đại Điện có thể chứa ngàn người, tăng chúng thường trú có hơn 600 người, quả là một “Tòng lâm cổ sát” oai nghi.

Khi chưa vào tu trong chùa Thừa Thiên, Sư đã tự nhủ lòng: mình phước đức còn kém, nếu xuất gia tu chưa đắc đạo mà nhận của thập phương cúng dường một cách rộng rãi, e rằng không báo đáp nổi khiến cho đạo nghiệp khó thành. Do vậy, trước khi vào chùa Sư quyết chí rèn luyện giảm ăn bớt ngủ, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây chứ không ngủ nghỉ trên giường chiếu, giữ được như thế rồi mới xuất gia làm tăng. Sau khi xuất gia, Người quyết tâm khổ hạnh, ăn những món mà người khác không thèm ăn, làm những việc mà người khác không muốn làm. Chùa Thừa Thiên lấy tám chữ “Phật Hỷ Chuyên Thụy Quảng Truyền Đạo Pháp” để truyền thừa Pháp mạch. Lúc bấy giờ vị trụ trì chùa Thừa Thiên là Ngài Chuyên Trần, còn Sư Quảng Khâm là đệ tử của Pháp sư Thụy Phương – tu khổ hạnh. Từ chỗ đó mà biết được sở nguyện của Người.

Pháp sư Thụy Phương tu khổ hạnh quá khắc khổ nên đã viên tịch lúc còn trẻ tuổi. Sư Quảng Khâm tuy là đệ tử của Pháp sư Thụy Phương nhưng được sư dạy dỗ của Hòa thượng Chuyên Trần. Hòa thượng biết căn cơ Người thâm hậu, về sau ắt sẽ là long tượng của pháp môn, do vậy mà Hòa thượng khẩn thiết sách tấn và thường xuyên trực tiếp chỉ dạy cho Người.

Một hôm đại chúng đi lao động ngoài triền núi, đến gần trưa khi sắp trở về chùa thì nghe tiếng bản gõ báo ngo trai. Vì chùa đông người thực phẩm cung ứng khó khăn nên thường ngày phải hạn chế trong khâu phân ăn uống. Bữa ăn lỏng bông không đủ chất dinh dưỡng, chúng lại phải ra sức làm việc trên đồi núi, ai nấy đều đói đầu óc choáng váng, cho nên khi nghe báo giờ ăn mọi người chẳng màng thu dọn dụng cụ đua nhau về trai đường. Lúc đó Người cũng muốn mau theo chúng tăng về trai đường nhưng bị Hòa thượng Chuyên Trần gọi lại bảo phải gom hết dụng cụ trả lại chỗ cũ. Lúc đó Người đã rất đói bụng, tay chân bải hoải, hai mắt lơ lơ mờ mắt thân. Tuy vẫn thu dọn đồ đạc nhưng trong lòng chán ngán, nghĩ bụng: làm việc vất vả như thế này, ăn cơm thì toàn rau, lại phải chịu cảnh như vậy, sao mà khổ quá! Tâm sân liền khởi, “bất kể ba bảy hai một”, “hòa thượng cũng chẳng thèm làm”, thân thờ bước đi ra phía ngoài núi... Đi chẳng bao xa, lòng thôn thức: “Chẳng phải vì ta đã quyết chí tu khổ hạnh ngõ hầu thoát khỏi luân hồi sinh tử nên mới xuất gia hay sao? Nay chỉ vì một chút khổ nhọc còn con mà nao núng chí khí, há chẳng phải là làm trái với ý nguyện ban đầu?” Ngay sau tiếng nói tự đáy lòng ấy Người bỗng thấy ý chí vuron cao, lập tức sự mệt mỏi, sự đói khát, sự bất mãn đều tan biến. Người liền đến trước Hòa thượng Chuyên Trần xin nhận chỉ thị. Hòa thượng cho phép Người theo chúng vào trai đường và dặn dò một câu: “Ăn cái người không ăn, làm cái người không làm, về sau con sẽ rõ”. Từ đó về sau Người càng khắc khổ tu rèn, chẳng dám khởi niệm thoái chuyển.

Người từ nhỏ chưa từng được giáo dục, ngay cả chữ viết to cũng chỉ đọc được năm ba chữ; không biết giảng kinh cũng chẳng rành gõ mõ tụng niệm, thường bị người khác xem thường, tự mình cũng cảm thấy buồn bực. Nghĩ trong lòng: tuy đã nhịn ăn, nhịn ngủ, nhịn mặc nhưng không có cách gì để trên thì đền ơn Tam bảo, dưới thì hóa độ chúng sanh! Thế là Người quyết tâm gieo phước để báo ân.

Hàng ngày đợi đại chúng ăn xong Người lượm những hạt cơm rơi rớt trên bàn, dưới đất, không rửa hay nấu lại, cứ để vậy mà ăn. Nếu có các bậc Đại đức Cao tăng từ xa đến, Người hầu trà, dâng nước rửa mặt, khăn tay, giày dép, đổ nước bẩn đã giặt rửa... Tất cả các việc nặng nhọc như khuôn vác, bữa củi, nấu cơm, lau chùi, quét dọn... Người đều cất lực đảm đương mà không một tiếng than phiền.

5 Thường ngồi không nằm, Niệm Phật chứng đạo

Người làm việc nặng nhọc, tu phước trên mười năm, sau được giao lo việc hương đèn. Mỗi ngày thức khuya dậy sớm trông lo Đại Điện qua các việc như hương, đèn, hoa, quả cúng Phật; đồng thời đánh bản báo thức chúng dậy tu tập. Có lần Người ngủ quên, đánh bản trễ 5 phút, tự nói trong lòng rằng 600 người cùng tu, mỗi người trễ 5 phút, cộng lại hơn 3000 phút, hậu quả này làm sao gánh nổi! Bèn quỳ trước cửa chính điện sám hối với mọi người. Người có tinh thần trách nhiệm rất cao, tự trách lỗi mình rất nghiêm khắc, từ đó về sau ngày ngày Người ngồi trước Phật đài, không dám lơ đãng; vì trong lòng luôn cảnh giác một đêm Người thức dậy năm sáu lần, do quá thận trọng mà nửa thức nửa ngủ, để rồi mặc nhiên trở thành người “không hề đặt lưng lên đơn”.

Năm 1933 Người đã đến tuổi trung niên mà vẫn chưa thọ cụ túc giới. Từ ngày xuất gia cho đến nay đã hai mươi hai năm rồi! Sở dĩ Người trì hoãn việc thọ giới là vì nghĩ mình chưa đủ đức hạnh để gánh vác sự nghiệp của Như Lai, sợ rằng trên thì lừa dối Phật dưới thì gạt gẫm chúng sinh; ngoài thì bội thầy phụ bạn, trong thì phụ chính bản tâm. Mãi đến khi tinh tấn hành lễ Phật thất ở Cổ Sơn Tự chứng được niệm Phật tam-muội Người mới dám tự nguyện gánh vác sự nghiệp Như Lai, đến chùa Long Sơn thọ đại giới, từ đó vân du tự tại. Người ta cho rằng nhờ theo phái thiền Lâm Tế mà Người chứng đắc, thực ra trước đó Người đã nhờ niệm Phật mà chứng Tam-muội, sau mới tham thiền. Cảnh giới mà Người thấy khi hành lễ Phật thất ở Cổ Sơn Tự chúng ta chỉ biết được đôi chút nhờ cuộc đối thoại giữa Người với một ngoại kiều. Người chơn chất khiêm cung trả lời thắc mắc của đồng đạo ngoại kiều từ xa xôi đến: “Lúc bấy giờ, trong tiếng niệm Phật bỗng nhiên thân tâm trở nên tịch tĩnh như đang ở trong cảnh giới xa lạ; mở mắt thấy hoa nở -chim hót – gió thoảng – cỏ lay, tất cả đều hòa nhập với tiếng niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng. Trạng thái này kéo dài trong ba tháng không gián đoạn”.

Trong “Kinh Phật nói về A-Di-Đà” có đoạn: “Lại nữa, này Xá Lợi Phất, cảnh giới ấy thường có các loài chim kỳ diệu đủ màu, bạch hạc, hồng trúc, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già cùng chung sống. Các loài chim này ngày cũng như đêm cùng cất tiếng ca thanh thoát, âm thanh diễn tả tuyệt vời các pháp ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần. Chúng sanh trong cõi đó nghe hòa âm như vậy rồi, tất cả cùng niệm Phật-niệm Pháp-niệm Tăng”.

Lại nói: “Này Xá Lợi Phất, cõi Phật ấy gió nhẹ thoảng lay, các hàng cây báu cùng các mạng kết bảo châu phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn thứ âm nhạc đồng thời trở lên, ai nghe âm thanh ấy cũng đều phát tâm niệm Phật – niệm Pháp – niệm Tăng”.

Lời nói trong kinh chiếu ứng với cái thấy của Người. Đức Phật từ bi, Sư phụ từ bi, tuy là miêu tả một cách sơ lược nhưng đối với hạng phàm phu chúng ta nghe như tiếng sét bên tai, như tiếng sấm vang rền. Ai cũng không thể làm ngơ giả điếc giả câm. Lời Phật dạy trong kinh, điều Sư phụ thể chứng chơn thật từng câu từng chữ. Vậy đối với pháp môn niệm Phật lễ nào ta chẳng có niềm tin sâu sắc.

Sau khi chứng nghiệm, Người quyết chí tìm nơi ẩn tu để thể hiện pháp thân tự tại, rồi được sự đồng ý cùng mấy lời dặn dò của Hòa thượng Chuyên Trần Người đến chùa Hưng Hóa thọ giới. Sau khi thọ giới trở về, chuẩn bị đi ngay vào núi tu khổ hạnh. Hòa thượng Chuyên Trần biết Người công phu chắc thực, long tượng sơ lộ, bèn đồng ý cho Người lên núi tu một mình. Khi lên núi, hành trang chỉ có 4 bộ quần áo đơn sơ để thay đổi mỗi khi cần giặt giũ và độ hơn 10 cân gạo; nhưng lòng chứa chan hy vọng, Người lên thẳng núi Thanh Nguyên phía sau chùa Thừa Thiên, chuẩn bị một cuộc sống “mai danh ẩn tích”.

6 Ẩn tu trên núi Thanh Nguyên lâm vào hang cộp

Núi Thanh Nguyên phía bắc Thổ Thành là một hòn núi hoang vu cỏ cây rậm rạp, không có người ở, rừng cây dày đặc. Núi này nối tiếp núi kia, trông từ xa như ruộng sắp theo bậc thang. Men dân theo sườn núi mà lên, núi này cao hơn núi kia. Hòn núi sau thì cao và có nhiều cây, người dân địa phương nhờ đó làm nghề đốn củi để sinh sống dần dần lập thành thôn xóm, trong núi có con đường nhỏ thông đến Thổ Thành. Người dân ở đây thường theo con đường này đi vào Tuyên Châu bán củi. Tương truyền các cô thành ở Đại Lục đều lấy kinh tuyến Bắc-Nam làm chuẩn. Phương vị của Phủ Thành theo hướng chính Bắc-Nam, biểu thị chính tâm, chỉ ra cho thấy công việc của quan phủ doãn cũng phải trung chính như phương vị của Thổ Thành vậy, - không một chút thiên lệch, Thành Tuyên Châu cũng xây dựng theo đạo lý của cô thành.

Sư ra đi khi từ tờ mờ sáng với ý định lên núi Thanh Nguyên tìm động kín đáo để tu. Khi đến chỉ thấy núi non trùng điệp, núi trước hoang vu rậm rạp không một bóng nhà, núi sau thì rừng cây dày đặc. Sư từng nghe nói trên núi nơi nào cây cỏ rậm là chỗ ở của cộp, núi có cây thì có người sinh sống; vì núi có cây thì nhiều chim muông nên lắm phần chim, cộp sợ phân chim làm bẩn da nên thường tránh xa rừng cây mà đến nơi cỏ rậm. Sư nghĩ: “Ta ở núi tu hành, phải tránh người như cộp tránh phân chim, cộp vì vẫn trên thân mà phải trốn trong cỏ rậm, ta vì ngộ đạo mà ẩn trốn vào núi sâu”. Thế là Người không màng để ý đến chuyện cộp và người gặp nhau phải ứng phó ra sao, chỉ chú ý đến việc tu hành phải tìm nơi an toàn để trú ẩn.

Lúc bấy giờ Sư còn sức khỏe mà phải đi từ sáng sớm cho đến quá Ngọ mới đến chân núi. Vì vách núi dựng đứng đường lên núi rất khó đi, chỉ còn cách cỡi bò đép, tay chân bám vào vách núi lần lần bò lên. Lên chưa được bao xa, bỗng thấy có hòn núi nhỏ bằng đầu áp mình vào một hòn núi khác trông vẻ kín đáo. Đến nơi thấy một cái động rộng khoảng 5, 6 thước [TQ] có hai lối ra, một bên cao ước bằng thân người đứng, còn một bên thì phải khom người xuống mới ra vào được. Trong động có một chỗ rất bằng phẳng, chung quanh rộng rãi. Sư mới lên núi lần đầu cảm thấy rất mệt mỏi bèn cỡi bò hành lý, ngồi nghỉ trên một tảng đá. Được xa lánh chốn thành thị huyên náo bỗng nhiên thân tâm nhẹ nhàng chưa từng thấy. Sư vào trong động sắp xếp qua loa, an trụ hai ba ngày trong thanh tịnh vô ưu, cảm thấy an vui tự tại.

Một hôm, như thường lệ Sư ngồi thiền trong động, bỗng nghe mùi tanh nồng nặc theo gió bay vào, Sư rất lấy làm lạ. Trong bối cảnh mơ hồ dường như có vật gì to lớn lần bước vào trong động, Sư mở mắt nhìn kỹ, không ngờ đó là một con mãnh hổ. Trong lúc hoảng hốt Sư thốt lên “A-Di-Đà Phật”. Mãnh hổ cũng bất ngờ nơi ở của chúa sơn lâm lại có tiếng “sư hồng”, nó kinh hãi vụt tháo chạy. Sau phút kinh hồn nó lấy lại tinh thần, vờn mình đi tới, từng bước từng bước tiến vào động... thình lình gầm lên một tiếng, trợn mắt nhìn Pháp sư.

7 Mãnh hổ quy y, khí vượn cúng dường

Thấy mãnh hổ chạy rồi Sư lấy lại bình tĩnh, tự nghĩ: “Nếu ta kiếp trước có nợ mạng thì đời này ta xin trả, gây nhân thì phải trả quả” lại nghĩ: “Nếu không phải vậy thì sao cái vòng nhân quả lại triển miên không dứt?”.

Sư chưa kịp định tĩnh con mãnh hổ đã trở lại vào động, Sư nói:

“A-Di-Đà Phật, lão hổ đừng sân giận! Oan oan tương báo không bao giờ dứt, người ở nơi đây thì ta sẽ ra ngoài, còn người nhường nơi này cho ta tu hành thì sau khi ta thành đạo sẽ độ cho người quy y Phật, Pháp, Tăng”.

Mãnh hổ nghe lời Sư nói không biết có hiểu hay không, nhưng nó đứng dừng tại chỗ không tiến tới nữa; Sư chỉ nhất tâm niệm Phật, yên lặng chờ xem điều gì lạ diễn ra. Thật bất ngờ, mãnh hổ gật đầu như tỏ dấu thần phục, hiền lành lui ra khỏi động, nó nằm phục trước cửa động rồi đứng lên như một vệ sỹ đứng hộ pháp. Sư thấy hiện tượng như vậy, nghĩ trong lòng: đây hẳn là Long Thần Hộ Pháp che chở, chư Phật và Bồ Tát gia hộ, nếu không thì khó thoát khỏi miệng cọp dữ. Từ đó lòng tin càng tăng, ý chí càng thêm kiên định, Sư âm thầm phát nguyện: “

Từ sau khi Sư hàng phục được hổ, sớm tối cùng với hổ ở chung, không còn sợ sệt, cọp dữ cũng hiền lành như gia súc, khôn ngoan và hiểu được chút ít tiếng người. Sau đó nó con dắt vợ con nhà họ hổ đến trước Sư mà đùa giỡn, trình diễn các kiểu múa vờn cho Sư xem, nhiều lần gục gặt đầu trước mặt Sư như cầu xin việc gì, Sư liền quy y cho chúng và chỉ dạy yếu chỉ giáo pháp.

Người tuy ở cảnh tiên chốn trần gian, không chút vướng bận sự đời, nhưng nơi đây là hoang sơn nhiều cỏ rậm, chẳng có rau dại để ăn, gạo đem theo không còn lấy một hạt; vả lại Người nhập định ngày càng sâu, mãi vui trong thiền định nên không thích đi xa. Mỗi lần bụng đói cồn cào Người chỉ cúi đầu xuống nhìn bụng, vỗ bụng hai cái an ủi nói:

“Chúng ta thương lượng với nhau, xin nhẫn nại một chút, chúng ta cùng ngồi nán thêm lần nữa, người không nên nôn nóng, đợi ta tu xong sẽ cho người ăn ngon, mặc đẹp!”. Cứ như vậy, Người ung dung nhập định quên cả bản thân và sự vật, không còn biết đêm nay nhắm vào tháng nào, năm nào?

“Đói quá! Đói quá!”- Người tuy vui trong cảnh giới thiền nhưng khổ nổi thân xác nó chẳng chịu vâng lời sai bảo. Bụng càng đói nó càng gào to; nhất là vào lúc đêm khuya vắng lặng, tiếng nó kêu vang như sấm, có khuyên dỗ cách gì nó cũng chẳng nghe, nó như đứa con nít đòi ăn kẹo. Phình gạt nó một hai lần thì được, nhưng nhiều lần thì hết linh nghiệm. Nếu nó không vờ vĩnh ồn ào thì lại la to khóc lớn; không cho ăn thì dứt khoát chẳng chịu yên. Không còn cách nào khác, Người bắt đầu thử uống trà, uống thật đầy bụng. Thế rồi đến khi xuất định, nhìn lại thân mình từ đầu đến chân, màu da bỗng trở thành vàng sậm! Người đổi sang uống nước lã thì thân thể phù thũng! Bực mình bèn kiên quyết không ăn uống, không cử động, chỉ nhập sâu vào thiền định thử xem nó ra sao. Dần dần chỉ còn một lớp da bọc xương, kể đến hơi thở cũng cảm thấy khó khăn và cuối cùng không cử động được nữa! Đến lúc ấy Người mới hiểu ra, như thế này thì nguy. Người bèn vận dụng tất cả sức mạnh tinh thần chuyển động cơ thể. Sau một hồi quán tưởng, đầu tiên hai lòng bàn tay có chút cảm giác dần dần cử động được, tiếp đến hai bàn chân chuyển dần từ cảm giác đến cử động được; sau cùng các bộ phận thân thể đều có cảm giác trở lại. Nhưng toàn thân vẫn mất hết năng lực, lúc đầu Người gắng gượng bò được trên mặt đất, rồi dựa vào vách động mà lần bước, tiếp đến chậm chậm từng bước kinh hành quanh ghế; nghi một một lúc... cuối cùng mới lê được tấm thân mệt lả ra ngoài tìm thức ăn.

Vì thường thường dùng hết sinh lực vào tu thiền, lâu ngày không ăn, đợi đến lúc không thể chịu đựng lâu thêm nữa Người mới ra ngoài tìm thức ăn, rồi bỏ mà về.

Một hôm, trong lúc đói lả, trông thấy xa xa có một bầy khỉ đang đùa giỡn, chúng ăn những hạt trái cây có vẻ ngon lành, Người bắt giặc chây nước giải, bụng cồn cào chịu không nổi, Người nhìn chúng... rồi nhìn lại mình... bỗng mỉm cười nghĩ bụng: "Tính chất của ta giờ đây so với con khỉ trên cây có khác gì, chúng ăn được tại sao ta không ăn được?" Bèn dang tay lượm những hạt chúng đánh rơi xuống đất lên ăn. Bỗng khi thấy có người gia nhập hàng ngũ, chúng tỏ vẻ lạ lùng, con này kẻ đầu tiếp tai với con kia lêu la chí choé. lát sau thấy trên tay Người chẳng còn hạt nào, chúng tranh nhau ném từ trên cây những hạt tươi ngon xuống cho Người ăn. Ăn xong Người cảm thấy đôi mắt sáng ra, tinh thần sảng khoái. Từ đó bầy khỉ hộ pháp cũng có "tình người", thường hái trái cây mang đến cửa động dâng cúng Pháp sư.

(Cư sỹ Khuất ánh Quang, nhân dịp chúc mừng Đại thọ thất tuần của Người, có tặng mấy câu hàm ý liên hệ đến sự kiện trên:

Nhân viên tổng thực
Mãnh hổ quy y
Hiện giới cổ hy
Nhưng thị vong hình

Tạm dịch: Vượn người mời ăn

Cọp dữ quy y
Nay tuổi cô hy
Vẫn quên hình hài
Kính chúc Phật thọ vô lượng

Mặc dầu vấn đề ăn tạm ổn nhưng con người vẫn là con người, những ngày tháng gian khổ ấy thật khó khăn nghiệt ngã. Một hôm Người cảm giác trong dạ bồn chồn... bỗng thấy đàn chim bay lượn trên không, đậu lên cây kêu hót như rất an nhiên tự tại. Người nghĩ: con người là vật linh trong vạn vật, sao lại không sống tự nhiên như chúng. Thế là Người trút bỏ những u uất trong lòng, quyết định bắt chước theo chim, tùy thuận thiên nhiên, tùy duyên tự tại sống qua ngày.

8 Ăn củ rễ cây vẫn sống qua ngày

Sau đó Sư đào được dưới đất một khối "củ rễ cây" nặng 5, 6 cân, như được của báu, trân quý nó vô cùng, mỗi lần chỉ cắt một miếng nhai thật nhuyễn, phần còn lại đem chôn xuống đất; tạm đánh lừa cơn đói xong liền trở lại nhập định, lần xuất định sau lại ra đào củ ấy lên ăn một miếng, cứ đào lên ăn dần như thế, hết 5-6 cân củ rễ cây, duy trì thức ăn đó được vài năm. Theo lời Sư kể: đào lên ăn một miếng thì phần còn lại đem chôn, một thời gian sau chỗ cất mọc ra củ mới, do vậy tuy củ chỉ có 5-6 cân nhưng không ngừng sanh trưởng, công cứu giúp của nó thật là to tát.

Vì ở lâu trong núi, món ăn hoang dã trở thành món tự nhiên, đoạn tuyệt lối ăn nấu nướng của nhân gian, Sư hoàn toàn trở thành người ăn sống theo tự nhiên. Một bữa nọ, Sư đang ngồi thiền trong động bỗng nghe từ núi sau vọng lại tiếng kêu la kinh hoàng. Sư vội bước ra xem chuyện gì xảy đến, thấy mấy người tiều phu đứng ở núi sau chỉ chỏ con hổ dưới núi mà la hét. Sư liền gọi to bảo họ đừng sợ hãi cứ xuống núi tự nhiên không sao. Nhưng chẳng ai dám "hạ sơn" cũng không dám huyền não nữa. Mọi người vô cùng kinh ngạc nhìn Pháp sư. Sư bâng hoàng nhưng rồi mỉm cười tự nhủ: mình không sợ chứ làm sao bảo họ không sợ? Bèn quay về phía hổ nói: "Các con xem đây, vì kiếp trước các con tạo nghiệt, sân si quá nhiều nên kiếp này mặt mày dữ dằn ai thấy cũng sợ, thôi đi đi!" Nghe Sư nói như vậy, mấy con hổ biết ý bỏ đi. Đám tiều phu cản ra chợ gạo, vội vàng xuống núi, mang theo cái mắt thấy tai nghe cùng với củ rừng truyền khắp thành Tuyên Châu. Danh hiệu "Sư phục hổ" không chân mà chạy khắp nơi bắt nguồn từ đó.

Kể từ ngày ấy mỗi lần tiều phu đi qua đều lưu tâm tìm bóng dáng Sư phụ. Nếu tình cờ gặp được, họ vẫy tay gọi chào. Nhưng có một dạo, lâu lắm họ không trông thấy bóng Người, họ bàn tán xôn xao. Một bác tiều phu tò mò bám theo vách đá leo lên núi, đến trước cửa động thăm dò bên trong, chỉ thấy Sư nhắm mắt ngồi yên trong tư thế rất an nhiên, bác ta không dám gây nhiễu động, len lén rời xa. Qua vài ngày nữa cũng chẳng thấy hình bóng Sư xuất hiện, bác bèn một lần nữa trở lại xem sao, vẫn thấy Sư ngồi yên như trước. Nhiều lần như thế, trong lòng sinh nghi liền chạy đến chùa Thừa Thiên bẩm báo với Ngài Chuyển Trần. Ngài Chuyển Trần bảo cho biết đó là "nhập định", bác tiều phu nghe vậy thì hay vậy thôi, rồi cũng không còn lấy làm lạ nữa. Nhưng, hết ngày nọ sang ngày kia... đám tiều phu cảm thấy không yên tâm. Tuy họ quê mùa chẳng biết gì, nhưng ai tin được rằng người không ăn, không cử động mà ngồi lâu đến như vậy. Thế là họ vào động thử gọi Sư, không thấy hồi đáp; sờ vào

mũi cũng không thấy hơi thở. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, ai cũng cho rằng Sư đã chết. Có kẻ vội đến chùa Thừa Thiên báo tin lẫn nữa để tính việc an táng, phải lo liệu sớm, không thể bỏ mặc Sư trong chốn núi rừng.

Thông báo đã lâu rồi, trên một trăm hai mươi ngày! Chính Hoà thượng Chuyển Trần cũng cảm thấy "không ổn" nhưng chẳng dám vội vàng quyết đoán; một mặt sai người lên núi chuẩn bị củi lửa để hoá táng, một mặt cấp báo với Đại sư Hoằng Nhất thỉnh Ngài đến giám định sống chết. Lúc bấy giờ Đại sư đang hoằng pháp tại Vĩnh Xuân, tỉnh Phúc Kiến; nhận được thư tín Ngài liền sai người đến ngăn cản, nhất thiết không được hành động vội vàng, chờ Ngài đến nơi xem xét rồi sẽ quyết định.

9 Đại Sư Hoằng Nhất búng tay ba lần tránh được việc hoá thiêu

Sau khi Đại sư Hoằng Nhất đến chùa Thừa Thiên liền cùng với Hoà thượng Chuyển Trần dẫn một số người lên núi. Ngài vào trong động xem xét kỹ lưỡng, nét mặt nghiêm trang, tán thán: "Cảnh định này các bậc Đại Đức từ xưa đến nay rất hiếm có", liền đến trước Sư, khẽ búng ngón tay ba lần. Mọi người theo gót Hoà thượng Chuyển Trần hướng về phía động đá Bích Tiêu tham quan. Động Bích Tiêu là nơi ẩn tu của Lão Hoà thượng Hoằng Nhân, - Pháp sư của Ngài Quảng Khâm. Lão Hoà thượng và Ngài đã cùng hẹn nhau tu khổ hạnh tại núi này; một người tu thiền ở động phía dưới núi, một người tu niệm Phật ở động phía trên. Mọi người lên tới động Bích Tiêu, trong lúc pha trà chưa xong thì Sư đã xuất định, đi lên núi ra mắt đánh lễ Đại sư Hoằng Nhất, Hoà thượng Chuyển Trần và Hoà thượng Hoằng Nhân.

Ngài Hoằng Nhất khiêm tốn không tự cho là trưởng bối, cũng đáp lễ lại với Sư. Sư nói: "Đại Sư đến đây, xin được biết có điều gì dạy bảo?" Ngài Hoằng Nhất trả lời: "Không dám! Không dám! Phiền nhiễu việc tu hành của Sư, thật đắc tội". Cùng nhau hàn huyên một lúc, Ngài Hoằng Nhất thấy sự tình đã xong ổn nói với Sư: "ở đây chẳng có việc gì, xin thỉnh Sư trở lại an nghỉ".

Suýt chút nữa ngọn lửa lấy đi sinh mạng. Đại định chấn động thế gian, chỉ đôi câu nói giản đơn và mọi sự trôi qua. Ngài Hoằng Nhất ngại làm phiền thêm việc tu hành của Sư, bèn lần theo con đường nhỏ ở núi sau, đi vòng ra khỏi núi. Quả là từ xưa đến nay những bậc đại đức tu hành đều giản đơn thuần phác như vậy, khiêm cần mà chu đáo.

Sư từ sau lần nhập đại định ấy vẫn nhất mực sách tấn, nỗ lực tham thiền cho đến khi chứng đạo, ở trong động trước sau mười ba năm. Đối với nhiều người, đừng nói chỉ sống một mình gian khổ 13 năm trong núi, ngay ở trong nhà đầy đủ tiện nghi mà một mình đối diện với chính mình, cô tịch trong vòng một ngày đêm cũng đã thấy rất bức bối, huống gì một mình ngồi trong động núi hoang vắng suốt 13 năm? Chỉ xét về cái năng lực chịu nổi sự vắng lặng đã là điều mà hạng phàm phu chúng ta không thể tưởng tượng. Lại còn nội tâm thể nghiệm cả một quá trình chịu đựng cái khó chịu đựng, làm nổi cái khó làm. Dĩ nhiên, cảnh giới chứng đắc trong đó Pháp sư tự tại an lạc trong pháp hỷ đâu phải là cái cảnh mà chúng ta có thể hình dung được, và chúng ta cũng không có cách gì cùng chia sẻ với Người. Ấy là cái phần thưởng đền bù cho công tu khổ hạnh của Người. Quy luật trong thiên nhiên xưa nay vốn bình đẳng, cái mất ở chỗ này sẽ tìm thấy nó ở nơi khác, không thể cùng một lúc có được cả hai. Việc tu hành cũng vậy, không có bất kỳ tiện nghi (ưu tiên) nào để mà chiếm, cũng không có thể cho sự xảo trá giả dối; tất cả phải đi từng bước thực tiễn, cày cấy được bao nhiêu thì thu hoạch được bấy nhiêu.

Sau khi chứng ngộ Người thường suy nghĩ: nếu không xuống núi độ sanh thì cũng giống như cửa động bị đá chắn, dù cho bên trong có vật gì quý báu cũng không đem ra được để cho thế nhân cùng thọ hưởng, cũng lắm là tự túc cho riêng mình và chỉ làm một con người ích kỷ mà thôi. Như vậy thì không những phụ ơn Phật mà còn trái với thế nguyện ban đầu. Thế là Người kiên quyết dẹp bỏ cái khối đá trong lòng, mạnh dạn hướng về chúng sinh trong biển khổ, làm thuyền từ hải đăng cứu độ.

Lúc bấy giờ đúng vào năm 1945, năm kháng chiến chống Nhật thắng lợi, Người đã 55 tuổi. Sau khi Người trở về chùa Thừa Thiên, tự nhiên nổi lên dư luận xôn xao trong đại chúng, có người nhìn "con người sơn động" quần áo lam lũ trước mặt mình với đôi mắt hiếu kỳ, có kẻ nhìn bằng đôi mắt hoài nghi; thử hỏi con người tầm thường, mặt mày trông chẳng có gì gọi là thoát tục như Sư làm sao có thể chứng ngộ một cách siêu việt? Nhưng đa số đồng đạo nhìn Sư với ánh mắt thương cảm và kính phục. Người ta chú ý nhất ở chỗ: áo Sư ba cái vá thành một cái, kín bên này thì trống bên kia, ăn một bữa thay cho ba bữa, mà còn bữa có bữa không; trong lòng ai nấy đều lấy làm cảm khái "tu khổ hạnh đâu phải là chuyện dễ!" Sư chẳng quan tâm người ta nhìn mình bằng đôi mắt như thế nào, nói với mình bằng lời nói ra sao; vẫn giữ thái độ trung hậu, khiêm cung, nét mặt hoà ái với mọi người, không thấy có gì khác biệt khi chưa lên núi và sau khi xuống núi. Sư vẫn y nhiên làm công việc của mình: ban ngày cùng với đại chúng chấp tác công việc, chiều lại lên chánh điện tọa thiền, an nhiên tự tại. Nhìn bề ngoài chẳng thấy Sư biểu lộ vẻ gì rạng rỡ sau mười ba năm gột rửa!

10 Bị nghi ngờ mà như tắm gội gió xuân

Sư trở về chùa Thừa Thiên không được bao lâu, tiền công đức trong Đại Điện bị mất. Khi Thầy giám viện và Thầy phụ trách hương đèn đưa tin đó ra, cả chùa xôn xao. Lúc Sư chưa trở về chùa, số tiền công đức này chưa bao giờ bị mất cả, Sư về chưa được bao lâu tiền công đức hương đèn nhờ vào đó tăng chúng sinh sống, nay bỗng không cánh mà bay, khiến cho ai nấy đều nghi ngay đến sư Quảng người hàng đêm ngồi thiền trong chánh điện, nếu có ai lấy trộm thì Sư phải là người hay biết, mà Sư lại không có phản ứng gì, thế thì người lấy trộm tiền công đức ấy là ai? Trong lòng mọi người tuy không nói ra nhưng ai cũng khẳng định được!

Kể từ đó cả chùa từ trên xuống dưới tuy chẳng ai bảo ai, nhưng mỗi lần lên Đại điện hoặc lúc gặp gỡ Sư ai cũng nhìn bằng cặp mắt lạnh lùng. Người xưa nói: "Bị muôn người chỉ mặt không bệnh cũng chết". Sống trong hoàn cảnh bị mọi người mặc nhiên ruồng bỏ Sư vẫn không một lời biện bạch, cũng không hề khởi tâm buồn oán bất mãn. Sự thế như vậy diễn ra hơn một tuần lễ, Sư vẫn tươi tỉnh như tắm gội gió xuân.

Lúc ấy Thầy giám viện và Thầy hương đăng mới phơi bày sự thật của công án. Nguyên số tiền công đức bị mất là do hai thầy nghĩ ra để khảo nghiệm sư Quảng, xem thử 13 năm trên núi Sư rèn luyện được nhân cách như thế nào! Nào ai nghĩ tới, trước sự công phần của tăng chúng Sư vẫn an nhiên như tắm gội gió xuân. Qua sự giải bày của hai thầy, đại chúng ai nấy đều tự lấy làm xấu hổ. Suốt trên một tuần, kể mà ngay ngày bị mọi người khinh rẻ lại là một nhân cách tuyệt vời, một tăng nhân siêu phàm thoát tục. Mọi người ngoài cái tâm trạng áy náy bất an vì lầm lẫn đáng thẹn nay còn mang lòng kính phục tán thán bội phần. Phần Sư thì vẫn thản nhiên tự tại như chẳng có gì xảy ra, không vì khen chê được mất mà biến đổi dung nhan.

Năm Dân Quốc thứ 35 (1946) sau tiết Đoan Ngọ, một anh họ Lâm người Vĩnh Xuân tỉnh Phúc Kiến đến tham quan chùa Thừa Thiên, vốn có nhân duyên với Sư, Người nói: "Anh đến Đài Loan dạy học, hãy nên gửi thư cho tôi, Phật giáo Đài Loan bị ảnh hưởng của Thần Giáo Nhật Bản làm cho không có sự phân biệt giữa tăng và tục. Tôi cũng có nhân duyên với Đài Loan, sẽ sang đó xây dựng đạo tràng, hoá độ chúng sanh".

nh Lâm nhận lời ngay và ở lại với Sư một tuần, chuyện trò tâm đắc rồi xin quy y làm đệ tử Người, và phát tâm suốt đời hộ Pháp. Ngày 17 tháng 6, Lâm từ giả Sư để chuẩn bị đi Đài Loan. Lúc chia tay Sư nói: "Nếu đi không được thì trở lại trò chuyện". Lâm cũng không hiểu tại sao, sau khi từ giả lên tàu cảm giác lời nói của Sư có ẩn ý gì đó. Không ngờ khi thuyền vừa ra biển liền gặp gió bão, không thể ra khơi... Lâm rời thuyền lập tức đi nhanh đến trình báo với Sư thì thấy người đã đứng đợi ở sân thềm trước điện, thấy Lâm đến Sư cười khà khà nói: "Thầy biết thế nào con cũng trở lại". Hôm sau Lâm nóng lòng đi Đài Loan, nói với Sư phụ: "Con rất thiết tha đi Đài Loan, không biết khi nào thì đi được?" Sư bảo: "Chiều ngày 20 lên thuyền, 21 ra biển, ngày 22 có thể đến nơi. "Trưa ngày 20 quả nhiên Hăng tàu thông báo chiều tối lên thuyền. Anh Lâm lại từ giả Sư phụ, Người dặn dò hai ba lần là phải gửi thư liên lạc. Lúc Lâm lên đường Sư còn chúc "Thuận buồm xuôi gió", về sau quả đúng như lời Sư nói, anh Lâm đến Đài Loan nhanh chóng bình yên.

11 Động Nhật Nguyệt nước phun báo điềm lành

Sau khi đến Đài Loan cư sỹ Lâm Giác Phi thường liên lạc với Sư. Mùa hạ năm 1947 do sự sắp xếp của Lâm, Người cùng vị tăng Đài Loan, - pháp sư Phổ Vượng (ở thành phố Cơ Long, sau đổi tên là Phổ Quán, trụ trì Giảng đường Phật giáo Cơ Long, nay đã viên tịch) trừ Hạ Môn đi bằng tàu Anh đến Đài Loan.

Ban đầu Người ở trong một ngôi nhà trống cất theo kiểu Nhật, thuộc Nghĩa trang Không Quân Tân Điềm. Năm 1948, Người khai tạc động Quảng Minh trên vách đá phía sau đường Tân Điềm (nay là chùa Quảng Minh) năm 1950 lại cất chùa Quảng Chiêu: năm 1961 tạc tượng Phật A-Di-Đà thật lớn, hoàn thành vào mùa đông năm ấy. Ngay lúc gần xong chẳng hiểu vì lý do gì Sư vội rời chùa, công việc đình chỉ. Năm 1952, cư sỹ Lý Văn Khái quê Quảng Đông quyền tiền hoàn thành công trình. Sư rời chùa đến núi Phúc Sơn ở Thổ Thành tìm một động đá thiên nhiên, sống lại đời sống ẩn tu như trước. Sơn động Sư ở cao hơn hai trượng, sâu độ hai trượng rưỡi. Cửa động nhìn về hướng Đông nên nhận được cả ánh mặt trời và ánh trăng mới mọc, do đó Sư đặt tên là động Nhật Nguyệt. Động này trước kia không có nước, từ ngày Sư ở bỗng những từ khe đá trong động phun ra chảy dọc trên cỏ, Sư vội đào một cái ao nhỏ để chứa, nước trong mát ngọt miệng, uống vào giải ngay cơn nóng khát. Sư vui mừng được sống linh, mùa xuân năm 1952 cất ba gian nhà gỗ trước cửa động, bên trái làm nhà bếp, chính giữa thờ Bồ-tát Địa Tạng. Cũng năm ấy Sư dựng một lều tranh cho hai đệ tử Truyền Giác và Truyền Ba cùng ở, đồng thời giao cho sư Truyền ý làm giám viện Động Nhật Nguyệt.

Năm 1953, Sư lên đỉnh núi cất một cái lều tranh nhỏ ở. Có con trăn lớn đêm thường bò tới chỗ Sư mà không tỏ chút gì sợ sệt, Sư quy y cho nó. Một hôm mấy người con trai ông trưởng xóm phía dưới núi bắt gặp con trăn bèn gọi đồng người cùng nhau dùng gậy định giết nó; Sư từ trên núi nghe tiếng ồn ào vội vàng ra báo với họ: "Trăn đã quy y Tam Bảo rồi, đừng giết hại!". Nghe Sư nói cả bọn giải tán bỏ đi.

Từ khi Người dời tới ở Động Nhật Nguyệt rất ít ai biết, sau ba lần nhập đại định mới làm chấn động nhân gian. Mùa xuân năm 1955, các tín nữ Bàn Kiều mua đất núi ở Thổ Thành cúng dường Người, núi này tục gọi

Hoả Sơn, nguyên là một đám rừng tre. Người đi vào rừng theo một con đường nhỏ, chặt tre dài độ ba thước, dùng giây thép cột lại thành tấm vạt tre, cột nó vào thân cây tre sống, cách mặt đất vài thước, Người ngồi kiết-già trên đó, giống như lối sống của người thời tiền sử. Về sau mới mở đất cất một gian nhà lợp ngói để thờ Phật, còn lại thì dựng lều tranh.

Năm 1956, Người trở về Tân Điểm, đến cuối năm 1958 lại trở lên Hoả Sơn ở Thổ Thành. 1960 xây Đại Điện, từ đó mới đặt tên là Thừa Thiên Thiền Tự, đổi tên núi thành Thanh Nguyên Sơn [núi suối trong] để ghi nhớ con suối hồi Người xuất gia "diện bích". Năm 1962, lại xây cất điện Tam Thánh; năm 1964 thể theo lời thỉnh cầu của tín chúng Người đến Hoa Liên, rồi quay lại Đài Trung xây dựng Quảng Long Tự trên núi Thanh Thủy. Suốt nhiều tháng Người chưa trở lại núi cũ, sư giám viện lấy cớ đã ba lần mời mà Người không về, đem đồ vật tích lũy xưa nay trong chùa phân phát theo thứ bậc cho huynh đệ và để mọi người tự phân tán. Cuối năm 1964 Người trở lại Thừa Thiên Thiền Tự tu bổ, dựng cổng chùa và làm phòng phương trượng. Từ ngày Người đến Đài Loan cho đến khi định cư tại chùa Thừa Thiên trước sau 17 năm, ẩn tích không muốn cho người biết. Bao nhiêu gian nan hoạn nạn không hề nói cho ai hay, bao kẻ xấu ác bắt công Người đều nhẫn nhượng và chẳng lấy làm thắc mắc. Từng có người đề nghị: "Những tên vô lại đó, phải trị chúng mới được, phải dùng luật mà chế tài". Người chỉ trả lời: "Người tốt cũng phải độ, kẻ xấu cũng phải độ. Chúng ta phải tự hổ thẹn đức mình chưa đủ, nên không cảm hoá họ được, không nên lấy oán báo oán".

12 Thiền tịnh song tu hiển thị mô phạm chư Phật

Sư tu theo hạnh đầu đà của hai pháp môn Thiền và Tịnh, lấy thân mình hiển thị mô phạm của chư Phật. Trừ lúc trời mưa ra, hằng đêm Sư đều ngồi ngoài trời. Suốt mấy mươi năm Sư vẫn hành trì như thế. Có điều rất lạ là sáng sớm cây cối núi rừng đều ướt đầm sương, chỉ có chỗ Sư ngồi đường kính ước vài thước thì hoàn toàn khô ráo. Do lòng từ bi thường cứu giúp người và công phu thiền định sâu dày của Sư mà càng ngày số người tìm đến thăm viếng Sư càng đông, có người phát tâm quy y cầu xin học đạo, có người vì hiếu kỳ ham vui, cũng có kẻ tự cho mình cao siêu đến thử đức công phu thiền định; đủ hạng người với tính cách khác nhau như thế, mà Sư tuy là một cụ già không biết chữ nhưng đối đáp rất dễ dàng, tự nhiên; quả thật là Phật pháp không thể nghĩ bàn. Xin nêu vài ví dụ công hiển quý vị độc giả.

(1) Một hôm có một giáo sư tự cho mình công phu thiền định rất cao, sáng sớm đường đột bước vào thiền đường của Người. Chẳng nói chẳng rằng, ông ta tự động ngồi xuống; Sư cũng yên lặng không nói lời nào. Qua một lúc khá lâu, ông giáo sư mở lời trước:

- Thưa hoà thượng! ngài xem thử tôi đạt tới thiền thứ mấy?

Hoà thượng nói:

- Tôi không thấy.

- Nghe nói công phu thiền định của ngài rất cao, tôi đã đến đệ tứ thiền sao ngài không thấy?

- Hoà thượng trả lời:

- Tôi chỉ biết ngày ăn ba bữa, chẳng làm việc gì.

Tiếp đó Người đưa tay lấy tờ giấy vệ sinh, nhép miệng mấy cái quay đầu lại hỏi ông ta:

- Giấy vệ sinh đang nói với tôi, ông có nghe được không?

Ông giáo sư như gặp phải "Kim Cang hai trượng chẳng với tới đâu", lạng lẽ rút lui.

(2) Có một vị Pháp sư đến thăm, nói với Người:

- Khi ở nước ngoài mỗi lần có động đất hay gió bão, tôi dùng pháp sau đó động đất và gió bão đều biến lặng. - Người đáp:

- Bàn đạo thì chẳng làm gì cả.

Lần thứ hai đến, vị Pháp sư lại nói:

- Hoà thượng ạ, hiện nay tôi không làm gì hết. - Người nói:

- Bàn đạo mỗi ngày ăn cơm, ngủ nghỉ, đi tản bộ.

Công phu thiền định tự nhiên như thế, không có cái tôi đang làm gì, không chấp có cũng không chấp không. Nếu có người tự bảo "tôi có" công phu gì, Người dùng "không" để đáp lại, còn người nào bảo "không" thì Người lấy "có" mà ứng đối.

Vị Pháp sư ấy sắp ra về, nói với Người: "Thịnh Hoà thượng nên ra nước ngoài hoá độ húng sanh". - Người gật đầu:

- Ngài đến đó thì tôi đến!

Pháp sư nghĩ là Hoà thượng sẽ hiển thần thông, bèn hành trang trở lại xứ người. Song chờ mà chẳng thấy Hoà thượng tới, Pháp sư thấy sốt ruột. Lần sau trở lại Đài Loan thăm, Pháp sư hỏi:

- Trước đây Hoà thượng chẳng bảo rằng tôi đến thì Ngài đến sao?

Lâu quá chẳng thấy Ngài đến? - Người còn đáp:

- Ngài tới đây bàn đạo tiếp Ngài ra sao, đã nói những gì, hẳn là Ngài đã hiểu rất rõ ràng? Khi Ngài trở về, đem những gì bàn đạo nói với Ngài nói cho họ nghe, đó chẳng phải là Ngài đến thì tôi đến hay sao? Pháp sư khách hốt nhiên hiểu ra, im lặng chẳng nói lời gì.

(3) Một hôm, có vị sư chuyên tu Phạm hạnh đến thăm Hoà thượng, nói với Người: "Tôi tu tam-muội được mấy mươi năm, nay đến Đài Loan tìm chỗ tu hành, xin Hoà thượng chỉ dạy cho".

Người trả lời:

- Ngài tu tam-muội đã mấy mươi năm, xin chỉ dạy cho tôi, tôi chưa tu tam-muội gì bao giờ, làm sao nói với Ngài được.

Nhà sư lại hỏi: "Tôi định đóng cửa ần tu, đại khái cần miếng đất chừng vài mươi bình [đơn vị diện tích -ND] bên ngoài có vườn hoa nho nhỏ, Hoà thượng thấy thế nào?" - Người đáp:

- Chúng ta đóng cửa, mục đích là đóng tâm hay là đóng thân? Nếu đóng tâm thì cái thân tứ đại giả hợp này của ta cũng đủ lớn rồi, còn như thân muốn hưởng thụ thì ngũ đại cũng không đủ. Đóng là đóng lục căn, tu tâm đâu phải là vào địa ngục.

Khi Người đối đáp với ai, trả lời ngay thẳng, không cần suy nghĩ, không cần lấy lòng, cũng chẳng cần giữ sĩ diện, hoàn toàn "trực tâm đạo tràng".

13 Lên núi thỉnh giáo, thăm nhuần đạo vị

Do số người ngưỡng mộ càng ngày càng nhiều, Hoà thượng thường cần có thời gian tịnh khẩu, nhưng khi tịnh khẩu vẫn không ngăn được số người lên bái kiến. Đến thứ bảy hay ngày nghỉ đều có những người lần theo bậc đá lên núi, đi ba bước lạy một lạy. Bọn họ hoặc năm ba người hoặc vài chục người hoặc vài trăm người; già có trẻ có, nam có nữ có, cũng có người tàn tật. Ai nấy đều hết lòng thành kính niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà hoặc Bồ Tát Địa Tạng; bất kể trời nắng gay gắt hay gió rét, mưa thu họ đều cúi lạy hoặc bò trên đất mà lên, cứ như thế hơn ba tiếng đồng hồ. Lên tới núi họ cúi đầu, vẫy gọi chào Hoà thượng, hoặc được Hoà thượng xoa đầu hỏi thăm vào câu đơn giản; thế là thiên hạ như gặp được của báu, lòng mừng hớn hớn.

Cũng có nhiều phật tử xuất gia hay tại gia chuyên nghiên cứu Phật pháp, đem những điều họ nghi hoặc từ bao năm chưa đả thông được lên núi nhờ Người trực tiếp chỉ dạy. Một vị sư hỏi:

- Khi đóng cửa ần tu, có phải càng lúc càng ăn ít đi?

- Không phải vậy, phải bình thường theo lẽ tự nhiên, không nên câu chấp, không còn cái "ta" ấy mới gọi là đóng cửa; còn cái "ta" còn có ý niệm "ăn nhiều ăn ít" thì chẳng phải là tu hành mà là chấp trước.

Có người hỏi: "Người mới xuất gia phải tu như thế nào?"

- Trước tiên phải tu khổ hạnh, tức là: ăn đạm bạc, mặc thô sơ, siêng năng làm việc, bất luận gánh nước, khâu vá, trồng rau, dọn nhà vệ sinh, bửa củi, đun nước vv... đều phải làm; làm nhiều việc nặng nhọc thì trí huệ mới dễ khai mở. Một người khi mới vào chùa phải làm cho tâm an trụ, tốt nhất là chuyên niệm Phật A-Di-Đà.

Hỏi: "Làm việc nặng nhọc là tu khổ hạnh hay sao?".

Đáp: "Nhất thiết không so đo tính toán; trong sinh hoạt hằng ngày không khởi tâm phân biệt, ấy là tu khổ hạnh".

- Đóng cửa nhập thất có khi không muốn ăn cho nên không ăn, như vậy có được không?

- Có ý không ăn thì hoả khí bốc lên, không thể tu được; ý nghĩ không muốn ăn khởi lên, như vậy là còn chấp trước, không muốn ăn là còn cái ta không muốn ăn.

- Có lúc không ăn lại cảm thấy nhẹ nhàng.

- Đó chỉ là hiện tượng thoải mái tạm bợ trong vài ngày, vì chúng ta chưa đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, một niệm không sinh, cho nên chấp ý "không ăn", thân thể suy nhược dần.

Trừ những người lên núi tham bái hỏi đạo nối tiếp nhau không dứt trên đường, ngoài ra trong chùa cứ mỗi lần đến ngày sinh nhật của Hoà thượng, mỗi tháng bảy đại hội tín đồ có tuần niệm Phật, mỗi tuần lễ đầu tháng có Pháp hội "Đại bi sám", vào những dịp này cũng đông nghẹt tín chúng. Trong chùa bất luận kẻ già người trẻ, vì tinh thần độ chúng mà ai nấy đều bận rộn rít, không khí thật là vui.

Có một tăng nhân thường trú trong chùa cảm thấy ngã chấp của mình quá nặng không phá trừ ngay được. Một hôm đến quỳ trước Người, khẩn cầu xin dạy cho cách gì để khắc phục, Người nhận lời; vị thường trú vui mừng khôn xiết. Một hôm nhằm ngày Pháp hội, đại chúng đang lúc bận rộn bỗng nghe Sư quở trách vị ấy trước mặt mọi người. Không ai rõ lý do, chỉ cảm thấy có cái gì đó khác thường, vì Người từ trước đến giờ chưa khi nào lớn tiếng mà chỉ ôn tồn dạy bảo riêng. Ít lâu sau, thấy ông thường trú thu xếp hành trang quỳ trước Sư, nước mắt đầm đề xin từ giã ra đi. Hoà thượng cười bảo: "Ông đã không nhờ tôi giúp ông phá ngã chấp đấy ư? Tại sao chỉ vì đôi lời châm chích mà đã muốn ra đi!". Ông ta bỗng như tỉnh mộng, gạt nước mắt cười, cúi đầu đánh lễ rồi lui ra.

Đôi khi cũng có kẻ nói xấu người khác trước mặt Sư: "Bạch Hoà thượng, Pháp sư X... lấy tiền Tam Bảo đem xuống miền Nam mua đất xây chùa, xin Hoà thượng nên lưu ý".

Người đáp: "Ồ! Chỉ xây một ngôi chùa ở miền Nam thì năng lực còn kém, sao không xây cho thật nhiều, tốt nhất nên ra nước ngoài xây vài ngôi chùa".

Lời thị phi dừng lại trước người trí. Đối với những người chấp sự trợ lý bên dưới, Người đều tuyệt đối tin tưởng.

Hỡi những ai than rằng chùa không giữ được chúng, hãy nên làm theo gương Người thì tốt đẹp biết bao!

14 Không phân biệt già trẻ, Người đều khuyên niệm Phật

Từ khi Hoà thượng tuổi thọ đã vào khoảng 80 thì răng cỏ rụng hết, sau đó chỉ dùng toàn thức ăn lỏng. Đêm đêm Người vẫn ngồi thiền, trong vòng 10 năm lại đây Người chưa từng xuống núi. Nay Người đã 92 tuổi, tuy rất cao niên nhưng vẫn cứng cáp minh mẫn như xưa, đôi mắt sáng trưng có thần làm cho người đối diện không dám nhìn thẳng. Mỗi khi có ai hỏi Người tu hành mấy mươi năm chúng được cảnh giới nào? đắc tam-muội gì? Người chỉ lắc đầu bảo là không chứng đắc gì hết, già rồi chẳng có tam-muội gì, chỉ biết niệm Phật thôi!

Sư thường khuyên người ta niệm Phật, mỗi khi có người biếng nhác, Sư từ bi ân cần khuyên nhủ: "Niệm Phật không phải là điều giản dị cần phải trút bỏ mọi thứ ràng buộc khuấy nhiễu; một lòng thanh tịnh niệm Phật mới có thể cảm ứng được. Phải niệm sáu chữ Hồng danh đức A-Di-Đà sao cho thật rõ ràng, trong tiếng; tai nghe đầy đủ, lòng không chút nghi ngờ, các tạp niệm khác tan biến một cách tự nhiên, thì nhất định sẽ đạt đến nhất tâm bất loạn. Nếu tin lời tôi nói, thành tâm niệm Phật, đi đứng nằm ngồi không ngừng niệm như vậy, cho đến trong giấc ngủ cũng vẫn niệm được. Một câu niệm Phật ghi nhớ trong lòng, không bị lục căn lục trần khuấy nhiễu, đến lúc đó tự nhiên tâm không còn tham luyến, ý không còn điên đảo. Đền chùng công phu thuần thực, cảnh giới Tây Phương Cực Lạc tự nhiên hiện ra trước mắt... Tuyệt đối chớ nên xem thường".

Người còn nói: "... Niệm tức là tưởng niệm mình phải giống Phật! phải như Phật! ngày sau công phu thành thực nhất định thành Phật!".

- Niệm Phật, nếu như tâm tán loạn thì phải làm sao?

- Chỉ có cách là phải niệm liên tục, tập trung hết tinh thần vào sáu chữ Nam mô A-Di-Đà Phật là được!

- Thừa Pháp sư, còn mang nghiệp có vãng sanh được không?

- Còn mang nghiệp thì không thể vãng sanh được, câu mà cổ Đức ngày xưa nói: "đời nghiệp vãng sanh" không phải như người ta thường hiểu, ông tâm nguyện vãng sanh vào cảnh giới Cực Lạc, khi chết nếu nghiệp lực lớn hơn niệm lực thì không thể vãng sanh, nếu như niệm lực lớn hơn nghiệp lực thì có thể vãng sanh.

Nói tóm lại, bất luận là người già hay trẻ, Sư phụ đều khuyên niệm Phật. Nay Người đã quá cái tuổi "cổ lai hy" vì nguyện độ sinh mà rán đem sức tàn ra chèo chống. Hàng nhân sỹ sáng mắt sao có thể bỏ lỡ cơ duyên may mắn này!

Hoà thượng Quảng Khâm đã nói như vậy...

Thủ Như

Đại lão Hoà thượng Quảng Khâm, năm nay tuổi hạc chín mươi ba, tu hành đã bảy mươi ba năm, đang ngồi từ tường trên chiếc ghế mây trong điện Địa Tạng chùa Thừa Thiên, mới xây lại sắp hoàn thành.

Ngài nói với chúng tôi Ngài không biết thiền.

Sáng ngày mùng 1 tháng 4 trời mưa lớn, ban biên tập nguyệt san Thập Phương chúng tôi quyết tâm lên chùa Thừa Thiên bái kiến Hoà thượng, thỉnh ý Ngài về việc thành lập đạo tràng tu thiền.

Cư sỹ Hứa Quốc Chính đúng 9 giờ sáng lái xe đưa chúng tôi lên núi, các bạn đồng học liền gọi ngay một chiếc taxi đi theo.

Pháp sư tri khách Truyền Khải liền gác lại công việc bận rộn chuẩn bị cử hành Pháp Hội, mời chúng tôi đến điện Địa Tạng gặp Hoà thượng trò chuyện gần 40 phút. Chúng tôi bắt đầu câu chuyện từ lời Ngài dạy chúng tôi mấy năm trước đây:

"Không phải là Phật pháp suy mà là con người suy".

Hoà thượng nói: "Tại sao con người suy? Vì không chịu giữ giới, không dụng công giữ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi".

Rồi Ngài bắt chợt hỏi lại chúng tôi: "con người từ đâu đến?".

Thấy chúng tôi không trả lời được, Ngài liền tự đáp: "Từ trong bốn loài thai, noãn, thấp, hoá". Rõ ràng là Ngài e rằng chúng tôi tự khoác cho mình cái "tướng tốt" (hảo tướng) đến nghe Pháp.

Người đến chùa Thừa Thiên phần đông là khách hành hương và du khách, chẳng mấy ai đến học tu thiền, do đó nếu bạn có xin Ngài dạy cho kinh nghiệm tu hành thì thường được nghe Ngài bảo là Ngài bắt đầu học Phật bằng pháp môn tịnh độ, và chỉ dạy niệm sáu chữ "Nam-mô A-Di-Đà Phật". Thật ra, ấy cũng là do lòng từ bi của Ngài. Đối với hàng Phật tử thời nay, tịnh độ là pháp môn thích hợp nhất, không nói tịnh độ thì nói gì đây?

Chúng tôi vẫn không nản lòng, tiếp tục đưa ra vấn đề liên quan đến tu thiền, hỏi Ngài: "Xin thưa, có phải Hoà thượng tu cả thiền và tịnh hay không?" - Hoà thượng đáp: "Tôi chỉ niệm A-Di-Đà Phật".

- Nói chung, thiền tịnh song tu có dễ hoà hợp không?

- Với tôi không phân biệt, nếu như cường điệu thiền thì còn có ngã tướng, và khi mở miệng nói là con có cái ta.

- Nếu như có người muốn học thiền thì Ngài dạy như thế nào?

- Thiền không phải là cái để dạy, mỗi người đều có căn cơ.

- Người đức hạnh tốt để học thiền chăng?
- Điều đó tôi không biết. Chùa Thừa Thiên vốn tu hành theo tự nhiên.

ở đây rất đông người, tôi không nghĩ rằng tôi đang độ họ.

- Như vậy là để cho họ tự lực tự độ?
- Đó là điều không cần phải giải thích, một tiếng chuông gióng lên mọi người đều nghe biết.

Lời khai thị thật sâu sắc, hấp dẫn đám người nghe. Ai gần Ngài thì quỳ, ai xa Ngài thì đứng, tất cả đều một mực cung kính, nghiêm trang. Hoà thượng giảng pháp, muốn cho mọi người "tĩnh tâm an trụ", nỗ lực thực sự. Dù sao, vấn đề chúng tôi hỏi chưa được đề cập tới!

- Bạch Hoà thượng, nếu như có một số tỳ kheo trẻ tinh tấn phát tâm, mong tiếp thu sự giáo dục lý tưởng của Tăng đoàn ngõ hầu sau này có thể làm rạng rỡ đạo Phật, Hoà thượng có gì chỉ dạy cho họ?

- Việc ấy đã có các vị đại Pháp sư có thể phụ trách giáo dục chúng tăng, đào tạo nhân tài; tôi tuổi đã già rồi có muốn thì cũng chỉ là việc làm của kiếp sau.

- Thật ra, có người chỉ cần Ngài dạy cho một đôi lời cũng là đủ.

- Ví như tôi đang ngồi đây, miệng nói muốn độ sinh, làm sao độ được? (Có rất nhiều bạn trẻ đến gặp Ngài, thỉnh ý về nguyện vọng của mình, về thế nào là hoằng pháp, thế nào là lợi sinh, Ngài đều không trả lời trực tiếp câu hỏi).

- Chúng con muốn cho thân tâm chuyển hoá thật nhanh, như Hoà thượng vậy, có phải thường xuyên ngồi thiền?

- Bây giờ các ông nói với tôi điều đó tôi mới hay là tôi đang hành thiền.

- Sự tu hành của tu sĩ ở trên núi và ở thành thị có gì khác nhau?

- Ban đầu nên tu trong rừng núi, sau một thời gian, dù ở độ thị hay phố phường đều có thể tu được.

- Nếu muốn thiết lập một cơ sở giáo dục Phật giáo hoặc một thiền đường thì ở núi rừng tốt hay ở thành phố tốt?'

- Không nên nói chúng ta phải làm gì, như vậy là còn có hình tướng, còn chấp trước.

- Ngài ở đây tùy duyên thuyết pháp, không phải là giáo dục sao?

- Chùa Thừa Thiên này không phải của tôi, nếu là của tôi thì tôi đã trở thành ông từ giữ chùa!

Hoà thượng không muốn về việc giáo dục. Theo chúng tôi nghĩ Ngài không thích hý đàm danh tướng. Sự giáo dục tăng chúng hiện hành tại nơi đây chẳng đã nói lên một cách tốt nhất chủ đề của cuộc hội đàm!?

- Thưa Hoà thượng, chùa này có bao nhiêu chúng xuất gia?

- Có bốn năm chục người.

- Ngài dạy họ tu như thế nào?

- Tùy họ dụng công, nhưng phải tu khổ hạnh, mỗi tối cùng niệm Phật lễ Phật với nhau cho đến tàn một cây hương.

- Họ sống qua ngày như thế nào?

- Ăn uống đạm bạc, tự canh tác lấy mà sống.

- Ấy là thanh quy do tổ Bách Trượng đề ra.

- Quy củ đã lập ra, ai cũng phải theo đó mà làm.
 - ở đây, thanh quy của Ngài Bách Trọng không có gì bổ sung?
 - Không.
 - Thời đại không giống nhau, làm sao áp dụng như nhau?
 - Người xuất gia ngày xưa và ngày nay giống hay khác nhau?
- (ý Ngài nói kỷ cương phải giống như nhau).
- Ngoài nếp sống theo thanh quy ra, họ có được dạy cho học kinh điển không?
 - Có, phải xem kinh thì mới biết đường mà tu, tôi cũng bảo họ xem Tâm kinh.
 - Thưa, Ngài cũng có dạy?
 - Nội dung Tâm kinh rất rộng lớn, phải tự mình lãnh hội, tự mình hành trì, đến lúc nào đó tự nhiên hiểu ra.
 - Thưa Hoà thượng, trong Tâm kinh câu nào quan trọng nhất?
 - Câu "Quán tự tại Bồ Tát".
 - Có phải Ngài đang tu theo hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng?
 - Tôi cũng không rõ nữa, chỉ biết loáng thoáng.
 - Ngài có dạy đại chúng ở đây tụng kinh Địa Tạng và tu theo hạnh nguyện của Bồ Tát Địa Tạng?
 - Mỗi người đều có hạnh nguyện của mình.
 - Kiếp này Hoà thượng hoằng dương Phật pháp, hạnh nguyện lớn nhất của Ngài là gì?
 - Tôi ngồi đây từ sáng đến chiều, cũng không biết mình đang làm gì
 - ấy là cung cách của đại thiên sư...
 - "Đại" cỡ nào? lớn nhất cũng chẳng qua bằng chiếc ghế tôi đang ngồi đây.
 - Cùng đi đến đây cũng có Pháp sư định xây dựng đạo tràng tu thiền, xin Ngài có thể từ bi chỉ dạy cho một vài điều?
 - Bản thân tôi còn chưa có khả năng.
 - Có người đến thỉnh cầu hẳn là có duyên, mong được toại nguyện.
 - Có, ai đến đây yêu cầu tôi, tôi đều tùy duyên chỉ bảo.

Lần trò chuyện ấy với Hoà thượng, theo lời kể lại của các vị thị giả, là sự kiện hiếm thấy trong mấy năm gần đây. Khó gặp được lúc Ngài vui vẻ như vậy; hoan hỷ dạy cho "bí quyết", lại còn đưa ngay cho bộ "Tâm kinh". Không những Ngài chỉ cho cách xây dựng đạo tràng tu thiền lý tưởng mà còn để mọi người cùng tham dự Thăng Hội, cùng thưởng thức Pháp vị, ai bảo rằng Ngài không biết Thiền?

Hoà thượng khai đàn truyền giới đại chúng nao nức vui mừng
Huỳnh Kiến Hưng

(Trích từ Nguyệt san Liên hợp số 54)

Do hoàn cảnh hạn chế mà ở Đài Loan số người xuất gia không nhiều. Theo lệ mỗi năm một ngôi chùa tổ chức Giới đàn một lần. Trước hết phải xin phép Giáo hội Phật giáo Trung ương rồi chuyển lên Bộ Nội Chính phê duyệt, sau đó các chùa lần lượt tổ chức Giới đàn.

Cuối năm 1985 đến lượt chùa Thừa Thiên, huyện Thổ Thành, Đài Bắc tổ chức Giới đàn, nhưng vì chùa không đủ điều kiện vật chất cho một số lớn giới tử đến thọ giới nên phải chuyển sang phân viện của chùa Thừa Thiên là chùa Diệu Thông ở huyện Cao Hùng tổ chức.

Lần này giới tử đến thọ giới ở chùa Diệu Thông khoảng 2700 người, trong đó chúng xuất gia khoảng 500b người. Trong thời gian truyền giới người lên núi rất đông nên đa số giới tử phải ngủ trong những lều vải dựng tạm. Mỗi ngày có tới hai ba chục chiếc xe du lịch chờ đầy tín chúng lên núi lễ bái. Sau khi Đài Loan giải phóng, bắt đầu từ năm 1952 chùa Đại Tiên trên núi Quan Tử là chùa đầu tiên tổ chức Giới đàn, đến nay đã được 34 năm.

Giới đàn lần này đông người nhất. Nguyên nhân chính là vì có một bậc đại đức cao tăng của thời đại - Hoà thượng Quảng Khâm... lần đầu tiên truyền giới. Tín chúng vì muốn gần gũi với ngài Quảng Khâm, mong được Hoà thượng truyền giới cho, do đó mà giới đàn mới long trọng như vậy.

95 tuổi tinh thần vẫn minh mẫn sáng suốt

Đại lão Hoà thượng Quảng Khâm người đất Huệ An huyện Chương Châu tỉnh Phúc Kiến, năm nay 95 tuổi, răng chẳng còn cái nào, đỉnh đầu gò lên, hai bên đỉnh đầu lõm xuống như rãnh, đôi mắt đỏ tím sáng ngời khiến ai cũng không dám nhìn thẳng. Ngài mắt rất tinh tai rất thính, bước đi thanh thoát nhẹ nhàng. Trong thời gian truyền giới mỗi ngày Ngài đều ngồi trên chiếc ghế mây cho tín chúng đánh lễ; có lúc Ngài khoát tay bảo họ đứng dậy đi "thọ trai", Ngài thì chỉ dùng nước trái cây hoặc sữa. Khi lên xuống cầu thang, Ngài không muốn cho ai dìu đỡ mình; nhiều khi giống như một cậu bé tự quyết làm nư đứng trên đầu bậc thêm giương mắt nhìn người, như thách thức ai dám tới nâng đỡ, đợi thị giả rút tay Ngài mới tự bước xuống các bậc cấp một cách nhanh nhẹn nhẹ nhàng.

Trong số tín chúng tới đánh lễ Ngài, có người đến để sám hối, vừa trông thấy Ngài họ tủi thân khóc rờn; có người đến cầu gia hộ, đem tràng hạt để trước mặt Ngài xin Ngài trí chú cho tăng thêm tín tâm niệm Phật; cũng có người đến xin trị bệnh hoặc đến thỉnh cầu Ngài chỉ dạy. Kẻ đến trị bệnh thì mang nước trong đến xin Ngài trí chú Đại bi vào đó. Như ai nấy đều biết, nước chú Đại bi trong chùa lúc nào cũng sẵn có, nhưng họ vẫn cứ muốn xin Ngài trì chú thêm lần nữa mới yên tâm. Những điều mà tín chúng xin Hoà thượng chỉ dạy thường thì họ có thể tự mình giải quyết được, nhưng vẫn muốn đến trình bày để Ngài chứng minh.

Trong thời gian truyền giới, mỗi ngày tín chúng được 20-30 chiếc xe du lịch chở đến. Hoà thượng ngồi trên ghế mây, suốt ngày tiếp xúc các đoàn khau nhau, trước sau Ngài vẫn không lộ vẻ mệt mỏi. Lúc nào Ngài cũng trang nghiêm từ bi đối với mọi người khiến ai nấy đều hết sức cảm động; họ từ xa xôi đến chỉ mong được nhìn thấy Hoà thượng. Điều duy nhất đáng tiếc là Ngài nói không còn rõ tiếng, nhưng tín chúng vẫn hiểu được lời Ngài. Mỗi lần khai thị Ngài nói ngắn gọn, chẳng chút rườm rà nhưng ngụ ý thì rất sâu sắc.

Nghe nói Ngài chứng đạo từ lúc 55 tuổi, hoảng hoá đã 40 năm. Ngày tháng trôi đi... ai theo Ngài đã thọ lãnh được gì? và Ngài đã ban cho ai những gì? Nói theo nhà Phật: "Như người uống nước, nóng lạnh tự hay". Một ngày nào đó Ngài cũng phải ra đi, và cái ngày ấy mỗi lúc càng gần.

Có người lo lắng Hoà thượng Quảng Khâm trụ thế không lâu, nhưng chẳng biết có ai lo lắng mình không chịu tinh tấn tu hành?!

Nhập định 4 tháng suýt bị lửa thiêu

Có rất nhiều truyền tụng về sự tu khổ hạnh và những linh ứng liên quan đến Hoà thượng Quảng Khâm. Sự kiện mà mọi người thích thú kể lại là lúc Ngài 42 tuổi một thân một mình tu khổ hạnh suốt 13 năm trong động núi Thanh Nguyên, tỉnh Phúc Kiến. Ngày ngày ngồi thiền, từng bị mãnh hổ quấy nhiễu nhưng rồi hổ bị khuất phục bởi đức độ của Ngài. Người dân Phúc Kiến gọi Ngài là "Hoà thượng phục hổ" chứ không gọi tên.

ở trong động, Hoà thượng chỉ sống nhờ vào 5-6 cân củi rế cây. Khi Ngài nhập thiền rồi, chuyện gì xảy ra cũng chẳng chú ý, xuất định xong mới cắt một mảnh củi rế cây ăn, tự cho là mình "đánh lừa bao tử". Ăn no lại vùi củi xuống đất, trở lại nhập định, khi xuất định thì củi rế đã mọc ra thêm một khối; cứ xoay vần như thế, củi rế cây chẳng bao giờ cạn kiệt. Có lần Ngài nhập định quá lâu, ước chừng 4 tháng, các tiểu phu làm tường rằng Hoà thượng đã vắng sanh, vội vàng thông báo về chùa. Sư trụ trì vội dẫn đệ tử đến và bảo người chuẩn bị củi lửa để hoả táng. Nhưng trước một sự tình như vậy đâu dám bắt củi vàng, Sư trụ trì thận trọng viết thư thỉnh cao

tăng Hoàng Nhất Đại sư đến giám định sanh tử. Lúc bấy giờ Đại sư Hoàng Nhất đang hoằng pháp tại chùa Vĩnh Xuân, Phúc Kiến; hay tin, Ngài lập tức chỉ thị không được vọng động làm liều.

Sau khi đến nơi quan sát xung quanh chỗ Ngài Quảng Khâm tham thiền, Đại sư thốt lời tán thán: "Cảnh định như vậy, ngay các bậc Đại Đức xưa nay cũng hiếm có!". Tiếp đó Đại sư khê búng ngón tay ba lần trước mặt Hoà thượng, chỉ một lát sau Hoà thượng xuất định và hội kiến với mọi người.

Đại sư Hoàng Nhất thấy Ngài Quảng Khâm đã xuất định, vội tỏ lời xin lỗi, sau đó dẫn chúng xuống núi. Thế là Đại sư đã kịp thời ngăn tránh cho Hoà thượng khỏi kiếp nạn hoạ thiêu.

Sau 13 năm tu khổ hạnh, Hoà thượng Quảng Khâm thấy rằng làm người tự giác vẫn chưa đủ, phải xuống núi hoằng hoá quảng độ quần mê, lúc đó Ngài 55 tuổi. Hai năm sau, tự biệt có nhân duyên với tín đồ Phật giáo Đài Loan; từ Trung Quốc đại lục Ngài vượt biển qua Đài Loan, cập bến cảng Cơ Long. Lúc đầu Ngài tạm trú trong một ngôi nhà kiểu Nhật bỏ trống gần Nghĩa Trang Không Quân Tân Điểm, sau đó đến một vách núi nằm bên con đường sau Tân Điểm, đục đá làm thành động Quảng Minh - tức chùa Quảng Minh ngày nay. Rồi gần đây Ngài tạc đá thành một tượng Phật A-Di-Đà, lập ra chùa Quảng Chiêu, hiện nay trên vách đá vẫn còn hàng chữ "Thích Quảng Khâm xướng kiến"

Năm 1952 Ngài rời Tân Điểm trở về với cuộc sống ẩn tu, tìm được ở núi Phước Sơn (Thổ Thành) một động đá thiên nhiên - nay là Động Nhật Nguyệt - và ngồi thiền trong đó. Vì động nằm trên đỉnh núi nên trước giờ không có nước; nhưng từ sau khi Ngài vào ngồi thiền thì trong động nước chảy ra thành giọt, trong mát và ngọt miệng, thế là vấn đề nước uống được giải quyết. Cho đến bây giờ dòng nước nơi đây vẫn chảy quanh năm bất tuyệt. Hiện nay thầy Đạo Nhất đệ tử hàng cháu của Ngài đang thường trú.

Vào năm 1955, các nữ phật tử ở Bản Kiều mua một hòn núi ở Thổ Thành - vị trí Thừa Thiên Thiền Tự hiện nay - cúng dường Ngài, trước kia người ta gọi nó là Núi lửa. Hoà thượng kết tre thành sàng, ngày ngày ngồi thiền trên đó, đêm khuya vẫn ngồi ngoài trời. Sáng sớm chung quanh đầm ướt sương mai, nhưng theo như người ta kể lại thì chỉ riêng chỗ Ngài ngồi là khô ráo mát mẻ.

Sau khi Phật nhập diệt, lấy giới làm Thầy

Truyền giới là truyền "Tam đàn cụ túc giới" cho người xuất gia, và "Ngũ giới, Bồ Tát giới" cho người tại gia. Tam đàn đại giới gồm có đàn thứ nhất là Giới sa-di và sa-di-ni; đàn thứ hai là Giới tỳ-kheo; đàn thứ ba là giới Bồ-tát. Mỗi người xuất gia phải trải qua ba giai đoạn thọ giới ấy, do giới sự lần lượt truyền thụ trong giới kỳ. Do vậy mà gọi là "Tam đàn đại giới". Sa-di và tỳ-kheo là chỉ người nam xuất gia; sa-di-ni và tỳ-kheo-ni chỉ người nữ xuất gia. Người xuất gia thọ giới sa-di rồi mới thọ giới tỳ-kheo, đối với sa-di cũng vậy; riêng giới Bồ-tát thì nam hay nữ đều thọ được.

Các thiện nam tín nữ tại gia thọ Ngũ giới và Bồ-tát giới tùy theo phát nguyện. Người thọ ngũ giới phải tuân thủ: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; nhưng có thể ăn tam tịnh nhục (ấy là ba loại thịt chúng sanh mà mình không thấy giết, không vì mình mà giết, không tự mình giết lấy; tuy nhiên khi đã thọ giới Bồ-tát rồi phải ăn chay hoàn toàn, và ngoài giữ 5 giới ra còn giữ thêm 28 giới nữa.

Người xuất gia thọ giới phải đủ 32 ngày mới hoàn mãn, người tại gia thọ giới theo nguyên chế là 7 ngày, về sau vì số người đông nên đổi thành 5 ngày và phân làm hai giai đoạn; đồng thời phải phát tâm về sau cũng phải giữ giới, - sự việc có thể nói tương đối không giản dị.

Việc truyền giới có ý nghĩa gì đặc biệt?

Nguyên là khi Đức Phật Thích Ca sắp Niết-bàn, các đệ tử lo âu không còn chỗ nương tựa mới xin Ngài chỉ dạy, hỏi: "Sau khi Thế Tôn viên tịch, lấy ai làm Thầy?". Đức Phật dạy: "Phải lấy giới làm thầy". Do đó truyền giới cũng như truyền lại quy củ và lời giáo huấn của Đức Phật. Trước hết phải giữ quy củ và giáo huấn ấy, rồi mới có thể học theo Phật.

Trong Kinh có ghi chép một chuyện cổ như sau: Xưa kia có một người ngoại đạo muốn phá hoại Phật pháp, nêu ra rất nhiều điều xấu xa, đức Thích Ca thân nhiên bảo rằng: "Phật pháp không thể bị phá hoại". Cuối cùng người ngoại đạo nói: "Ta sẽ giả danh làm đệ tử của ông, mặc y phục giống hệt như họ, nhưng không làm theo đạo ông". Đức Phật nghe vậy không cảm được nước mắt nói rằng: "Nếu đúng như thế thì ta cũng chẳng còn biện pháp nào!".

Phật pháp cần dựa vào giới luật mà tồn tại. Nếu người xuất gia mà không giữ giới thì có khác gì người ngoại đạo kia, cũng giống như "trùng trên thân sư tử tự nuôi sống bằng thịt sư tử". Trước đã có người đề nghị nên giảm

bớt giới luật cho hàng xuất gia, thậm chí kiểu như các hoà thượng Nhật Bản có thể lấy vợ, như thế số người xuất gia sẽ tăng rất nhanh, nhưng đề nghị này không được chấp nhận.

Phật giáo Đài Loan khi truyền giới hoàn toàn không có thành kiến về gốc gác. Phật tử đến từ khắp nơi, không cùng quy y một Thầy, môn phái y chỉ khi xuất gia cũng khác nhau. Nhưng chùa nào tổ chức truyền giới cũng phải theo đơn xin mà thu nhận; thậm chí có người trước đã thọ giới rồi mà muốn thọ giới lần nữa chùa cũng không được từ chối, đây gọi là "tăng tích giới", ấy cũng là cơ hội để giới tử ôn lại giới pháp. Nếu như đem tinh thần đoàn kết trong kỳ giới đàn phát huy thêm nữa thì Phật giáo Đài Loan sẽ có được một gương mặt mới.

Khi truyền giới, việc làm cho người ta chú ý nhất là đốt "sẹo giới" (giới ba. Bất luận là chúng tại gia hay chúng xuất gia, thông thường ai cũng muốn được đốt "sẹo giới" mới cảm thấy viên mãn. Chúng xuất gia thì đốt trên đầu, chúng tại gia thì đốt trên cánh tay trái. Đốt bằng loại hương nhang (nhiên) đặc chế.

Phẩm Bồ-tát Giới Bản trong Kinh Phạm Võng của Đại thừa có ghi rằng: "Nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật thì không phải là Bồ-tát xuất gia". Nghi thức đốt "sẹo giới" là từ trong kinh này mà ra.

Hiện nay, khi truyền giới vẫn xem việc đốt "sẹo giới" là sự kiện quan trọng. Nếu như giới tử đem việc này để khoe khoang với người mà không giữ giới trong tâm, sẽ làm mất đi ý nghĩa chân thật của nó. Trong thực tế, có những sư phụ đốt cho đệ tử mà bản thân mình không đốt, tuy vậy sự tu trì của họ không có gì phải hoài nghi.

Cái gọi là "đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật" có nghĩa rằng "toàn tâm toàn ý quy y chư Phật". Nếu chỉ giải thích đơn thuần cho nghĩa đen của văn tự, e rằng có người không đồng ý.

(Hiện nay không thấy hoặc nghe nói có sư phụ nào đốt "sẹo giới" cho đệ tử mà bản thân mình không đốt. - Lời người viết).

Ngọn đèn mãi mãi chiếu sáng

- Tưởng niệm Hoà thượng Quảng Khâm

(Xã luận của tuần sau Từ ân, ngày 6/4/1986)

Đại lão Hoà thượng Quảng Khâm bậc Cao tăng của thời đại đã an tường vãng sanh vào ngày 13 tháng 2 năm nay (5 tháng giêng nông lịch) tại chùa Diệu Thông - hương Lục Quy- huyện Cao Hùng, để lại nhiều xá lợi được phân chia đem thờ tại ba ngôi chùa do Ngài sáng lập. Tuy rằng chúng ta không còn được thấy Tôn nhan Ngài nữa nhưng đức từ bi và trí tuệ của Ngài sẽ mãi mãi lưu lại trong tâm khảm của hàng ngàn hàng vạn người trong và ngoài nước. Ngài đã hoằng dương Diệu Pháp của Đức Thế Tôn, chỉ dẫn chúng sanh ra khỏi si mê; ngọn đèn truyền Pháp tiếp tục sáng và mãi mãi chiếu sáng không bao giờ tắt.

Hoà thượng trong đời mình không dùng văn chương cao siêu để giảng dạy, cũng không dùng lời hoa mỹ để cảm động lòng người, không vướng mắc vào danh lợi, không tạp nhiễm chuyện thế tục; một đời tu hành theo Phạm hạnh, không ngừng tham thiền niệm Phật, cho nên "ba nghiệp thân khẩu ý của Ngài hoàn toàn thanh tịnh", bốn tâm trong sáng hàm chứa trí tuệ siêu việt, và thể hiện đức từ bi vô lượng. Thời trai tráng đã có vượn rừng dâng trái, mãnh hổ quy y, đạo hạnh của Ngài đạt tới chỗ mà chúng ta không thể nghĩ bàn!

Một người mà có thể hoá độ được hàng ngàn hàng vạn người, nếu người ấy sống ở trên đời thì đó là phước của xã hội.

Năm Dân Quốc thứ 57 (1968) đương kim Tổng Thống [Trưởng Kinh Quốc-Nd] khi ấy đang giữ chức Bộ trưởng Bộ quốc Phòng - đến thăm chùa Thừa Thiên. Hoà thượng đàm đạo với Tổng thống, Ngài nói: "mọi sức mạnh đều phát sinh từ trong "Định", nhưng chỉ có ở trong "Tĩnh", mới có thể "Định". Ngài còn nói: "Người đang an định mà bảo có thể định được thì đó không phải là định. Phải ngay trong lúc phiền não mà định được thì đó mới gọi là định". Tưởng Tổng Thống nhận rằng lời nói ấy vô cùng quan trọng, khi chúng ta giảng dạy tâm lý học và giáo dục chính trị đặc biệt cần phải nêu vấn đề này ra để giáo huấn cán bộ trong Quân đội Quốc gia. Ngày nay tình hình quốc tế biến chuyển một cách khôn lường, đất nước lâm vào hoàn cảnh rất đáng âu lo. Lời nói của Hoà thượng đáng được mọi người Công giáo [gia đình họ Tưởng theo Công giáo - Nd] và nhân dân trong nước cùng kính trọng. Mong rằng quốc dân do từ ý thức cộng đồng mà phát sinh định lực, có được trí tuệ vô biên ngõ hầu tạo nên sức sống cho xã hội và cục diện mới cho quốc gia.

Một bậc thầy về triết học của nước ta - giáo sư Phương Đông Mỹ, cả đời chuyên nghiên cứu triết học, thông suốt triết lý Đông Tây, nhưng cái mà ông tôn sùng nhất là cảnh giới Hoa Nghiêm của Phật Giáo. Ông cho rằng Phật học Đại thừa là lý luận cao nhất trong triết học. Trước khi qua đời ông hiểu ra rằng vào cửa Phật phải có thủ

tục cần thiết, bèn nhờ bác sĩ và người nhà đưa đến chùa Thừa Thiên xin quy y Hoà thượng Quảng Khâm, được đặt pháp danh là Truyền Thánh và chính thức trở thành tín đồ Phật giáo. Quốc Phụ Tôn Trung Sơn nói: "Phật học là mẹ của Triết học", còn giáo sư Phương Đông Mỹ thì biết rõ và thực hành.

Trong đời mình, Hoà thượng hoá độ hàng ngàn hàng vạn người từ giới bình dân kém trí đến hạng trí thức bác sĩ, chuyên gia. Nguồn lực chiêu cảm ấy chính là đức độ cao cả được tích lũy từ công phu tu đức tu tuệ hàng ngày của Ngài. Chẳng có gì làm ta ngạc nhiên khi thấy nhân sỹ trí thức trong xã hội đều tán dương Ngài là "Viên ngọc quý của Đất Nước". Khi Ngài Quảng Khâm viên tịch, Tổng Thống lễ viếng với câu liễn đặc biệt "Đại từ đại bi" ca tụng Ngài trọn đời cống hiến cho Tổ quốc và Nhân dân.

Hôm nay tất cả chúng ta cùng kính cẩn truy niệm đạo đức phong phạm của Hoà thượng, xin nguyện học theo tinh thần giáo hoá, vì người mà xả thân của Ngài, đồng thời phụng nhớ lời dạy "thành tâm niệm Phật" của Ngài; từ niệm Phật mà ngộ được triết lý cao siêu, phát huy sức mạnh đại trí, đại nhân, đại dũng của đạo Phật; kế thừa người trước khai ngộ người sau; làm hết sức mình vì sự tiến bộ và phồn vinh của xã hội, vì sự giàu mạnh và thống nhất của Quốc Gia, tiến tới xây dựng nền Hoà Bình vĩnh cửu cho thế giới.

Tưởng niệm các bậc Thiện tri thức
Cảm thán Hoà thượng Quảng Khâm Niết-bàn
Thích Khai Chứng
(Bài đăng trong Từ Ân Hội Tấn, ngày 1-3-1986)

Hồi tưởng lại, vào năm Giáp Tý, Phân Hội Phật Giáo thành phố Cao Hùng tổ chức đoàn lễ bái tại chùa Phổ Hiền của Pháp sư Tinh Vân. Trong buổi họp tôi có phát biểu:

"Phật giáo cần có những hạng người như sau:

Thứ nhất, phải có các bậc đại đức chân chính, vừa biết tu trì vừa có thể lấy thân mình làm pháp tắc, hiện thân hoá độ chúng sanh.

Thứ hai, phải có những vị cao tăng biết giảng kinh thuyết pháp, hoằng hoá lợi sanh.

Thứ ba là phải có những người biết hành động vì Đạo Pháp.

Nếu như có người không đủ khả năng tu trì, cũng không biết giảng kinh thuyết pháp, nhưng tự nguyện hiến thân cúng Phật, vì Đạo mà hy sinh xuất tiền của và sức lực, đó cũng là công đức vô lượng.

Đáng sợ nhất là những con người ăn không ngồi rồi chẳng biết làm gì ngoài việc bàn chuyện thị phi; như vậy thật là đắc tội với chư Phật, có lỗi với chúng sanh, và lại còn phụ bạc chính mình".

Tôi thường nói với những vị sơ cơ mới vào chùa rằng "Không nên thắc mắc vì sao người không cung kính mình mà phải tự hỏi lại "chính mình", xem có gì xứng đáng để được người ta kính trọng?".

Tinh thần của Đại sư Từ Hàng là gương sáng mà tôi rất vui sướng noi gương. Vị Bồ-tát ấy đã dạy cho học tăng của Tu viện Di Lạc như vậy: "Phải biết rằng mình là "tăng" chứ không phải là "bảo".

ý Người nói chúng ta không đủ tư cách để được tôn xưng là tăng bảo. Sau khi đọc được lời này tôi tự cảm thấy tâm quý vô cùng, nhờ đó tôi thường nhủ lòng làm sao biết cung kính người, chứ không dám mong người cung kính mình. Tôi cũng thường nói với đệ tử xuất gia: "Đặc trưng của người xuất gia không nhất thiết ở chỗ học vấn cao hay thấp; dĩ nhiên học vấn là quan trọng, nhưng thật ra đối với thân phận người xuất gia, điều quan trọng nhất là có hay không có phẩm chất đạo đức của kẻ xuất gia, phong cách mẫu mực của nhà tu hành, và lòng tu bi hỷ xả.

Bản thân tôi sống theo nguyên tắc: Người có ơn với mình mình phải báo ơn họ; người đáng cung kính, mình nhất định phải cung kính họ; người đáng tôn trọng mình nhất định phải tôn trọng họ; và xưa nay tôi không dám xem thường ai. Tôi hằng mong sao Phật Giáo mãi mãi hưng thịnh, không lạc hậu so với các tôn giáo khác. Cho nên đối với những vị Đại pháp sư như các Ngài Tinh Vân, Thánh ấn, Tịnh Tâm... tôi rất mực tôn trọng các Ngài, bởi lẽ các Ngài đã không ngừng nỗ lực cống hiến cho Đạo pháp. Đặc biệt Pháp sư Tinh Vân đã mở ra vận hội mới cho Phật giáo. Với phong cách duy tân Ngài đã làm cho tư tưởng linh hoạt của Phật giáo trở nên năng động, thích nghi với quan niệm sống của thời đại mới, điều ấy khiến cho tôi không thể không tán phục. Một sự kiện làm cho tôi cảm thấy rất phấn khởi là những năm gần đây có nhiều vị Bồ - tát phát tâm hy sinh phụng sự; số tăng sỹ trẻ trí thức ngày càng nhiều, làm cho Tăng đoàn dần dần phát triển mạnh, có thêm sức sống mới và niềm hy vọng mới; đó là điều đáng mừng cho Phật giáo vậy.

Bạch Thánh Đại Sư - vợ Trưởng lão duy nhất mà tôi được gần gũi học hỏi và nghe Pháp - là người tôi mang ơn sâu nặng nhất trong các vị Pháp sư, Người là vị Thầy mà tôi phải tâm niệm báo ân, cho nên tôi thường chân thành bày tỏ niềm cung kính sâu sa nhất trong lòng mình với Người, dĩ nhiên chỉ có Đại sư Bạch Thánh hiểu! - người ngoài không thể biết được.

Ấn Thuận Đạo sư cũng là người tôi rất cung kính. Ngài thể lực rất suy nhược, nhưng vì Đạo pháp không hề tiếc thân; suốt đời nỗ lực trước tác, chủ biên bộ Thái Hư Đại Sư toàn tập, soạn Diệu Vân tập vv... khai mở nguồn tri thức mới, bồi dưỡng trí tuệ và sức sống mới cho hàng phật tử hậu học.

Do lời bình luận của ông Hồ Thích: "Lục tổ đàn kinh không phải do tổ Huệ Năng nói ra" đã gây nên dư luận xôn xao trong giới học thuật và giới phật tử; không biết đâu là đúng đâu là sai, đặc biệt làm cho hệ thống Thiền tông và niềm tin bị dao động mạnh! trong lòng mọi người bàng hoàng bất an. May mắn thay, có ngài Ấn Thuận Đạo Sư không quản thân thể suy nhược (theo như tôi biết, lúc bấy giờ các ngón tay của Người không còn cử động linh hoạt) trong một thời gian rất ngắn soạn xong cuốn Trung Quốc Phật Giáo Thiền Tông Sử làm cho "lý luận cao sâu" của Hồ Thích tiên sinh tan thành mây khói, và khiến cho cuộc tranh luận tức thời chấm dứt, giáo giới nhờ đó lấy lại sự bình tĩnh, đệ tử Phật thêm vững niềm tin, an tâm hành đạo.

Lòng từ bi vì Đạo-mến Đạo của Đại Sư thật là công đức vô lượng. Dù thấy rằng sự trụ thế của các bậc Cao tăng Đại Đức là cần thiết như thế nào, may mắn biết bao nhiêu! Bởi vậy cho nên chúng ta phải tôn kính các bậc Thiện tri thức, gần gũi các bậc Thiện tri thức.

Ngài Ấn Thuận chưa truyền dạy cho tôi điều gì về Phật pháp, chưa có ân đức gì lớn đối với cá nhân tôi, nhưng có công cống hiến cho Giáo Đoàn, có ân lớn đối với mọi người, do vậy mà tôi vô vùng kính ngưỡng Ngài. Đạo tướng Ngài trang nghiêm thoát tục là điều làm cho lòng tôi hoan hỷ cung kính, nên tôi thường khuyến khích đệ tử xem các bộ Thái Hư Đại Sư toàn tập và Diệu Vân tập để tăng trưởng trí huệ, xây dựng chánh trí, chánh kiến, chánh niệm trong khi học Phật.

Hoà thượng Quảng Khâm là vị cao tăng mà tôi càng rất mực cung kính hoan hỷ. Lúc Đài Loan mới giải phóng, Hoà thượng đến Cao Hùng, tôi được hầu tiếp Ngài tại chùa Nguyên Hạnh nên có duyên đặc biệt với Ngài. Mỗi lần gặp, Ngài nhìn tôi tươi cười, tôi cũng cười. Đó là vị Trưởng lão đầy đủ phong phạm của bậc cao tăng đại đức, là Đạo Sư tâm linh của tín đồ Phật giáo, nên ai ai cũng mong được đánh lễ, thích được gần gũi, cúng dường.

Tuyệt nhiên chẳng phải vì Ngài có thần thông hay có tài hùng biện, cũng không phải vì Ngài tuổi cao, mà chính là do đức độ tích lũy bởi công phu tu phước - tu đức- tu huệ của Ngài nên mới có sức cảm hoá đến như vậy, - hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà được. Chỉ cần Ngài ở nơi nào thì Pháp duyên nơi ấy hưng thịnh! Cũng có nhiều người nghe thanh danh Ngài hiểu kỳ mà tìm đến, đó cũng là phước báo! Tôi thường nói với các đệ tử: "Đừng sợ không có tín đồ, chỉ sợ mình không có phước báo và đạo đức. Như Hoà thượng Quảng Khâm thì mọi người tự động đến cúng dường.

Tôi thường phân tích: vì sao Hoà thượng có phước báo lớn đến như vậy? Rồi phát hiện ra được mấy nguyên nhân: Một là Hoà thượng không tham cầu danh lợi, và không tạp nhiễm chuyện thế tục cho nên không có "thị phi, phiến não". Lại nữa, Hoà thượng suốt đời không ngừng trì chú Đại Bi và niệm Phật cho nên "ba nghiệp thân, khẩu ý đều thanh tịnh". Đã không thị phi phiến não; ba nghiệp thanh tịnh thì thân tâm trang nghiêm, tinh thần sáng suốt, lúc nào cũng mang trái tim từ bi của người xuất gia; cho nên chớ lấy làm lạ, lời nói của Hoà thượng nhiều khi rất linh nghiệm. Ngôn ngữ thường ngày của Ngài đều là những lời chân thật, không tác ý hư ngụy, không trau chuốt; bất kỳ ai đến thỉnh Pháp nơi Ngài, Ngài chỉ nói vồn vện một câu: "Thành tâm niệm Phật".

Thực ra các vị Thiện tri thức và các bậc Trưởng lão không nhất thiết phải biết giảng kinh, nhưng thường thì chỉ cần một câu nói, một bài kệ, thậm chí một tiếng hét, cũng đủ khiến cho chúng ta dứt trừ phiến não, như được uống nước cam lộ! - mát mẻ, an nhiên, tiêu trừ ảo giác, khai mở Phật trí, thọ dụng suốt đời không hết.

Có khi chẳng cần lời nào, chỉ cần nhìn thấy đức tướng trang nghiêm, pháp tướng từ tường của các Ngài tự nhiên chúng ta khởi lòng cung kính, vua mừng mà phát tâm bồ đề. Cũng như khi chúng ta nhìn thấy tượng Phật trang nghiêm tự nhiên trong lòng vui mừng, cung kính đánh lễ mà không cần đến thứ ngôn ngữ gì. Hoà thượng Quảng Khâm đức độ thâm nhuần quần chúng, ai ai cũng kính mến; bất luận là hạng người cao quý giàu sang hay nghèo nàn thấp kém đều hướng về để được gần gũi bên Ngài, tất cả đều được hoá độ như nhau, và đều vô cùng hoan hỷ. Một Thiện tri thức có khả năng hoá độ muôn ngàn chúng sinh! Hẳn thấy rõ sự trụ thế của bậc Trưởng lão Đại đức như Ngài là phước báo của chúng sanh, là hạnh vận của Giáo Hội. Thiện tri thức là bảo vật của Phật giáo, Thiện tri thức nhập diệt quả thật là sự tổn thất vô cùng lớn lao cho Phật giáo vậy!

Điều làm cho người ta không hình dung nổi là chùa Diệu Thông được xây cất ở một nơi không thuận tiện cho việc giao thông, thế mà chỉ trong 3 năm Ngài độ gần cả trăm thanh niên trí thức xuất gia làm đệ tử Ngài, sự kiện này làm cho mọi người không thể nghĩ bàn.

Lần này chùa Diệu Thông tổ chức Giới Đàn, rất nhiều người bảo rằng Hoà thượng nói truyền giới xong Ngài đi, nếu muốn thọ giới với Hoà thượng thì hãy "thọ" nhanh lên, bằng không thì chẳng được kết nhân duyên với Ngài! Cũng có người cho đây là lời tuyên truyền.

Kết quả, đúng vào lúc 2 giờ chiều ngày mùng 5 tháng giêng Hoà thượng viên tịch. Nào ai nghĩ tới, một thân thể đang lạnh mạnh như vậy mà lại ra đi mau như thế! thật là điều "bất khả tư nghị"!

Ngài vốn không chú trọng việc ăn việc mặc và nơi ở, nhưng vào cuối đời vẫn còn quan tâm xây dựng hai Đạo tràng lớn tại miền Nam và miền Bắc, sắp đặt việc tu hành cho các nam nữ đệ tử yên tâm học Đạo, đó chính là tấm lòng nhân ái của Ngài đối với đệ tử Đạo tràng đã dựng xong, giới pháp đã truyền xong, đại nguyện hoàn thành, Ngài ra đi không chút vương vấn, trở ngại.

Từ khi Giới Đàn hoàn mãn, Hoà thượng đóng cửa ản tu không còn tiếp chúng, ngầm tỏ ý rằng duyên độ chúng đã chấm dứt, sắp nhập cảnh giới Niết-bàn. Trong thời gian này Ngài bảo với các đệ tử là muốn đi Đài Bắc xem chùa Thừa Thiên ở Thủ Thành thế nào, cho nên trước Tết âm lịch Ngài trở lại chùa Thừa Thiên bàn giao những công việc trọng yếu cho các đệ tử, đồng thời sắp xếp các việc hậu sự cho mình. Hoà thượng ở chùa Thừa Thiên vài ngày, sau đó trở về chùa Diệu Thông miền Nam vào dịp Tết. Đó chẳng phải là:

"Sắp đến lúc lâm chung, biết lúc nào lâm chung đến" hay sao?

Như thế, quý vị không cho rằng Ngài có thần thông chăng?

Trước khi lâm chung Ngài dạy các đệ tử rằng: "Không đến cũng không đi, chẳng có việc gì". Đối với vấn đề sống chết Ngài chẳng chút quan ngại, ấy là công phu chứng đắc: đến - đi an nhiên, giữ cũng được buông cũng xong, giải thoát-tự tại. Tôi từng chứng kiến có người sắp chết khóc lóc, đau khổ, bị ai, khởi sinh vô minh. Quả là cảnh giới bất đồng, Thành phàm khác biệt.

Trưởng lão Hoà thượng đã đi rồi! Còn vị Cao tăng Đại đức nào làm mô phạm Đạo sư tâm linh cho hàng đệ tử nương theo?

Một bậc Cao Tăng trụ thế là phước cho Phật giáo, một bậc Đại đức viên tịch là nỗi đau buồn, là điều bất hạnh cho đạo Phật và chúng sinh. Hoà thượng Quảng Khâm đã ra đi, khẩn cầu Ngài vì tâm nguyện mà trở lại; nguyện cầu Phật giáo có thêm nhiều vị Cao tăng Đại đức trụ thế cho Phật Pháp hưng thịnh. Nguyện cầu chư Bồ-Tát quay thuyền từ trở lại cứu độ chúng sinh; La Hán Thánh Tăng hiện thân Sa-môn trụ thế cho trang nghiêm Tam Bảo, - ấy là Từ Quang của Phật Tổ mãi mãi soi sáng trần gian; Cam lộ Chánh Pháp thấm nhuần khắp cõi chúng sinh, - ấy là hạnh vận vô cùng cho Phật giáo.

Từ Ân Tự, ngày 24/-5/1975
Thích Khai Chứng
Nam-mô A-Di-Đà Phật

Tán

(Xướng vào lúc cử hành đại lễ)

Khổ hạnh độ chúng
Chân tịnh chân thiên
Bất thực yên hoá lục thập niên
Đạo phạm lợi nhân thiên
Kiến tự an tăng
Ân trạch mãn trần hoàn
Nam-mô ĐỘ Nhân Sư Bồ-Tát

[Ba lần]

Nghĩa của bài Tán
Khổ hạnh độ chúng sinh
Tu Chân Tịnh - Chân Thiên

Sáu mươi năm không ăn nấu chín
Mô phạm Phật Đạo - Lợi Người và Trời
Xây dựng Chùa chiền - An bài Tăng chúng
Ôn đức khắp cõi Trần gian
Nam-mô Đệ nhân sư bồ tát

Niệm "Nam-mô A-Di-Đà Phật" là "Tổng tụng"

Quách Huệ Trân

Trích từ tác phẩm
Hãy lắng nghe
Tiếng ca con sông hằng

Đại lão Hoà thượng thượng Quảng hạ Khâm, bậc Đại Đức của thời đại, mọi người xưng tụng Ngài là "Quốc bảo trong giới Phật giáo". Nhìn bức ảnh chụp hai ngày trước khi viên tịch, Ngài đã 95 tuổi thọ mà ánh mắt vẫn rất trong sáng có thần!

Năm Hoà thượng 92 tuổi hậu học tôi từng được duyên may theo Ngài lên núi. Ngài đi trước, chân bước nhanh thoăn thoắt, hậu học theo sau khá vất vả. Chùa Thừa Thiên lúc đó đang trong thời kỳ xây dựng, có một đoạn đường đầy đầy những vật chướng ngại làm cho hậu học suýt bị vấp ngã, Hoà thượng quay lại bảo: "Hãy đi cho tốt chứ!", giọng nói tuy hơi gắt nhưng thân thiết, ánh mắt nghiêm nghị mà chan chứa từ bi, hậu học cảm thấy thật hổ thẹn. Cho đến nay qua bao nhiêu lần vấp ngã trên đường đời mới thấm thía "đi cho tốt" đâu phải dễ; sau bao phen "u đầu sút trán" nghĩ lại câu nói hàm chứa hai ý nghĩa của Ngài, tự nhiên nước mắt trào ra.

Có người tưởng Ngài là một con người huyền bí khác thường nên tìm đến "tham khảo cho biết", ở bên cạnh Ngài cả buổi chỉ nghe vồn vện một lời: "Niệm Phật, ăn chay!" Họ lại nghĩ bụng "Câu ấy mình nói cũng được, cần gì phải đến hỏi Hoà thượng!". Đúng vậy, nói thì ai nói cũng được nhưng vấn đề là ở chỗ chúng ta đâu có được công phu khổ hạnh như Ngài, và cũng không có đức độ cảm hoá người như Ngài; dù ta nhiệt tình đến nhà người khác khuyên bảo, cũng e rằng người ta phát cáu. Còn Ngài thì đã nhiếp phục được chính mình, đã dụng công niệm Phật đến chỗ tuyệt diệu, tự nhiên cảm hoá được hàng ngàn, hàng vạn chúng sanh. Lúc còn trẻ Ngài lên động núi sâu tu thiền, ăn hết thức ăn dự trữ, chỉ còn cách ăn trái cây, khoai rừng để duy trì mạng sống, ba bộ y phục vá thành một bộ, gần 60 năm nay chỉ ngồi chứ không nằm; về phương diện vật chất nhu cầu của Ngài vô cùng ít ỏi. Hồi ở chùa Thừa Thiên bên đại lục, Sư phụ của Ngài, - Đại lão Hoà thượng thượng Chuyển hạ Trần dạy Ngài: "Ăn thức ăn người không muốn ăn, mặc cái người không muốn mặc, làm những việc người không muốn làm, về sau con sẽ biết", đồng thời chỉ muốn ngài tu khổ hạnh và niệm Phật. Ngài chất phác thuần thành thực hành đúng theo lời giáo huấn, một dạ dốc chí khổ tu, kết quả Ngài trở thành người siêu phàm thoát tục. Nhiều Phật tử mỗi lần nhìn thấy Ngài, quá cảm động không cầm được nước mắt.

Lời dạy của Ngài thường chỉ là vài câu quan trọng cốt tuỷ, nếu chúng ta thực tâm tin tưởng nhất định chẳng uổng phí một đời. Như câu Ngài dạy trên đây: "Niệm Phật! Ăn chay!". Nếu chúng ta mỗi niệm đều niệm Phật, ánh sáng trí tuệ từ bi của Đấng Giác Ngộ lúc nào cũng kiết tường sao? Không còn cái khổ tranh chấp ta-người-phái-trái, không bị tham sân si thiêu đốt. Nếu bỏ được thị dục sướng miệng khoái bao tử, làm theo lời dạy "ăn chay" của Ngài, dần dần thể nghiệm cái nghĩa lý "chúng sinh vốn cùng một gốc mà ra", chúng nghiệm được niềm an lạc của Từ Bi. Kiếp này ngày ngày sống với một tâm hồn thanh thản, thành tâm nguyện cầu vãng sanh Tịnh Độ, khi lâm chung ắt được Phật tiếp dẫn, chấm dứt nỗi thống khổ sinh tử đời đời, kiếp kiếp! Bấy nhiêu câu Hoà thượng đã chỉ rõ con đường lớn tu hành trong một kiếp thành Phật. Người chân chính tin tưởng và phụng hành, được lợi ích vô cùng. Trái lại, người không chân chính thì chỉ thích nói chuyện cao siêu huyền bí, bày vẽ bao chuyện quái dị ly kỳ, khoa trương thần thông... mà xem thường lời dạy khẩn thiết liễu sanh thoát tử của Ngài.

Lúc Hoà thượng còn tại thế, ngày nọ có một người tay xách chiếc vali, vẻ đầy bí mật lên núi muốn xin gặp Hoà thượng, lại chỉ xin gặp riêng Ngài mà thôi. Vì trước kia từng có kẻ đến với ý đồ xấu nên đệ tử không cho anh ta một mình gặp riêng Hoà thượng. Anh ta bảo có việc rất cần thỉnh ý. Sau đó anh ta tới sát bên tai Hoà thượng trịnh trọng nói: "Thưa Hoà thượng, nghe người ta đồn Ngài có thần thông, xin Hoà thượng nói thật cho con biết Ngài có thần thông hay không?". Hoà thượng cũng trịnh trọng nói nhỏ về rất bí mật: "Tôi nói cho anh biết, tôi có ăn thì thông, không ăn thì không thông!" (Đài Loan ngữ) Câu nói ấy làm cho người ta phải suy ngẫm. Cái vi diệu của Phật pháp chính là cái bình thường, chứ chẳng phải thần thông khiến cho kẻ hiếu kỳ chạy theo, cũng chẳng phải là hiện tượng mơ hồ quái đản. Thần thông ai cũng có, nhưng chỉ vì bị các thứ phiền não tham, sân, si, mạn, nghi hoặc chôn vùi, làm cho không hiển hiện được. Có thần thông mà không giải quyết được vấn đề sanh tử thì cũng vô ích. Hưởng ra bên ngoài để tìm cái gọi là "người có thần thông" giúp đỡ mình, như vậy là bỏ gốc tìm ngọn. Hoà thượng nói: "Cầu ở người là bỏ mất Phật Thích Ca nơi chính mình".

Hậu học chúng tôi nhận thấy: "thần thông" vĩ đại nhất của Hoà thượng làm chấn động lòng người đó là công phu tu trì nhẫn nhục. Nhẫn cái mà người không thể nhẫn, làm cái mà người không thể làm.

Năm Hoà thượng từ trên núi trở về chùa Thừa Thiên bên đại lục, râu tóc đều mọc dài giống như người rừng, không ai nhận ra; sau nghe giọng nói mới nhận ra Ngài. Có thử lửa mới biết vàng thật hay giả. Một thời gian sau, sư trụ trì và sư hương đảng muốn kiểm nghiệm công phu của Ngài, cố ý đem tiền công đức trong thùng phước sương giấu đi rồi tỏ vẻ nghi Ngài lấy, thế là cả chùa đều cho Ngài là kẻ cắp, đối xử lạnh lùng và nặng lời nói xấu trong nhiều ngày. Ngài vẫn an nhiên tự tại như đang hứng gió xuân, như được uống cam lộ. Quả là một tâm hồn cao cả, một con người hoàn toàn tiêu dao tự tại! Cái thần thông nhẫn nhục ấy so với thần thông "đi trên lửa, phóng hào quang" còn thần kỳ hơn nhiều. Vì đốt giấy cũng có thể "đi trên lửa", đốt đèn có thể "phóng hào quang", nhưng chúng ta hãy tự hỏi lòng, ai có thể bị vu oan là trộm cắp mà vẫn an nhiên như uống nước cam lộ, không một lời biện bạch? Ai có khả năng khám phá cuộc đời như huyền như mộng, đó là người đại trí tuệ đáng được cung kính đánh lễ.

Chúng ta lại chẳng may thường tự biến mình thành cái mà Hoà thượng hình dung "con chó chạy theo cục đá". Người ta muốn cho mình chạy thật giản dị, chỉ cần nhậm ý quãng một cục đá chúng ta lập tức đuổi chạy theo nó, chạy đến sức cùng lực tận, rốt cuộc chỉ vớ được một cái khối không ăn được. Hoà thượng trợn mắt bảo: "Như vậy là không có chủ trương, định hướng làm sao đi Tây phương được?".

Hoà thượng làm chủ chính mình, tự tại trong sanh tử, chẳng lạ gì được trẻ già đều kính ngưỡng. Ngài vốn không mưu cầu tiếng tăm, lợi lộc, chỉ nhờ chân chính thực tu mà cảm phục được lòng người.

Có một hôm, một phóng viên nhà báo lên núi định "tổng tiền", tỏ vẻ hăm dọa uy hiếp Ngài: "Ngòi bút của tôi rất lợi hại, nếu sư không đưa tiền, tôi sẽ viết một bài về sư". Hoà thượng bình thản nói: "Anh cứ mặc tình đăng báo, tùy anh viết gì cũng được, tôi không cần ai cung kính. Người cung kính tôi, ngày ngày tôi vẫn niệm chú Đại Bi, trì chú vào Đại bi thủy; người không cung kính tôi, tôi cũng vẫn thanh tịnh niệm Phật A-Di-Đà". Anh nhà báo chỉ còn biết tán thán Hoà thượng không giống như người thường, đúng là "Sự đáo vô tâm giai khả lạc, nhân đáo vô cầu phẩm tự cao" (Việc đến, vô tâm vẫn an vui; người đến không cầu, phẩm cách tự nhiên cao).

Lại có một lần, một số đệ tử đi nghe thuyết Pháp, nhận thấy giảng sư có ẩn ý phê bình Hoà thượng, họ bất bình lên núi thưa lại với Ngài, nào hay Ngài không những không hề có ý khó chịu mà còn bảo các đệ tử ấy phải sám hối về cái lỗi đã "hiểu lầm lời giảng của Pháp sư", đồng thời còn giải thích hàm ý Phật pháp trong lời giảng của giảng sư, và khuyên răn các đệ tử: "Giả sử có người nêu danh tánh mình ra để mắng mình có phải thành tâm biết ơn họ thay, huống hồ người ta không nêu tên mình ra!" Hoà thượng nghiêm túc nêu ra cho thấy đại nghĩa: "Muốn cho Phật pháp hưng vượng, thì tăng phải biểu dương tăng". Rồi Hoà thượng tán dương vị Pháp sư ấy là "ở trong thế giới phù hoa huyền hoá này mà độ được chúng sanh, thật là một vị Bồ Tát" và Ngài khiêm tốn: "Tôi vẫn không dám đi thuyết pháp!".

Công đức tu trì của Hoà thượng chúng ta không thể hiểu thấu, tuy nhiên qua vài sự việc nhỏ bất chợt diễn ra trong sinh hoạt hằng ngày cho thấy tâm hồn cao cả của Ngài; mỗi sự mỗi việc đều làm cho kẻ hậu học như tôi vô cùng cảm động! Hoà thượng như ánh mặt trời hiền hoà chiếu khắp từng thân cây bụi cỏ; nhưng cũng có lúc Ngài dùng gươm dao, búa rìu trí tuệ chặt đứt chi nhánh phiền não, dẫn hết dây mơ rễ má danh lợi làm chướng ngại Đạo; giúp cho thân cây vươn thẳng lên cõi Tịnh Độ. Ngài thường phát ra những khẩu đề trắc nghiệm bất ngờ, "cực kỳ kích thích" diễn bày rất sát với thực tế. Người chịu khảo nghiệm vốn thường bị hoàn cảnh chi phối, ngay lúc đó không hiểu ra, mãi về sau mới vỡ lẽ, mới biết ngài dùng phương pháp "thuốc đắng dã tật". Có lúc Ngài giáo dục bằng phương pháp "tôi luyện" khắc nghiệt, "nghiên cho tróc vỏ, xay cho nát vụn, nhồi cho nhuyễn, sấy cho đen". Ai thực tâm phát nguyện tu hành sẽ trở thành "đạo lương cứng đường tất cả chúng sanh, cứng đường khắp mười phương chư Phật", - như thể thường là quá trình "máu và nước mắt".

Có lúc Hoà thượng từ bi rơi nước mắt nói với đệ tử đang chịu thử thách: "Điều thầy dạy con, con có thật hiểu được không? Thầy sợ rằng con oán thầy, chẳng qua thầy muốn giúp con phá chấp; nhưng nếu như con không hiểu được dụng ý đích thực, sẽ trở thành oán hận thầy. Thầy tạo cho con nghịch cảnh là để rèn luyện con".

Tổ Sư dạy chúng ta, muốn vãng sanh Tây phương cần phải có ba điều "tín, nguyện, hành". Nguyện là chán bỏ cõi Ta-bà, vui tìm Cực lạc (Ta-bà do tâm xấu bản cảm ứng sinh ra, Cực lạc do tâm thanh tịnh hiển hiện).

Ân Sư Tuyệt Công cũng nhấn mạnh tâm vui thích và tâm nhàm chán là pháp môn an tâm chính của Tịnh độ. Nhưng phàm như chúng ta trong thuận cảnh rất khó phát tâm vui thích hay nhàm chán. Bất đắc dĩ, Hoà thượng hay Phật và Bồ-tát mới tạo cho chúng ta nhiều nghịch cảnh để chúng ta "lấy khổ làm thầy", dùng mãnh phát tâm "vui thích - nhàm chán", kiên trì niệm Phật để thoát vòng sanh tử. Dem sự tinh tấn lao khổ đời này đổi lấy hạnh phúc tự tại vĩnh hằng. Thật ra, đó là ân tứ cao quý nhất chẳng còn gì hơn. Chỉ có điều là chúng ta thường vui thích "những quả bom định giờ bọc trong bao bì xinh đẹp", truy cầu khoái lạc và danh lợi nhất thời mà hy sinh

cái an vui vĩnh cửu. Chư Phật và Bồ-tát hằng xót thương rơi lệ vì tai họa ngút ngàn ấy của chúng ta. Hoà thượng thường nghiêm ngặt dạy rằng "ở cõi Ta-bà chỉ cần tham làm một cọng cỏ cũng phải trở lại luân hồi!" Cũng vì lẽ đó, mặc dầu con người ở cõi Ta-bà này tôn kính Ngài như thế, Ngài vẫn tiêu dao thoát ly.

Công trình xây dựng quy mô hoành tráng trên núi đối với Ngài chẳng qua là "một giáo cụ bé nhỏ nhất thời"; dựa vào một số nhân duyên trần cảnh để thông cảm và dẫn dắt những chúng sinh có duyên với Ngài. Và ai thật sự thân nhiên trút bỏ, thành tâm niệm Phật cầu vãng sanh mới là đệ tử chân chính của Ngài. Trong mấy ngày trước vãng sanh, Hoà thượng nhiều lần dạy đệ tử: "Tai nạn càng lúc càng nhiều, phải gấp rút tu hành; tu một phần thì được một phần công đức, tu mười phần thì được trăm phần công đức, tu ngàn phần thì được ngàn phần công đức!" Hoà thượng ân cần nói rõ từng câu, đó là những lời khích lệ khẩn thiết nhất. Tim theo lời Ngài, hãy thành tâm niệm Phật, vào ngày pháp môn giải thoát, không còn chần chừ gì nữa!

Có một nhà giáo kể với chúng tôi rằng ông ta đến xin hỏi Hoà thượng "nên niệm Phật như thế nào?" Hoà thượng hỏi lại: "Ông niệm Phật như thế nào?" Ông ta nói: "Khi nào rảnh thì con niệm Phật". Hoà thượng lại hỏi: "Như vậy, có rảnh thì ông niệm Phật còn không rảnh thì không niệm Phật, thế thì ông chỉ cúi đầu chào Phật, chào cho có chào! Làm sao hy vọng Phật cứu ông khỏi cảnh sống chết? Lại đây! lại đây! Ta cùng đưa chân ra xem!... Chân nào là chân Phật? Ông có nhận ra không?... ủa! muốn ôm chân Phật mà ngay cả chân Phật là chân nào cũng không biết sao? Phải ôm chân nào đây? Vậy thì ông có nhận ra hay không nhận ra Phật?"

(Ngài thật khéo dùng ẩn dụ, làm cho người đối thoại hốt nhiên tỉnh ngộ). Nhà giáo ấy kể rằng Hoà thượng nhấp một tí trà rồi đưa mắt hỏi:

- Ông xem tôi có bị sặc không?
- Dạ thưa không.
- Tôi vừa niệm Phật, ông có biết không?

Lão Hoà thượng có lời giáo dục rất sinh động: uống trà, ăn cơm, đi, đứng, nằm, ngồi đều tu niệm Phật.

Nhà giáo ấy lại một phen gợi ý cho tôi:

Dù nửa đêm không đèn nhưng chỉ cần nghe vài tiếng ho thì anh cũng biết đó là cha mình về. Này nhé, bây giờ là nửa đêm, đức Phật A-Di-Đà đến!... Bạn có biết Phật đến chẳng? Chúng ta hãy tự hỏi lòng mình, chúng ta đã niệm Phật đến độ nhận ra được Phật, thân thiết với Phật chưa? Hoà thượng đã thân thiết với Phật rồi. Ngài từng nói với một tiến sỹ người Mỹ từ Hoa Kỳ đến yết kiến Ngài: "Tiếng chim kêu, tiếng xe chạy và mọi tạp âm khác đều là tiếng niệm Phật". Người Mỹ ấy hỏi trạng thái ấy kéo dài được bao lâu. Hoà thượng đáp: "Ngày đêm sáu thời" (tức là lúc nào cũng như vậy).

Mười năm về trước Hoà thượng có nói với đệ tử rằng "Sau này lúc nào ra đi Thầy sẽ hiện tướng bệnh mà đi, nhưng ba chúng con đều không có mặt để đưa tiễn Thầy". Ba người đệ tử lớn ấy của Hoà thượng đều cho rằng điều ấy không thể xảy ra, vì trong ba người bao giờ cũng có một người hầu cận Hoà thượng, làm sao mà có cái cảnh "không đưa tiễn được?" Nhưng quả không sai, ngày hôm ấy nhân vì có công việc đặc biệt ba vị đệ tử lớn đều vắng mặt đứng vào lúc Sư Phụ viên tịch!

Trước khi vãng sanh, một lần nữa Hoà thượng dạy chúng đệ tử:

- Cõi Ta-bà này rất khổ, các con hãy mau sớm niệm Phật để vãng sanh về Thế giới Cực lạc của đức Phật A-Di-Đà".

Sau đó chúng đệ tử nhận thấy động mạch nơi cổ Sư phụ từ từ ngừng đập trong tiếng niệm Phật, và lời nói cuối cùng của Người:

"Không đến cũng không đi, không có sự tình gì!"

Thật là thanh thoát!

Vô hình trung chúng ta "đến đến đi đi, toàn là sự tình" không ngày nào ta không mang tạp sự trong tâm. Tiếng Đài Loan "sự tình" hay "đãi sự" hàm ý "không được cát tường cho lắm". Đúng là:

"Bất thị nhân nhân bất đắc, nhân nhân bất thị đẳng nhân nhân".

(Không phải người nhàn nhân chẳng được; người nhàn đâu phải kẻ tầm thường).

Trong tâm hồn chúng ta nếu quả thực không có "đãi sự" (sự chẳng lành) mà có cái nhàn đích thực, hẳn phải biết bao công phu mới đạt được!

Khoảng một tuần lễ trước khi Hoà thượng viên tịch, ngày đêm Ngài vận hết khí lực niệm Phật rõ tiếng. Cách niệm Phật này là "dùng hết mỗi hơi thở khẩn thiết kêu gọi đức Phật A-Di-Đà", người thường không thể làm nổi. Đại chúng luân phiên niệm lớn theo Ngài còn cảm thấy khan cổ, đau ngực, tắt hơi hướng hồ một cụ già 95 tuổi.

Thông thường người ta khi lâm chung hơi thở rất khó khăn, không tự chủ được gì cả, mà Ngài thì giống như vị tướng đột phá vòng vây ngũ trược. Có đệ tử sợ cơ thể Ngài không chịu đựng nổi, do không ăn gần cả tháng, kiến nghị: "Bạch Thầy, để chúng con niệm Thầy nghe cũng được". Hoà thượng mở to đôi mắt nhìn rồi nói một câu kiên quyết: "Mỗi người niệm cho mình, mỗi người giải quyết sanh tử cho mình", nói xong lại khẩn thiết niệm lớn tiếng.

Thế rồi trước hôm vãng sanh sáu ngày, bỗng nhiên Hoà thượng "trình diễn một màn", thể hiện tuyệt vời tính hài hước mà dư âm còn vang vọng sâu xa. Kẻ hậu học như tôi mỗi khi nghĩ đến cảm thấy cảnh tượng ấy có tác dụng làm cho các nhà tu hành, dù môn phái khác nhau, phải lấy đó mà cảnh tỉnh. Hoà thượng thường ngày dạy đại chúng chuyên tâm niệm Phật A-Di-Đà, đột nhiên hôm đó Ngài khẩn cấp bảo đại chúng tụng Kinh Đại Tạng, mà bộ Đại Tạng thì mênh mông như biển cả, chẳng biết bắt đầu tụng từ chỗ nào, chúng đệ tử bèn đến thỉnh ý Hoà thượng, Ngài bảo: "Tổng tụng!". Đại chúng vội vàng đem Đại Tạng Kinh ra hết bộ này đến bộ khác... bê đến một thờ. Nhìn thấy Sư Phụ sắp đến giờ phút vãng sanh, trong lòng ai nấy vừa bức xúc vừa đau xót, lại chẳng biết bắt đầu tụng từ đâu, Hoà thượng nói: "Xem các con biết kinh gì, tụng lên cho Thầy nghe!".

Thế là đem từng bộ ra tụng: Tâm Kinh, Kinh Kim Cang, Kinh Dược Sư, Kinh Địa Tạng... Tới giờ phút quyết định sống chết mới hay bài Tâm Kinh chỉ có trên hai trăm chữ mà tụng cũng không xuôi, miệng tụng mà tâm trí rối bời. Giữa lúc đại chúng đem tụng từng bộ kinh, Hoà thượng chỉ mỉm cười u mặc, liền đó Ngài niệm:

"Nam-mô A-Di-Đà Phật! Nam mô A-Di-Đà Phật! Nam mô A-Di-Đà Phật!.." tiếng tụng kinh xung quanh chẳng chút ảnh hưởng gì đến Ngài. Hậu học cảm thấy nụ cười của Ngài thật như "gậy gõ lên đầu".

Xin hỏi: trong "buổi trình diễn đột xuất" ai là người "tổng tụng" hết bộ Đại Tạng Kinh? Duy nhất chỉ có Hoà thượng niệm niệm trong sáng rõ ràng, mỗi tiếng "Nam-mô A-Di-Đà Phật" đều thành khẩn có thần. ấy mới thật là Tổng tụng Đại Tạng Kinh! Chúng ta đừng thắc mắc tại sao Hoà thượng lúc lâm chung thay đổi đề mục? Ngài là người rất giỏi dùng phép phản diện làm cho người ta thức tỉnh, tự mình thể nghiệm lấy ý vị và khắc dạ ghi tâm.

Tu hành là phải "hành", chớ đâu phải nói-nghe là xong, ví như lúc học lý thuyết ở Viện Y Học "dàn binh bố trận trên giấy" nhất định khác xa khi đối diện với bệnh nhân máu me đầy mình! Chúng ta có thể hiểu rằng cách diễn bày của Hoà thượng và câu "tinh hoa vạn pháp gồm trong sáu chữ" của pháp sư Tuyết Vân tuy hai mà một, thật là vi diệu. Nhiều người khi lâm chung vô cùng khổ sở, chỉ bốn chữ A-Di-Đà Phật còn niệm không nổi, huống gì tụng kinh - mà lại tụng Đại Tạng Kinh! Chúng ta một lòng thành kính tin theo lời dạy "thành tâm niệm Phật, không gì thay đổi", ngõ hầu tránh tình trạng "luyện xong mười tám môn võ nghệ đến khi gặp nạn không biết dùng chiêu nào". Ngày ngày tụng hết kinh này đến kinh khác, tựa hồ như có duyên với rất nhiều Phật nhiều Bồ-tát, lúc sắp lìa đời tâm trí lại rối như tơ vò, không biết nên niệm Phật nào, kỳ thực trong kinh A-Di-Đà nói rằng Chư Phật sáu phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài (quảng trường thiết tướng) tán thán đức Phật A-Di-Đà, khuyên chúng sanh tin và niệm Phật câu vãng sanh Tây Phương. Hiên nhiên, khi chúng ta niệm "A-Di-Đà Phật" thì tất cả chư Phật và Bồ Tát đều hoan hỷ, - ấy gọi là "tổng tụng".

Trước Vãng Sanh hai ngày, Hoà thượng tự mình gõ mõ cho chúng đệ tử niệm Phật, trong cử chỉ đó hàm chứa ý vị rất thâm thúy. Trước những danh hiệu Phật, Bồ-Tát Ngài đều niệm "Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế giới" như:

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Văn Thù Sư Lợi Bồ-Tát
Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Phổ Hiền Bồ-Tát
Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Di-Lặc-Bồ-Tát...

Theo chỗ tôi hiểu, Hoà thượng bảo cho chúng ta biết có thể gặp các vị Đại Bồ-Tát ấy ở Tây Phương, chỉ cần chuyên tâm niệm Phật A-Di-Đà nhà Ngài thì có thể cùng với các bậc Bồ-Tát đồng hành!

Có lần tôi đi với một bác sĩ lên núi xin thỉnh giáo ngài. Vị bác sĩ hỏi: "Thưa Ngài, ngồi thiền như thế nào thì mới thông khí mạch?" Hoà thượng trả lời: "Đâu cần đã thông khí mạch, nhất tâm niệm Phật, chúng niệm Phật tam-muội thì tất cả khí mạch đều thông". Đây là lời chỉ dạy trung thực của một người đã đạt đến chỗ tự tại dành

cho chúng ta. Ai thông minh ắt không trở lại con đường quanh co oan uổng, ngõ hầu tránh khỏi cái cảnh "sắp chết hồi tiếc thì đã muộn". Hãy sớm chuẩn bị hành trang, như Hoà thượng đã tuyên bố từ trước:

"Tôi đã mua vé xe rồi, và đứng số xe!"

Xin hỏi, vé xe của quý vị tu học đàn anh đã mua chưa? có đứng số xe không? hay là không muốn có chỗ ngồi? hoặc chẳng muốn lên xe? Cũng có thể quý vị đã sớm chuẩn bị tốt rồi, để khỏi phải như chúng tôi đợi sau khi Hoà thượng nhập diệt mới lên núi niệm Phật! Niệm được một vài tiếng đồng hồ nước mắt tuôn trào... niệm không thành câu đê cúng dường Hoà thượng! Cúi đầu chẳng dám ngẩng lên vì cảm thấy không xứng đáng với lời giáo huấn, dặn dò của Người! Thật xót xa đau khổ vì xấu hổ ân hận! Nguyện cầu các bậc tu học đàn anh sớm mua vé đứng xe "Kim Đài Thượng Phẩm Thượng Sanh!"

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Thần Dij Thiên
Pháp Thân Hoà Thượng Quảng Khâm thị hiện linh hiển
Phùng Phùng
(Thiên Hoa Nguyệt San ngày 1/5/1986)

1 Hiện pháp thân

Chiều tối ngày mùng 3 tháng Giêng năm Bính Dần (1½/1986), khoá công phu tối vừa xong, tôi đang ngồi tĩnh lặng bỗng thấy một vùng ánh sáng vàng xoay vần, hiện ra một vị Bồ-Tát pháp tướng trang nghiêm, toàn thân toả phát ánh sáng vàng, trên đầu có vòng hào quang thật lớn, nhưng trên mình không trang sức gì, rất giản đơn, cổ mang tràng hạt bồ đề lớn. Nét mặt từ ái hiền hoà mỉm cười với tôi, nhưng tôi không nhận ra Ngài là ai.

Tôi hoảng hốt vội vàng đánh lễ và thưa: "Kính lạy Bồ-Tát xá tội cho đệ tử mắt phàm ngu muội. Xin cho con được biết Ngài là đáng Bồ-Tát nào giáng lâm?"

Ngài mỉm cười không trả lời - Tôi nhìn kỹ pháp tướng Ngài, nhận thấy Ngài là một cụ già rất gầy, tuổi khoảng trên 90 hay 100, có điều là diện mạo không có vẻ già như tuổi, trông như chừng 6, 7 mươi tuổi và rất thanh tú. Sống mũi cao dài và đầy đặn, hao hao giống mũi người Hy Lạp, cằm dài và hơi hướng ra trước, đôi mắt sáng ngời tinh thần của bậc đại trí tuệ, đôi vành tai rất dài và lớn, đầu cạo nhẵn tóc, hai bờ dưới mí mắt đầy, mỏng và hơi sa xuống, nhân trung rất sâu, đôi mày rậm bạc trắng điểm vài sợi đặc biệt dài; toàn thân Ngài toả ra hương vị trái cây, phảng phất mùi hương hoa quít. Ngài là ai mà pháp tướng trang nghiêm từ tường đến như vậy?! Rõ ràng là một vị Bồ-Tát với đầy đủ tướng đẹp của một vị La-Hán. Ai đây mà tôi vừa nhìn thấy liền sinh lòng cung kính và vui mừng vô hạn? Từ trước đến giờ tôi chưa hề thấy vị Bồ-Tát ấy, mà cũng không thể đoán được là ai. Tôi biết Ngài hiển hiện không phải là do ảo giác của tôi. Ngài đang ở trước mặt tôi rõ ràng chân xác. Tôi biết mình chẳng chiêm bao vì tai vẫn nghe tiếng xe chạy xa xa bên ngoài; tiếng chim báo canh đêm trên cây sau vườn cũng rõ ràng mồn một bên tai. Tôi không thể nào hiểu nổi, nên cung kính hỏi pháp hiệu của Bồ-Tát một lần nữa.

Ngài mỉm cười, môi mấp máy: "Ta là Quảng Khâm!"

Ngài nói tiếng Đài Loan chứ không nói tiếng Phổ thông. Tôi nghe được tiếng Mân Nam (tiếng Phúc Kiến - Nđ) và cũng nói được chút ít. Hơn hai mươi năm xa quê hương Tô quốc rồi! Lúc nhỏ ở Đài Loan tôi nói tiếng Đài Loan lưu loát, nay đã quên gần 8-9 phần mười; tuy vậy tôi vẫn còn nghe hiểu được Đài ngữ căn bản, nhưng phải cố gắng mới hiểu được người khác nói gì. Thế mà lúc này, Ngài Hoà thượng vừa mở lời tôi hiểu ngay, duy ngữ âm của Ngài hơi khác với người Đài Loan.

Tôi buột miệng la lên: "A! Ngài là Pháp sư Quảng Khâm!"

Tôi vừa kinh ngạc vừa vui mừng khôn xiết vội quỳ xuống lạy, thưa:

- Kính bạch Pháp sư, Pháp sư đến đây bằng cách nào?

- Muốn đến thì đến!... Ngài mỉm cười nói tiếp: "Chẳng phải là con đã mong có một ngày gặp Thầy sao? Bây giờ Thầy đến để đáp ứng tâm nguyện của con".

- A! Dạ đúng! Dạ đúng rồi! Bạch Pháp sư!

Tôi vui mừng không thể tả, nói: "Con kính ngưỡng Ngài đã từ lâu rồi, không có duyên gần gũi, tối nay được gặp Ngài, thật là vui mừng hạnh phúc, đệ tử vô cùng sung sướng!".

- Con là một thanh niên tốt, - Ngài nói - con nên cố gắng hộ Pháp nhiều hơn! Con đã làm điều phải, đừng sợ dèm pha!

- Đa tạ Pháp sư! - Tôi cảm động quá không biết nói gì thêm.

- Con nói không có duyên là không đúng! Có nguyện thì có duyên, duyên là do nguyện mà phát sinh.

- Pháp sư chỉ dạy thật đúng! Hồi con còn ở Đài Loan, tuổi nhỏ tánh ương ngạnh chẳng có ý nguyện lên núi đánh lễ các bậc Trưởng lão Đại đức, bây giờ con rất hối hận đã để lỡ mất bao nhiêu cơ hội tốt học Phật pháp!

- Điều đó không sao, chỉ cần thành tâm tin Phật học Phật và tu hành; tương lai chúng ta đều sẽ gặp nhau. Ai ai cũng có duyên với Phật, cũng đều là người trên Đại Hội Long Hoa!

Tôi bỗng giật mình hiểu ra, trước mặt tôi không phải nhục thân do cha mẹ sinh ra của Hoà thượng Quảng Khâm mà là Pháp thân của Ngài! Tôi nói lớn:

- Hoà thượng! Ngài thành Bồ-Tát rồi! Thật là tuyệt diệu!

Hoà thượng mỉm cười:

- Ai cũng có thể thành Bồ-Tát. Đâu có gì lạ, ta đi... lại đi... tất cả chẳng qua do nguyện mà thôi.

Tôi không nén được lòng bồn chồn lưu luyến:

- Vậy thưa Ngài, bây giờ Ngài đi đâu?

- Ra đi rồi trở lại! đi rồi lại!

- Kính bạch Pháp sư, Ngài có Pháp huấn gì chỉ dạy cho đệ tử?

- Không! - Ngài lắc đầu mỉm cười: - "không có!".

- Kính xin Pháp sư khai thị cho con! - Ngài vẫn mỉm cười:

- Không có!

Pháp thân Ngài dần dần mờ nhạt.. hào quang dần dần tan biến...

Một sát-na sau khi Ngài biến mất hào quang vụt tắt, bỗng hiện ra hàng ngàn viên xá-lợi bảy màu chiếu sáng, vô cùng rực rỡ trang nghiêm, trong khoảnh khắc quang hoa cũng tắt lịm.

Trước mắt tôi vẫn một màn đen bao trùm gian phòng tĩnh mạch, ngoài khung cửa sổ bầu trời bàng bạc trắng, chim báo canh đã im tiếng. Tôi biết vừa qua không phải là cảnh trong mộng, tuyệt nhiên không phải! Tôi rời khỏi giường chuẩn bị công phu khoá sớm. Mẹ tôi ở phòng bên cũng đã thức dậy, tôi biết người đang tụng kinh.

Ngày hôm đó tôi thưa với mẹ tôi: "Hoà thượng Quảng Khâm chín mươi lăm tuổi ở Đài Loan đã qua đây, có lẽ Ngài đã viên tịch hay sắp viên tịch! Dường như Ngài muốn con trao truyền một cái gì đó có thể là Ngài báo con nhắc cho người đời câu "Bản lai vô nhất vật", hoặc là cho con nhìn thấy trên thân Ngài có hàng ngàn viên xá lợi lóng lánh!

2 Mọi người chấn động

Đầu năm có rất nhiều bạn Phật tử đến nhà tôi mạn đàm, ngày cũng đông. Tôi đem điều mình thấy trong định kể lại với họ, ai nấy đều kinh ngạc nói: "Hoà thượng Quảng Khâm nhất định đã nhập diệt rồi!".

Trong đám khách có bà L...- một nữ Phật tử rất thuần thành. Bà là Hoa kiều sống ở Indônêxia, từng có duyên lành được quy y với Hoà thượng Quảng Khâm. Trước Tết bà ta đến thăm tôi, nói sẽ về nước chiêm bái các danh sơn Phật tự. Bà hỏi tôi có cần nhờ bà việc gì không? Lúc ấy tôi trả lời: "Bà là đệ tử của Hoà thượng Quảng Khâm, lần này đi Đài Loan nên thường lên núi hầu thăm Hoà thượng, vì Ngài sắp nhập Niết-bàn rồi, sau này có trở lại Đài Loan cũng không còn được trông thấy Ngài nữa!" Nhiều người kinh ngạc hỏi:

- Cư sỹ Bôi Đức! Anh thấy trước Ngài Quảng Khâm nhập diệt? Nhập diệt vào lúc nào?" - Tôi nói:

- Hoà thượng đã 94 tuổi, ai mà chẳng đoán được Ngài sẽ nhập diệt nay mai? Tôi chỉ suy đoán vậy thôi! Không dám tự cho là thấy trước.

Ai cũng đồng ý với quan điểm của tôi, nhưng lại có người bảo: "Hoà thượng Hư Vân 120 tuổi mới nhập diệt, Ngài Quảng Khâm có thể thọ trên trăm tuổi!". - Tôi nói:

- Chỉ cầu mong sao được như vậy! Chẳng qua tôi linh cảm dường như Hoà thượng sắp hết nhân duyên với thế gian, tôi dự đoán độ khoảng giữa năm, hoặc là trong mùa xuân năm 1986 Ngài sẽ viên tịch. Mọi người nói: "Mong rằng lần này anh thấy không đúng!".

Bà L. trở về nước hành hương. Và đúng thật, bà làm theo lời tôi, lên núi hầu thăm Hoà thượng, bà có phước duyên lớn được cùng chúng đệ tử hầu cận Ngài trong 10 ngày. Sau khi trở lại Canada bà liền đến gặp tôi và có mặt trong đám đạo hữu, hôm đó nhằm ngày mùng bốn.

Bà nói: "Su phụng tinh thần rất tốt, Ngài rất hiền từ, anh bảo rằng Ngài sắp nhập diệt, chắc là anh nói sai đấy". - Tôi nói:

"Tôi cũng không dám chắc điều tôi nói đúng hay sai, tôi chỉ mong những gì tôi thấy là không đúng; tôi nguyện cầu Ngài Quảng Khâm cũng giống như Hoà thượng Hư Vân, thọ trên trăm tuổi để diu dắt chúng ta. Dù sao, điều tôi thấy đêm qua là điềm chẳng được cát tường cho lắm, có thể là vào lúc này Ngài đã...".- Tôi giật mình la lên:

- Ôi thôi! Ngài viên tịch rồi! Ngài viên tịch rồi!

Mọi người kinh ngạc hỏi dồn lớn tiếng:

- Gì vậy? gì vậy? - Tôi đáp:

- Hình như ba bốn tiếng đồng hồ trước đây Ngài đã nhập diệt rồi!

Tôi nói tiếp:

- Quý vị nên ghi nhớ thời điểm này, hôm nay là ngày 12 tháng 3 năm 1986, tức là ngày mùng 4 tháng Giêng âm lịch, vào lúc 11 giờ 15 phút buổi sáng; Đài Loan hiện giờ khoảng hơn 3,4 giờ chiều ngày mùng 5. Tôi thấy Hoà thượng Quảng Khâm nhập diệt, toàn thân Ngài có xá-lợi lóng lánh chiếu sáng.

3 Nhập Niết-bàn

Bạn bè trong buổi họp dần dần im lặng nghiêm trang, có vài người cúi đầu nức nở. Một vị lên tiếng:

- Nhất định anh thấy sai rồi! Bội Đức, nhất định là anh thấy không đúng! - Tôi bức rức trong lòng:

- Cầu mong sao tôi đã thấy sai!

- Đợi một hai ngày nữa xem sao! - Một vị khác góp ý - Hay là chúng ta gọi điện thoại qua Cao Hùng hỏi thử?
- Có người can:

- Như vậy không nên! gọi điện thoại mà hỏi Hoà thượng còn hay mất thì sao được!

- Vậy thì hãy đợi thêm vài ngày nữa thế nào, xem bên Đài Loan có tin tức gì không? - Và đây là quyết định chung của mọi người.

Tôi liền gọi điện thoại cho bác La Ngộ Đường và bác ruột tôi - Phùng Công Hạ, kể lại hiện tượng bất thường như tôi đã thấy, cả hai vị cùng khuyên tôi nên chờ tin.

Chiều ngày mùng 6, vào lúc bảy giờ chuông điện thoại reo... có tiếng cô nhân viên trực tổng đài viễn thông Đài Bắc nói qua máy:

- Mời ông Phùng Phùng nghe điện thoại.

- Tôi đây! - Tôi khẩn trương nói qua máy:... "Tôi biết, đó là ông Lý Văn Bằng thuộc Thiên Hoa Công Ty gọi điện cho tôi, xin nối điện thoại". - Tôi nói ngay:

- Lý tiên sinh!

- Tôi là Lý Văn Bằng đây. (Đúng là tiếng ông Lý Văn Bằng gọi từ Đài Bắc). Anh có biết Hoà thượng Quảng Khâm...

Ông Lý nói ngay về Ngài Quảng Khâm, chưa hết câu tôi biết liền điều tôi thấy chứng thực. Tôi ngắt lời ông:

- Tôi đã biết rồi. Hoà thượng Quảng Khâm nhập diệt hôm qua! Trước khi nhập diệt, Pháp thân Ngài xuất thần thị hiện ở bên này, toàn thân Ngài là hào quang, xá-lợi chiếu sáng...

Ông Lý nói:

- Hoà thượng nhập diệt hôm qua ngày mùng 5 lúc hơn 2 giờ chiều. Bây giờ tôi muốn hỏi anh, Ngài có để lại xá-lợi không?

- Ngài Quảng Khâm có rất nhiều xá-lợi! Có đến vài ngài viên bảy màu phát ra ánh sáng; rất nhiều xá-lợi, nhiều lắm! Tuy vậy, cũng phải dặn họ xử lý cẩn thận khi làm lễ trà-tỳ!

- Như thế là tôi đỡ lo! - Ông Lý nói - Được mấy lời của anh tôi yên tâm, tôi sẽ thông báo cho họ biết. - Tôi an ủi ông:

- Lý tiên sinh chớ quá thương tâm về Hoà thượng, vì Ngài đã về cõi Niết bàn, Ngài đã thành Phật rồi!

- Vâng, chúng ta nên vui mừng mới phải.

Tất cả chúng ta nên vui mừng mới phải. Hoà thượng Quảng Khâm đã thành Phật thành Bồ-Tát; sao chúng ta không vui mừng mà lại bi thương than khóc? Chúng ta mang cái thân thể vật chất này, cuối cùng cũng trở về với cát bụi. Còn như Hoà thượng là bậc siêu phàm nhập Thánh đã vào Niết-bàn, đắc chứng Chân Như, cùng với Chư Phật Chánh đẳng Chánh Giác vĩnh hằng trong Vũ trụ. Và lại Ngài còn vì nguyện đại bi sẽ trở lại cứu độ chúng sanh.

Chúng ta phải nên vui mừng mới đúng!

Trước giờ tôi chưa từng được gặp Hoà thượng, và cũng chưa từng thấy Ngài qua hình ảnh. Lần này thấy Ngài trong định là lần duy nhất.

Tôi kể lại về hình dáng Ngài, các vị đệ tử của Ngài và các đệ tử thế hệ dưới có mặt trong buổi họp đều nhận rằng hình ảnh miêu tả chính là Hoà thượng Quảng Khâm. Nghe tôi nói như vậy, ai nấy đều đổi buồn làm vui, niệm Phật liên tục.

Hoà thượng Quảng Khâm và tôi chưa từng gặp gỡ nhau. Tôi không có phước duyên được làm đệ tử Ngài, vì sao Ngài thị hiện cho tôi thấy? Sự việc có vẻ như không hợp lý lắm, phải chăng Ngài vì từ bi, nguyện hoằng pháp độ sanh mà thị hiện khắp nơi, và không nở bỏ đứa bé căn cơ thấp kém như tôi? Tôi tin như thế. Nhất định không chỉ riêng mình tôi được nhìn thấy Pháp thân Ngài thị hiện, chắc chắn còn có nhiều người khác cũng được thấy Pháp thân Kim quang của Ngài trong mộng hoặc trong định. Tôi tin rằng Ngài ban bố Pháp ân như mưa móc rải khắp bầu trời. Có người cho rằng vì tôi thường nghe người ta nói về Hoà thượng, ngày nghĩ tưởng điều gì đêm nằm mơ thấy điều ấy; vì tôi hằng ngưỡng mộ Ngài nên sinh ra ảo giác.

Huyễn cũng được mà chân cũng được. Huyền cũng là chân, chân cũng tức là huyền, - quan điểm của tôi là vậy. Tâm linh cảm ứng thì ngàn dặm không là xa, âm dương không cách biệt, đó là sự thực mà khoa học ngày nay đã chứng minh. Tôi tin rằng lần ấy Hoà thượng Quảng Khâm dùng huyền để thị hiện chân.

Được tin sau cùng:

Sau khi hoá táng Ngài, quả nhiên có mấy ngàn hạt xá-lợi bảy màu!

Chúng ta hãy tu hành tinh tấn hơn! Niệm Phật nhiều hơn!

Nam-mô A-Di-Đà Phật!

Xá-lợi linh thiêng của Hoà thượng Quảng Khâm

Đại Hoang

.... Trích từ đặc san "Trung Quốc từ thiện chi thanh".

Đại lão Hoà thượng Quảng Khâm - vị Đạo Sư tinh thần của Phật giáo - đã sáng suốt một đời tu khổ hạnh, đồng thời cũng là một đời đầy truyền kỳ. Ngài từng sống khổ tu trong động trên đỉnh núi 13 năm, hàng phục mãnh hổ, cảm hoá vợnh linh, nhập định bốn tháng suýt bị hoả thiêu, biết trước bão tố, tránh trước nạn xe, trước lúc vãng sanh tự an bài hậu sự... rồi "vỗ bụng thanh thoát ra đi". Thật ra, Ngài "không đến cũng không đi, chẳng có việc gì"; Xá-lợi để lại sau khi trà-tỳ (hoả thiêu) cũng biểu thị tính thần kỳ và linh hiển.

Theo lời kể: Sau Lễ trà-tỳ, người ta nhặt được tổng cộng trên một trăm viên Xá-lợi lớn, những viên còn lại tương đối nhỏ hơn được các đệ tử tại gia chia nhau thỉnh hết. Có một phật tử tới chậm quỳ trước lò hoả táng cầu nguyện suốt đêm, đến khi trời sáng thấy trước chỗ quỳ có một viên Xá-lợi lớn.

Lại có một phật tử đem một nắm tro linh cốt về thờ trong nhà, sau đó phát hiện ra có mấy viên Xá-lợi.

Hai vợ chồng đệ tử nọ tham dự đại lễ trà-tỳ Sư phụ xong, ngay trong ngày đó trở về miền Bắc. Hôm sau (mùng 7 tháng 2) họ nghe nói Hoà thượng để lại nhiều Xá-lợi, liền vội vã lái xe quay vào Nam, đến lò hoả táng, phát hiện trên mái lò có rất nhiều Xá-lợi.

Một thiếu nữ phật tử tìm thấy trong những hoa Xá-lợi một hoa hình dạng rất giống toà sen của Bồ-Tát Quán Thế Âm.

Một bà già tuổi cao, mắt mờ không biết làm sao tìm kiếm cho ra những hạt Xá-lợi nhỏ li ti bà liền quỳ xuống cầu xin Sư phụ từ bi, ba lần khẩn lạy... được ba viên Xá-lợi! Thật là không thể nghĩ bàn.

Một ông họ Trương bảy mươi tuổi mắt mù, nhà ở Đài Bắc, cũng là đồ đệ của Ngài Quảng Khâm (ông thọ giới trong mùa đông năm trước). Vì ông bị bệnh phong thấp nên người nhà chưa kịp báo tin về sự Viên tịch và Lễ hoả táng Hoà thượng. Hay tin Sư phụ đã vãng sanh, ông liền cùng với đứa cháu gái, trong ngày 7 tháng 3 thuê xe xuống miền Nam. Đến "Hoả hoá trường" chùa Diệu Thông, tất cả Xá-lợi trong lò hoả táng đã vào tay các phật tử đến trước! Đau buồn cùng cực, ông khóc ròng vật mình ngã xuống trước lò, hai tay cào vốc hai nắm tro, lấy khăn tay bọc lại, rồi lên chiếc xe cũ ra về; trên đường đi ông không ngừng mặc niệm "Nam mô A-Di-Đà Phật". Về tới nhà ông đem ngay nắm tro hoả táng đặt lên một cái đĩa sơn mài... kỳ lạ thay, trong nắm tro có trên 30 viên Xá-lợi - lớn có nhỏ có - lóng lánh sáng trưng, những ai chứng kiến đều cho là kỳ diệu!

---o0o---